16:18 9/8/24 about:blank



**QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**--------Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**---------------**

Luật số: 101/2015/QH13

**BỘ LUẬT**

**TỐ TỤNG HÌNH SỰ**  
*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủnghĩa Việt Nam;*   
*Quốc hội ban hành Bộ luật tố tụng hình sự,* **PHẦN THỨ NHẤT**   
 **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**   
**Chương I**

about:blank 1/627

16:18 9/8/24 about:blank

**PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, NHIỆM VỤ, HIỆU LỰC CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủtục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủtục thi hành án hình sự; nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm   
quyềntiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

**Điều 2. Nhiệm vụ của Bộ luật tố tụng hình sự**

Bộ luật tố tụng hình sự có nhiệm vụ bảo đảm phát hiện chính xác và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người,quyền công dân, bảo

about:blank 2/627

16:18 9/8/24 about:blank

vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổchức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

**Điều 3. Hiệu lực của Bộ luật tố tụng hình sự**

1. Bộ luật tố tụng hình sự có hiệu lực đối với mọi hoạt động tố tụng hình sự trên lãnh thổnước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hoạt động tố tụng hình sự đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tiến hành theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Trường hợp người nước ngoài thuộc đối tượngđược hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam làthành viên hoặc tập quán quốc tế thì được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc tập quán quốc tế đó; trường hợp điều ước quốc

about:blank 3/627

16:18 9/8/24 about:blank

tế đó không quy định hoặc không có tập quán quốc tế thì được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Bộ luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng* gồm cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

b) *Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng* gồm người tiến hành tố tụng và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

c) *Người tham gia tố tụng* là cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia hoạt động tố tụng theo quyđịnh của Bộ luật này.

d) *Nguồn tin về tội phạm* gồm tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của cơ quan, tổchức, cá nhân, lời khai của người phạm tội tựthú và thông tin về tội phạm do cơ quan có

about:blank 4/627

16:18 9/8/24 about:blank

thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện.

đ) *Người bị buộc tội* gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

e) *Người thân thích của người tham gia tố*  
*tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng* làngười có quan hệ với người tham gia tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bốvợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi;ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột; cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, cháu ruột.

g) *Đương sự* gồm nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanđến vụ án hình sự.

h) *Tự thú* là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện.

about:blank 5/627

16:18 9/8/24 about:blank

i) *Đầu thú* là việc người phạm tội sau khi bịphát hiện đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình.

k) *Áp giải* là việc cơ quan có thẩm quyền   
cưỡng chế người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo đến địađiểm tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử.

l) *Dẫn giải* là việc cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế người làm chứng, người bị tố giác hoặc bị kiến nghị khởi tố đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử hoặc người bị hại từ chối giám định.

m) *Danh bản* là bản ghi thông tin tóm tắt về lýlịch, nhân dạng, ảnh chụp ba tư thế, in dấu vân hai ngón tay trỏ của bị can do cơ quan có thẩm quyền lập và lưu giữ.

n) *Chỉ bản* là bản ghi thông tin tóm tắt về lýlịch và in dấu vân tất cả các ngón tay của bị can do cơ quan có thẩm quyền lập và lưu giữ.

about:blank 6/627

16:18 9/8/24 about:blank

o) *Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng* là việc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử không thực hiện hoặc thực hiện khôngđúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do Bộluật này quy định và đã xâm hại nghiêm trọngđến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xácđịnh sự thật khách quan, toàn diện của vụ án.

2. Trong Bộ luật này, những từ ngữ dưới đâyđược gọi như sau:

a) Cơ quan điều tra Công an huyện, quận, thịxã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc   
thành phố trực thuộc trung ương sau đây gọi làCơ quan điều tra cấp huyện.

b) Cơ quan điều tra Công an tỉnh, thành phốtrực thuộc trung ương sau đây gọi là Cơ quanđiều tra cấp tỉnh.

c) Cơ quan điều tra quân sự quân khu và tươngđương sau đây gọi là Cơ quan điều tra quân sựcấp quân khu.

about:blank 7/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

đ) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

e) Viện kiểm sát quân sự quân khu và tươngđương sau đây gọi là Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu.

g) Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp huyện.

h) Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

i) Tòa án quân sự quân khu và tương đương sau đây gọi là Tòa án quân sự cấp quân khu.

about:blank 8/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm**

1. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, cơquan nhà nước phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm, phối hợp với cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Cơ quan nhà nước phải thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụđược giao; phát hiện kịp thời hành vi vi phạm pháp luật để xử lý và thông báo ngay cho Cơquan điều tra, Viện kiểm sát mọi hành vi phạm tội xảy ra trong cơ quan và trong lĩnh vực quản lý của mình; kiến nghị và gửi tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xem xét, khởi tố đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Thủ trưởng cơ quan nhà nước phải chịu trách nhiệm về việc không thông báo hoặc cung cấp thông tin sai sự thật về hành vi phạm tội xảy ra trong cơ quan và trong lĩnh vực quản lý của mình cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

about:blank 9/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác, báo tin về tội phạm; tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cótrách nhiệm tạo điều kiện để cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân cótrách nhiệm thực hiện yêu cầu và tạo điều kiệnđể cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng thực hiện nhiệm vụ.

5. Cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước cótrách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm   
quyền tiến hành tố tụng trong việc phát hiện vàxử lý tội phạm. Khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển ngay các tài liệu,đồ vật có liên quan và kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xem xét, khởi tố vụ án hình sự.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng thực hiện nhiệm vụ.

about:blank 10/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 6. Phát hiện và khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội**

1. Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, cơquan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phát hiện nguyên nhân và điều kiện   
phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục vàphòng ngừa.

2. Cơ quan, tổ chức hữu quan phải thực hiện yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong thời hạn 15 ngày kể từngày nhận được yêu cầu, kiến nghị, cơ quan, tổchức hữu quan phải trả lời bằng văn bản vềviệc thực hiện yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Chương II**

**NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN**

**Điều 7. Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự**

about:blank 11/627

16:18 9/8/24 about:blank

Mọi hoạt động tố tụng hình sự phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này. Khôngđược giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố,điều tra, truy tố, xét xử ngoài những căn cứ vàtrình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định.

**Điều 8. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cánhân**

Khi tiến hành tố tụng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp đã áp dụng, kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật   
hoặc không còn cần thiết.

**Điều 9. Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật**

Tố tụng hình sự được tiến hành theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng,

about:blank 12/627

16:18 9/8/24 about:blank

tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội. Bất cứngười nào phạm tội đều bị xử lý theo pháp luật.

Mọi pháp nhân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế.

**Điều 10. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể**

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quảtang.

Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quyđịnh của Bộ luật này. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người.

**Điều 11. Bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân**

about:blank 13/627

16:18 9/8/24 about:blank

Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ vềtính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản.

Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính   
mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân đều bị xử lý theo pháp luật.

Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác.

**Điều 12. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín,điện thoại, điện tín của cá nhân**

Không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở,đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật giađình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tưkhác của cá nhân.

Việc khám xét chỗ ở; khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tửvà các hình thức trao đổi thông tin riêng tư

about:blank 14/627

16:18 9/8/24 about:blank

khác phải được thực hiện theo quy định của Bộluật này.

**Điều 13. Suy đoán vô tội**

Người bị buộc tội được coi là không có tội chođến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứđể buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộluật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bịbuộc tội không có tội.

**Điều 14. Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm**

Không được khởi tố, điều tra, truy tố, xét xửđối với người mà hành vi của họ đã có bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp họ thực hiện hành vi nguy hiểm khác cho xã hội mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

**Điều 15. Xác định sự thật của vụ án**

about:blank 15/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơquan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phảiáp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sựthật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội vàchứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng vàtình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của   
người bị buộc tội.

**Điều 16. Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự**

Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờluật sư hoặc người khác bào chữa.

Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng có trách nhiệm thông báo, giải thích vàbảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và

about:blank 16/627

16:18 9/8/24 about:blank

lợi ích hợp pháp của họtheo quy định của Bộluật này.

**Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng**

Trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh thực hiện quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về hành vi, quyết định của mình.

Người vi phạm pháp luật trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án thì tuỳtính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quyđịnh của luật.

**Điều 18. Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự**

Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cótrách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện

about:blank 17/627

16:18 9/8/24 about:blank

pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội.

Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứvà trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định.

**Điều 19. Tuân thủ pháp luật trong hoạt độngđiều tra**

Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra phải tuân thủ pháp luật khi tiến hành hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này.

Mọi hoạt động điều tra phải tôn trọng sự thật, tiến hành khách quan, toàn diện và đầy đủ; phát hiện nhanh chóng, chính xác mọi hành vi phạm tội, làm rõ chứng cứ xác định có tội vàchứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.

**Điều 20. Trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong**

about:blank 18/627

16:18 9/8/24 about:blank

**tố tụng hình sự**

Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội,đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.

**Điều 21. Bảo đảm sự vô tư của người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng**

Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản, người chứng kiến khôngđược tham gia tố tụng nếu có lý do cho rằng họcó thể không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ.

about:blank 19/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 22. Thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia**

Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn do Bộ luật này quy định.

**Điều 23. Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật**

Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉtuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổchức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳhình thức nào thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành   
chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sựtheo quy định của luật.

**Điều 24. Tòa án xét xử tập thể**

Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn do

about:blank 20/627

16:18 9/8/24 about:blank

Bộ luật này quy định.

**Điều 25. Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai**

Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng.

Tòa án xét xử công khai, mọi người đều cóquyền tham dự phiên tòa, trừ trường hợp do Bộluật này quy định. Trường hợp đặc biệt cần giữbí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bímật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải   
tuyên án công khai.

**Điều 26. Tranh tụng trong xét xử được bảođảm**

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác cóthẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra

about:blank 21/627

16:18 9/8/24 about:blank

chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầuđể làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầyđủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sựphải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vìlý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quyđịnh. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủquyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xácđịnh vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản,điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hạiđối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phảiđược trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

about:blank 22/627

16:18 9/8/24 about:blank

Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quảtranh tụng tại phiên tòa.

**Điều 27. Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩmđược bảo đảm**

1. Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảođảm.

Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thểbị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộluật này. Bản án, quyết định sơ thẩm không bịkháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộluật này quy định thì có hiệu lực pháp luật.

Bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòaán có hiệu lực pháp luật.

2. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có tình tiết mới theo quyđịnh của Bộ luật này thì được xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

about:blank 23/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 28. Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyếtđịnh của Tòa án**

1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng. Cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụthi hành bản án, quyết định của Tòa án.

**Điều 29. Tiếng nói và chữ viết dùng trong tốtụng hình sự**

Tiếng nói và chữ viết dùng trong tố tụng hình sự là tiếng Việt. Người tham gia tố tụng cóquyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, trường hợp này phải có phiên dịch.

**Điều 30. Giải quyết vấn đề dân sự trong vụán hình sự**

about:blank 24/627

16:18 9/8/24 about:blank

Việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụán hình sự. Trường hợp vụ án hình sự phải giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại, bồi hoàn màchưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự thì vấnđề dân sự có thể tách ra để giải quyết theo thủtục tố tụng dân sự.

**Điều 31. Bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động tốtụng hình sự**

1. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố,điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự.

Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bịgiữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bịtạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án oan, trái pháp luật do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra.

about:blank 25/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Người khác bị thiệt hại do cơ quan, người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng gây ra có quyềnđược Nhà nước bồi thường thiệt hại.

**Điều 32. Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự**

Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quanđó.

Cơ quan, người có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời,đúng pháp luật; gửi văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo, cơ quan, tổ chức khiếu nại và có biện pháp khắc phục.

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo do Bộ luật này quy định.

Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tốcáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo đểvu khống người khác.

about:blank 26/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 33. Kiểm tra, giám sát trong tố tụng hình sự**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng phải thường xuyên kiểm tra việc tiến hành các hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền; thực hiện kiểm soát giữa các cơ quan trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố,điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

2. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại biểu dân cử có quyền giám sát hoạtđộng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Nếu phát hiện hành vi trái pháp luật của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử có quyền yêu cầu, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vàcác tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, giải quyết theo quy định của Bộ luật này. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành

about:blank 27/627

16:18 9/8/24 about:blank

tố tụng phải xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị, yêu cầu đó theo quy định của pháp luật.

**Chương III**   
 **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, NGƯỜI CÓ THẨM**  **QUYỀN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG**  
**Điều 34. Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng**   
1. Cơ quan tiến hành tố tụng gồm:   
a) Cơ quan điều tra;   
b) Viện kiểm sát;   
c) Tòa án.

2. Người tiến hành tố tụng gồm:   
 a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra;   
 b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên;   
about:blank 28/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm   
phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên.**Điều 35. Cơ quan và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**   
1. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm:   
a) Các cơ quan của Bộ đội biên phòng;   
b) Các cơ quan của Hải quan;   
c) Các cơ quan của Kiểm lâm;   
d) Các cơ quan của lực lượng Cảnh sát biển;đ) Các cơ quan của Kiểm ngư;   
e) Các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;   
g) Các cơ quan khác trong Quân đội nhân dânđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra.

about:blank 29/627

16:18 9/8/24 about:blank

Các cơ quan cụ thể được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại khoản này được quy định tại Luật tổ chức cơquan điều tra hình sự.

2. Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra gồm:

a) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục   
phòng, chống ma túy và tội phạm; Đoàn   
trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm   
phòng, chống ma túy và tội phạm; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đồn trưởng, Phó Đồn trưởng Đồn biên phòng; Chỉhuy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng;

b) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra của Hải quan gồm Cục   
trưởng, Phó Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan; Cục trưởng, Phó Cục

about:blank 30/627

16:18 9/8/24 about:blank

trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phốtrực thuộc trung ương; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu;

c) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra của Kiểm lâm gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm;

d) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát biển gồm Tư lệnh, Phó Tư lệnh Cảnh sát biển; Tưlệnh vùng, Phó Tư lệnh vùng Cảnh sát biển; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Nghiệp vụ vàpháp luật; Đoàn trưởng, Phó Đoàn trưởng  
Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy; Hải đoàn trưởng, Phó Hải đoàn trưởng; Hải đội trưởng, Phó Hải đội trưởng; Đội   
trưởng, Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển;

đ) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra của Kiểm ngư gồm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Kiểm ngư; Chi

about:blank 31/627

16:18 9/8/24 about:blank

cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng;

e) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Công an nhân dân gồm Giám đốc, Phó giámđốc Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy; Cục   
trưởng, Phó Cục trưởng, Trưởng phòng, PhóTrưởng phòng các cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân, Giám thị, Phó Giám thị Trại giam theo quy định của Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự;

g) Người được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân gồm Giám thị, Phó Giám thị Trại giam; Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương.

h) Cán bộ điều tra thuộc các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách**   
**nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơquan điều tra**

about:blank 32/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc khởi tố, điều tra của Cơ quan điều tra;

b) Quyết định phân công hoặc thay đổi PhóThủ trưởng Cơ quan điều tra, thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, kiểm tra việc khởi tố,điều tra vụ án hình sự của Phó Thủ trưởng Cơquan điều tra; quyết định thay đổi hoặc hủy bỏcác quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra.

c) Quyết định phân công hoặc thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra; kiểm tra các hoạt động thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự của Điều tra viên, Cán bộ điều tra; quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Điều tra viên.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

about:blank 33/627

16:18 9/8/24 about:blank

Khi vắng mặt, Thủ trưởng Cơ quan điều tra ủy quyền cho một Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủtrưởng Cơ quan điều tra. Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụđược ủy quyền.

2. Khi tiến hành tố tụng hình sự, Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố, không khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án; quyếtđịnh khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố bị can; quyết định nhập hoặc tách vụán; quyết định ủy thác điều tra;

b) Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định của Bộ luật này;

c) Quyết định truy nã, đình nã bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, xử lý vật chứng;

about:blank 34/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại, khai quật tử thi, thực nghiệm điều tra, thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giám định. Yêu cầu định giá,định giá lại tài sản, yêu cầu thay đổi người định giá tài sản.

đ) Trực tiếp kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm và tiến hành các biện pháp điều tra;

e) Kết luận điều tra vụ án;

g) Quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉđiều tra, phục hồi điều tra vụ án, bị can;

h) Ra các lệnh, quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.

3. Khi được phân công tiến hành việc khởi tố,điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ  
quan điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trừquy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Phó Thủtrưởng Cơ quan điều tra không được giải quyết

about:blank 35/627

16:18 9/8/24 about:blank

khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của mình.

4. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật vềhành vi, quyết định của mình. Thủ trưởng, PhóThủ trưởng Cơ quan điều tra không được ủy quyền cho Điều tra viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên**

1. Điều tra viên được phân công tiến hành hoạtđộng khởi tố, điều tra vụ án hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Trực tiếp kiểm tra, xác minh và lập hồ sơgiải quyết nguồn tin về tội phạm;

b) Lập hồ sơ vụ án hình sự;

c) Yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật;

about:blank 36/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân; lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, bị hại, đương sự;

đ) Quyết định áp giải người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, bị can; quyết định dẫn giải người làm chứng, người bịtố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại;   
quyết định giao người dưới 18 tuổi cho cơ  
quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giám sát; quyết định thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội;

e) Thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, xử lý vật chứng;

g) Tiến hành khám nghiệm hiện trường, khai quật tử thi, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra;

about:blank 37/627

16:18 9/8/24 about:blank

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra theo sựphân công của Thủ trưởng Cơ quan điều tra theo quy định của Bộ luật này.

2. Điều tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra về hành vi, quyết định của mình.

**Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Cán bộ điều tra của Cơ quanđiều tra**

1. Cán bộ điều tra thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây theo sự phân công của Điều tra viên:

a) Ghi biên bản lấy lời khai, ghi biên bản hỏi cung và ghi các biên bản khác khi Điều tra viên tiến hành kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm và điều tra vụ án hình sự;

b) Giao, chuyển, gửi các lệnh, quyết định vàcác văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộluật này;

about:blank 38/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Giúp Điều tra viên trong việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ án vàthực hiện hoạt động tố tụng khác.

2. Cán bộ điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên về hành vi của mình.

**Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách**   
**nhiệm của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**

1. Cấp trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 35 của Bộ luật này có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự theo thẩm quyền;

about:blank 39/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó, cán bộ điều tra trong việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự;

c) Kiểm tra hoạt động thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sựcủa cấp phó và cán bộ điều tra;

d) Quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, cán bộ điều tra;

đ) Quyết định giao người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi cho người đại diện của họ giám sát.

Khi vắng mặt, cấp trưởng ủy quyền cho một cấp phó được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cấp trưởng. Cấp phó chịu trách nhiệm   
trước cấp trưởng về nhiệm vụ được ủy quyền. Cấp trưởng, cấp phó không được ủy quyền cho cán bộ điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

about:blank 40/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Khi tiến hành tố tụng hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng, những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 35 của Bộ luật này có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật từ những người có liên quan để kiểm tra, xác minh   
nguồn tin về tội phạm;

b) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố, không khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án; quyếtđịnh khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can;

c) Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc khám nghiệm hiện trường;

d) Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầuđịnh giá tài sản; quyết định khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án;

about:blank 41/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai bị hại, đương sự; triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, kiến nghị khởi tố; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng; lấy lời khai người bị giữtrong trường hợp khẩn cấp;

e) Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này;

g) Kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra; quyết định tạm đình chỉ điều tra; quyết định phục hồi điều tra.

3. Khi tiến hành tố tụng hình sự đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp, những người được quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 35 của Bộ luật này có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật từ những người có liên quan để kiểm tra, xác minh   
nguồn tin về tội phạm;

about:blank 42/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố, không khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án;

c) Quyết định khám xét, thu giữ, tạm giữ vàbảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếpđến vụ án;

d) Triệu tập và lấy lời khai người làm chứng, bịhại, đương sự.

4. Cán bộ điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lấy lời khai của những người có liên quan đểkiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm;

b) Lập hồ sơ vụ án hình sự;

c) Hỏi cung bị can; lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bịkiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người làm chứng, bị hại, đương sự;

about:blank 43/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Tiến hành khám nghiệm hiện trường; thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án.

5. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơquan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật vềhành vi, quyết định của mình. Cấp trưởng, cấp phó không được ủy quyền cho cán bộ điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách**   
**nhiệm của cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra**

1. Cấp trưởng các cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại điểm e và điểm g khoản 2 Điều 35 của Bộluật này có những nhiệm vụ, quyền hạn:

about:blank 44/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Trực tiếp chỉ đạo hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự theo thẩm quyền;

b) Quyết định phân công hoặc thay đổi cấp phó, cán bộ điều tra trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự;

c) Kiểm tra hoạt động thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sựcủa cấp phó và cán bộ điều tra;

d) Quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cấp phó, cán bộ điều tra.

Khi cấp trưởng vắng mặt, một cấp phó được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cấp trưởng và chịu trách nhiệm trước cấp trưởng vềnhiệm vụ được ủy quyền.

2. Khi tiến hành tố tụng hình sự, những ngườiđược quy định tại điểm e và điểm g khoản 2Điều 35 của Bộ luật này có những nhiệm vụ, quyền hạn:

about:blank 45/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật từ những người có liên quan để kiểm tra, xác minh   
nguồn tin về tội phạm;

b) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; quyết định khởi tố, không khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyếtđịnh khởi tố vụ án;

c) Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc khám nghiệm hiện trường;

d) Quyết định khám xét, thu giữ, tạm giữ vàbảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếpđến vụ án;

đ) Triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại, đương sự.

3. Cán bộ điều tra có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lấy lời khai của những người có liên quan để

about:blank 46/627

16:18 9/8/24 about:blank

kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm;

b) Lập hồ sơ vụ án hình sự;

c) Lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại, đương sự;

d) Tiến hành khám nghiệm hiện trường; thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án;

đ) Giao, gửi các lệnh, quyết định và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này.

4. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơquan của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình. Cấp   
trưởng, cấp phó không được ủy quyền cho cán bộ điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

about:blank 47/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự;

b) Quyết định phân công hoặc thay đổi PhóViện trưởng Viện kiểm sát; kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của PhóViện trưởng Viện kiểm sát; quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát;

c) Quyết định phân công hoặc thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Kiểm sát viên;

about:blank 48/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Quyết định rút, đình chỉ hoặc hủy bỏ quyếtđịnh không có căn cứ và trái pháp luật của Viện kiểm sát cấp dưới;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát.

Khi vắng mặt, Viện trưởng Viện kiểm sát ủy quyền cho một Phó Viện trưởng Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát về nhiệm vụ được ủy quyền.

2. Khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tốtụng hình sự, Viện trưởng Viện kiểm sát cónhững nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được   
giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; quyết định khởi tố, không khởi tố, thay đổi, bổ sung quyếtđịnh khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy định của Bộ luật này;

about:blank 49/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; quyết định khởi tố,   
không khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyếtđịnh khởi tố vụ án; quyết định khởi tố, bổ sung hoặc thay đổi quyết định khởi tố bị can; quyếtđịnh nhập, tách vụ án;

c) Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; quyết định việc gia hạn kiểm tra và xác minh nguồn tin về tội phạm, gia hạn tạm giữ, gia hạn điều tra, gia hạn tạm giam, gia hạn truy tố;

d) Quyết định khám xét, thu giữ, tạm giữ, xử lývật chứng;

đ) Quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại, thực nghiệm điều tra; thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giámđịnh. Yêu cầu định giá, định giá lại tài sản, yêu cầu thay đổi người định giá tài sản;

e) Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành

about:blank 50/627

16:18 9/8/24 about:blank

một số hoạt động điều tra thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra;

g) Phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết  
định, lệnh của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

h) Quyết định hủy bỏ các quyết định, lệnh   
không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quanđiều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

i) Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra; quyết định chuyển vụ án;

k) Quyết định áp dụng, đình chỉ biện pháp bắt buộc chữa bệnh;

l) Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn hoặc hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn;

m) Quyết định truy tố bị can, trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc điều tra lại;

about:blank 51/627

16:18 9/8/24 about:blank

n) Yêu cầu phục hồi điều tra; quyết định tạmđình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, đình chỉ hoặc tạmđình chỉ vụ án đối với bị can; quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết   
nguồn tin về tội phạm; quyết định phục hồiđiều tra vụ án, phục hồi điều tra đối với bị can, phục hồi vụ án, phục hồi vụ án đối với bị can;

o) Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giámđốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòaán theo quy định của Bộ luật này;

p) Thực hiện quyền kiến nghị theo quy định của pháp luật;

q) Ban hành quyết định, lệnh và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát.

3. Khi được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tốtụng hình sự, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát cónhững nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Phó Viện trưởng Viện kiểm

about:blank 52/627

16:18 9/8/24 about:blank

sát không được giải quyết khiếu nại, tố cáo vềhành vi, quyết định của mình.

4. Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình. Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát không được ủy quyền cho Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên**

1. Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Trực tiếp giải quyết và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm;

c) Kiểm sát việc thụ lý, giải quyết nguồn tin vềtội phạm, khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn

about:blank 53/627

16:18 9/8/24 about:blank

chặn, biện pháp cưỡng chế; kiểm sát việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc lập hồ sơ vụ án của cơ quan, người có thẩm quyềnđiều tra; kiểm sát hoạt động khởi tố, điều tra của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

d) Trực tiếp kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét;

đ) Kiểm sát việc tạm đình chỉ, phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; việc tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra, kết thúc điều tra;

e) Đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã, đình nã bị can;

g) Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, người làm chứng, bị hại, đương sự; lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp;

about:blank 54/627

16:18 9/8/24 about:blank

h) Quyết định áp giải người bị bắt, bị can;   
quyết định dẫn giải người làm chứng, người bịtố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại;   
quyết định giao người dưới 18 tuổi cho cơ  
quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giám sát; quyết định thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội;

i) Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này;

k) Yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, đề nghị thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật;

l) Tiến hành tố tụng tại phiên tòa; công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, các quyết định khác của Viện kiểm sát vềviệc buộc tội đối với bị cáo; xét hỏi, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp;

m) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giaiđoạn xét xử của Tòa án và những người tham

about:blank 55/627

16:18 9/8/24 about:blank

gia tố tụng; kiểm sát bản án, quyết định và các văn bản tố tụng khác của Tòa án;

n) Kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án;

o) Thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị theo quy định của pháp luật;

p) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát theo sựphân công của Viện trưởng Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật này.

2. Kiểm sát viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát về hành vi, quyết định của mình.

**Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm tra viên**

1. Kiểm tra viên thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây theo sự phân công của Kiểm sát viên:

about:blank 56/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Ghi biên bản lấy lời khai, ghi biên bản hỏi cung và ghi các biên bản khác trong tố tụng hình sự;

b) Giao, chuyển, gửi các lệnh, quyết định vàcác văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộluật này;

c) Giúp Kiểm sát viên trong việc lập hồ sơkiểm sát, hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm và tiến hành hoạt động tố tụng khác.

2. Kiểm tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Viện trưởng, Phó Viện   
trưởng Viện kiểm sát và Kiểm sát viên về hành vi của mình.

**Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách**   
**nhiệm của Chánh án, Phó Chánh án Tòa án**

1. Chánh án Tòa án có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Trực tiếp tổ chức việc xét xử vụ án hình sự; quyết định giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử;

about:blank 57/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Quyết định phân công Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm giải quyết, xét xử vụ án hình sự; quyết định phân công Thư ký Tòa án tiến hành tố tụng đối với vụ án hình sự; quyếtđịnh phân công Thẩm tra viên thẩm tra hồ sơvụ án hình sự;

c) Quyết định thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án trước khi mở phiên tòa;

d) Ra quyết định thi hành án hình sự;

đ) Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù;

e) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;

g) Quyết định xoá án tích;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Khi vắng mặt, Chánh án Tòa án ủy quyền cho một Phó Chánh án Tòa án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án. Phó Chánh án Tòa án phải chịu trách nhiệm trước Chánh án Tòa án về nhiệm vụ được ủy quyền.

about:blank 58/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Khi tiến hành việc giải quyết vụ án hình sự, Chánh án Tòa án có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏbiện pháp tạm giam, xử lý vật chứng;

b) Quyết định áp dụng, đình chỉ biện pháp bắt buộc chữa bệnh;

c) Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn hoặc hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn;

d) Kiến nghị, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án;

đ) Quyết định và tiến hành hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án;

e) Tiến hành hoạt động tố tụng khác theo quyđịnh của Bộ luật này.

3. Khi được phân công giải quyết, xét xử vụ án hình sự, Phó Chánh án Tòa án có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2Điều này, trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều

about:blank 59/627

16:18 9/8/24 about:blank

này. Phó Chánh án Tòa án không được giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của mình.

4. Chánh án, Phó Chánh án Tòa án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyếtđịnh của mình. Chánh án, Phó Chánh án Tòaán không được ủy quyền cho Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Điều 45. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán**

1. Thẩm phán được phân công giải quyết, xét xử vụ án hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa;

b) Tiến hành xét xử vụ án;

c) Tiến hành hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử;

about:blank 60/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Tiến hành hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án.

2. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có những   
nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này và những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trừ biện pháp tạm giam;

b) Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

c) Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết địnhđình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án;

d) Điều hành việc xét xử vụ án, tranh tụng tại phiên tòa;

đ) Quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại, thực nghiệm điều tra; thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giámđịnh; yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu thay đổi người định giá tài sản;

about:blank 61/627

16:18 9/8/24 about:blank

e) Yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội; yêu cầu cử, thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật;

g) Quyết định triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án theo quy định của Bộ luật này.

3. Thẩm phán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

**Điều 46. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội thẩm**

1. Hội thẩm được phân công xét xử sơ thẩm vụán hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa;

b) Tiến hành xét xử vụ án;

about:blank 62/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Tiến hành hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử.

2. Hội thẩm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

**Điều 47. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách**   
**nhiệm của Thư ký Tòa án**   
1. Thư ký Tòa án được phân công tiến hành tốtụng đối với vụ án hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn:   
a) Kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập; nếu có người vắng mặt thìphải nêu lý do;   
b) Phổ biến nội quy phiên tòa;   
c) Báo cáo Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa và những người vắng mặt;   
d) Ghi biên bản phiên tòa;

about:blank 63/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Tiến hành hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án.

2. Thư ký Tòa án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chánh án Tòa án về hành vi của mình.

**Điều 48. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm tra viên**

1. Thẩm tra viên được phân công tiến hành tốtụng đối với vụ án hình sự có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thẩm tra hồ sơ vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo sựphân công của Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án;

b) Kết luận việc thẩm tra và báo cáo kết quảthẩm tra với Chánh án Tòa án hoặc Phó Chánhán Tòa án;

c) Thẩm tra viên giúp Chánh án Tòa án thực hiện nhiệm vụ về công tác thi hành án thuộc

about:blank 64/627

16:18 9/8/24 about:blank

thẩm quyền của Tòa án và nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chánh án Tòa án hoặc PhóChánh án Tòa án.

2. Thẩm tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chánh án, Phó Chánh án Tòa án về hành vi của mình.

**Điều 49. Các trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tốtụng**

Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải từchối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp:

1. Đồng thời là bị hại, đương sự; là người đại diện, người thân thích của bị hại, đương sựhoặc của bị can, bị cáo;

2. Đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật trong vụ án đó;

about:blank 65/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ cóthể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

**Điều 50. Người có quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng**

1. Kiểm sát viên.

2. Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bị hại,   
nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện của họ.

3. Người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợiích hợp pháp của bị hại, nguyên đơn dân sự, bịđơn dân sự.

**Điều 51. Thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra**

1. Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại Điều 49 của Bộ luật này;

about:blank 66/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó với tưcách là Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên hoặc Thư kýTòa án.

2. Việc thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra do Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởngCơ quanđiều tra quyết định.

Điều tra viên bị thay đổi là Thủ trưởng Cơquan điều tra thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì việc điều tra vụ án do Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp tiến hành.

**Điều 52. Thay đổi Kiểm sát viên, Kiểm tra viên**

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại Điều 49 của Bộ luật này;

about:blank 67/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó với tưcách là Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên hoặc Thư kýTòa án.

2. Việc thay đổi Kiểm sát viên trước khi mởphiên tòa do Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp được phân công giải quyết vụ án quyết định.

Kiểm sát viên bị thay đổi là Viện trưởng Viện kiểm sát thì do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định.

Trường hợp phải thay đổi Kiểm sát viên tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

**Điều 53. Thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm**

1. Thẩm phán, Hội thẩm phải từ chối tham gia xét xử hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại Điều 49 của Bộ luật này;

about:blank 68/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Họ cùng trong một Hội đồng xét xử và làngười thân thích với nhau;

c) Đã tham gia xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm hoặc tiến hành tố tụng vụ án đó với tư cách làĐiều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án.

2. Việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm trước khi mở phiên tòa do Chánh án hoặc Phó Chánhán Tòa án được phân công giải quyết vụ án quyết định.

Thẩm phán bị thay đổi là Chánh án Tòa án thìdo Chánh án Tòa án trên một cấp quyết định.

Việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định trước khi bắt đầu xét hỏi bằng cách biểu quyết tại phòng nghị án. Khi xem xét thay đổi thành viên nào thì thành viên đó được trình bày ý kiến của mình, Hội đồng quyết định theo đa số.

Trường hợp phải thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử ra quyếtđịnh hoãn phiên tòa.

about:blank 69/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 54. Thay đổi Thư ký Tòa án**

1. Thư ký Tòa án phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại Điều 49 của Bộ luật này;

b) Đã tiến hành tố tụng vụ án đó với tư cách làKiểm sát viên, Kiểm tra viên, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Thẩm phán, Hội thẩm, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án.

2. Việc thay đổi Thư ký Tòa án trước khi mởphiên tòa do Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòaán được phân công giải quyết vụ án quyết định.

Việc thay đổi Thư ký Tòa án tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định.

Trường hợp phải thay đổi Thư ký Tòa án tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm ngừng phiên tòa.

**Chương IV**

about:blank 70/627

16:18 9/8/24 about:blank

**NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG**  
**Điều 55. Người tham gia tố tụng**   
1. Người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghịkhởi tố.

2. Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

3. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. 4. Người bị bắt.

5. Người bị tạm giữ.

6. Bị can.

7. Bị cáo.

8. Bị hại.

9. Nguyên đơn dân sự.

10. Bị đơn dân sự.

11. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

71/627 about:blank

16:18 9/8/24 about:blank

12. Người làm chứng.

13. Người chứng kiến.

14. Người giám định.

15. Người định giá tài sản.

16. Người phiên dịch, người dịch thuật.

17. Người bào chữa.

18. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

19. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố.

20. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phạm tội, người đại diện khác theo quyđịnh của Bộ luật này.

**Điều 56. Người tố giác, báo tin về tội phạm,**  **kiến nghị khởi tố**  
 1. Cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm; cơ quan, tổ chức đã báo tin về tội phạm, kiến nghịabout:blank 72/627

16:18 9/8/24 about:blank

khởi tố có quyền:

a) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giữ bí mật việc tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghịkhởi tố, bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ, người thân thích của họkhi bị đe dọa;

b) Được thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

c) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại   
khoản 1 Điều này phải có mặt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin vềtội phạm, trình bày trung thực về những tình tiết mà mình biết về sự việc.

**Điều 57. Người bị tố giác, người bị kiến nghịkhởi tố**

about:blank 73/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tốcó quyền:

a) Được thông báo về hành vi bị tố giác, bịkiến nghị khởi tố;

b) Được thông báo, giải thích về quyền vànghĩa vụ quy định tại Điều này;

c) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến;

d) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

đ) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

e) Tự bảo vệ hoặc nhờ người bảo vệ quyền vàlợi ích hợp pháp cho mình;

g) Được thông báo kết quả giải quyết tố giác, kiến nghị khởi tố;

h) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

about:blank 74/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tốphải có mặt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, kiến nghị khởi tố.

**Điều 58. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt**

1. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quảtang và người bị bắt theo quyết định truy nã cóquyền:

a) Được nghe, nhận lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt người bị giữtrong trường hợp khẩn cấp, quyết định phêchuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quyết định truy nã;

b) Được biết lý do mình bị giữ, bị bắt;

c) Được thông báo, giải thíchvề quyền vànghĩa vụ quy định tại Điều này;

d) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội;

about:blank 75/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

e) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tốtụng kiểm tra, đánh giá;

g) Tự bào chữa, nhờ người bào chữa;

h) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc giữ người, bắt người.

2. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt có nghĩa vụ chấp hành lệnh giữngười, lệnh bắt người và yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền giữ người, bắt người theo quy định của Bộ luật này.

**Điều 59. Người bị tạm giữ**

1. Người bị tạm giữ là người bị giữ trong   
trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ.

2. Người bị tạm giữ có quyền:

about:blank 76/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Được biết lý do mình bị tạm giữ; nhận quyếtđịnh tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giữ, quyếtđịnh phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ vàcác quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này;

b) Được thông báo, giải thích về quyền vànghĩa vụ quy định tại Điều này;

c) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội;

d) Tự bào chữa, nhờ người bào chữa;

đ) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

e) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

g) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về việc tạm giữ.

3. Người bị tạm giữ có nghĩa vụ chấp hành các quy định của Bộ luật này và Luật thi hành tạm

about:blank 77/627

16:18 9/8/24 about:blank

giữ, tạm giam.

**Điều 60. Bị can**

1. Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố vềhình sự. Quyền và nghĩa vụ của bị can là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định của Bộ luật này.

2. Bị can có quyền:

a) Được biết lý do mình bị khởi tố;

b) Được thông báo, giải thích về quyền vànghĩa vụ quy định tại Điều này;

c) Nhận quyết định khởi tố bị can; quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định thay đổi, bổsung quyết định khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra;   
quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản

about:blank 78/627

16:18 9/8/24 about:blank

cáo trạng, quyết định truy tố và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này;

d) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội;

đ) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

e) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

g) Đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghịthay đổi người có thẩm quyền tiến hành tốtụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

h) Tự bào chữa, nhờ người bào chữa;

i) Đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệuđược số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu;

about:blank 79/627

16:18 9/8/24 about:blank

k) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. Bị can có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị áp giải, nếu bỏ trốn thì bị truy nã;

b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

4. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ  
trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa khi bịcan có yêu cầu quy định tại điểm i khoản 2Điều này.

**Điều 61. Bị cáo**

about:blank 80/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Bị cáo là người hoặc pháp nhân đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử. Quyền và nghĩa vụcủa bị cáo là pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo quy định của Bộ luật này.

2. Bị cáo có quyền:

a) Nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyếtđịnh áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; quyết định đình chỉvụ án; bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộluật này;

b) Tham gia phiên tòa;

c) Được thông báo, giải thích về quyền vànghĩa vụ quy định tại Điều này;

d) Đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghịthay đổi người có thẩm quyền tiến hành tốtụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghịtriệu tập người làm chứng, bị hại, người cóquyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người

about:blank 81/627

16:18 9/8/24 about:blank

giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa;

đ) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

e) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

g) Tự bào chữa, nhờ người bào chữa;

h) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội;

i) Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọađồng ý; tranh luận tại phiên tòa;

k) Nói lời sau cùng trước khi nghị án;

l) Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa;

m) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;

about:blank 82/627

16:18 9/8/24 about:blank

n) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Bị cáo có nghĩa vụ:   
a) Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khảkháng hoặc không do trở ngại khách quan thìcó thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã; b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của Tòa án.

**Điều 62. Bị hại**   
1. Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thểchất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra.

2. Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền: a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;   
 b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; about:blank 83/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

d) Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quyđịnh của pháp luật;

đ) Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án;

e) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giátài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

g) Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường;

h) Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề  
nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa đểbảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa;

i) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;

about:blank 84/627

16:18 9/8/24 about:blank

k) Tham gia các hoạt động tố tụng theo quyđịnh của Bộ luật này;

l) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tốtụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;

m) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;

n) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họtrình bày lời buộc tội tại phiên tòa.

4. Bị hại có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ývắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải;

about:blank 85/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

5. Trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì ngườiđại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại Điều này.

Cơ quan, tổ chức là bị hại có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền vànghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều này.

**Điều 63. Nguyên đơn dân sự**

1. Nguyên đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổchức bị thiệt hại do tội phạm gây ra và có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện của họ có quyền:

a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;

b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

about:blank 86/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

d) Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án;

đ) Yêu cầu giám định, định giá tài sản theo quyđịnh của pháp luật;

e) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giátài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

g) Đề nghị mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường;

h) Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đềnghị chủ tọa phiên tòa hỏi người tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệquyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; xem biên bản phiên tòa;

i) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;

about:blank 87/627

16:18 9/8/24 about:blank

k) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; l) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án vềphần bồi thường thiệt hại;   
m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên đơn dân sự có nghĩa vụ:   
a) Có mặt theo giấy triệu tập của người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng;   
b) Trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến việc bồi thường thiệt hại;   
c) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Điều 64. Bị đơn dân sự**  
1. Bị đơn dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức mà pháp luật quy định phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

about:blank 88/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Bị đơn dân sự hoặc người đại diện của họ cóquyền:   
a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;   
b) Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn dân sự;   
c) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; d) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;  
đ) Yêu cầu giám định, định giá tài sản theo quyđịnh của pháp luật;   
e) Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án có liên quan đến việc đòi bồi thường   
thiệt hại;   
g) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giátài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

about:blank 89/627

16:18 9/8/24 about:blank

h) Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề  
nghị chủ tọa phiên tòa hỏi người tham gia   
phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệquyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; xem biên bản phiên tòa;

i) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;

k) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

l) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án vềphần bồi thường thiệt hại;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Bị đơn dân sự có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến việc bồi thường thiệt hại;

about:blank 90/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Điều 65. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**   
1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ có quyền: a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;   
b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; c) Yêu cầu giám định, định giá tài sản theo quyđịnh của pháp luật;   
d) Tham gia phiên tòa; phát biểu ý kiến, đềnghị chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệquyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa;

about:blank 91/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợiích hợp pháp cho mình;   
e) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;   
g) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án vềnhững vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình;   
h) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có nghĩa vụ:   
a) Có mặt theo giấy triệu tập của người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng;   
b) Trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình;   
c) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

about:blank 92/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 66. Người làm chứng**   
1. Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng.

2. Những người sau đây không được làm   
chứng:   
a) Người bào chữa của người bị buộc tội;   
b) Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thểchất mà không có khả năng nhận thức được những tình tiết liên quan nguồn tin về tội phạm, về vụ án hoặc không có khả năng khai báo  
đúng đắn.

3. Người làm chứng có quyền:   
 a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;   
 b) Yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản và  
 quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;   
about:blank 93/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng;

d) Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

4. Người làm chứng có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp cố ývắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải;

b) Trình bày trung thực những tình tiết màmình biết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và lý do biết được những tình tiết đó.

5. Người làm chứng khai báo gian dối hoặc từchối khai báo, trốn tránh việc khai báo màkhông vì lý do bất khả kháng hoặc không do

about:blank 94/627

16:18 9/8/24 about:blank

trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

6. Cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc hoặc học tập có trách nhiệm tạo điều kiệnđể họ tham gia tố tụng.

**Điều 67. Người chứng kiến**   
1. Người chứng kiến là người được cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu chứng kiến việc tiến hành hoạt động tố tụng theo quyđịnh của Bộ luật này.

2. Những người sau đây không được làm người chứng kiến:   
a) Người thân thích của người bị buộc tội,   
người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;   
b) Người do nhược điểm về tâm thần hoặc thểchất mà không có khả năng nhận thức đúng sựviệc;   
c) Người dưới 18 tuổi;

about:blank 95/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Có lý do khác cho thấy người đó không khách quan.

3. Người chứng kiến có quyền:   
a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;   
b) Yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tốtụng tuân thủ quy định của pháp luật, bảo vệtính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;   
c) Xem biên bản tố tụng, đưa ra nhận xét vềhoạt động tố tụng mà mình chứng kiến;   
d) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia chứng kiến;đ) Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phítheo quy định của pháp luật.

4. Người chứng kiến có nghĩa vụ:

about:blank 96/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Có mặt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Chứng kiến đầy đủ hoạt động tố tụng được yêu cầu;

c) Ký biên bản về hoạt động mà mình chứng kiến;

d) Giữ bí mật về hoạt động điều tra mà mình chứng kiến;

đ) Trình bày trung thực những tình tiết màmình chứng kiến theo yêu cầu của cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Điều 68. Người giám định**

1. Người giám định là người có kiến thức   
chuyên môn về lĩnh vực cần giám định, được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu, người tham gia tố tụng yêu cầu giám định theo quy định của pháp luật.

2. Người giám định có quyền:

about:blank 97/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Tìm hiểu tài liệu của vụ án có liên quan đếnđối tượng phải giám định;

b) Yêu cầu cơ quan trưng cầu, người tham gia tố tụng yêu cầu giám định cung cấp tài liệu cần thiết cho việc kết luận;

c) Tham dự vào việc hỏi cung, lấy lời khai vàđặt câu hỏi về những vấn đề có liên quan đếnđối tượng giám định;

d) Từ chối thực hiện giám định trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành giám định, các tài liệu cung cấp không đủ hoặc không cógiá trị để kết luận, nội dung yêu cầu giám định vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình;

đ)Ghi riêng ý kiến của mình vào bản kết luận chung nếu không thống nhất với kết luận chung trong trường hợp giám định do tập thể giámđịnh tiến hành;

e) Các quyền khác theo quy định của Luật giám định tư pháp.

about:blank 98/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Người giám định có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Giữ bí mật điều tra mà mình biết được khi thực hiện giám định;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật giám định tư pháp.

4. Người giám định kết luận gian dối hoặc từchối kết luận giám định mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

5. Người giám định phải từ chối tham gia tốtụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đồng thời là bị hại, đương sự; là người đại diện, người thân thích của bị hại, đương sựhoặc của bị can, bị cáo;

b) Đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người phiên dịch, người dịch

about:blank 99/627

16:18 9/8/24 about:blank

thuật, người định giá tài sản trong vụ án đó; c) Đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó.

6. Việc thay đổi người giám định do cơ quan trưng cầu giám định quyết định.

**Điều 69. Người định giá tài sản**   
1. Người định giá tài sản là người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực giá, được cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng yêu cầu định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Người định giá tài sản có quyền:   
 a) Tìm hiểu tài liệu của vụ án liên quan đến đối tượng phải định giá;   
 b) Yêu cầu cơ quan yêu cầu định giá, người tham gia tố tụng yêu cầu định giá cung cấp tài liệu cần thiết cho việc định giá;   
 c) Từ chối thực hiện định giá trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành định giá, các tài liệu cung cấp không đủ hoặc không có giáabout:blank 100/627

16:18 9/8/24 about:blank

trị để định giá, nội dung yêu cầu định giá vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình;

d) Ghi ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận chung nếu không thống nhất với kết luận của Hội đồng định giá tài sản;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người định giá tài sản có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Giữ bí mật điều tra mà mình biết được khi thực hiện định giá tài sản;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của luật.

4. Người định giá tài sản kết luận gian dối hoặc từ chối tham gia định giá mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

5. Người định giá tài sản phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong

about:blank 101/627

16:18 9/8/24 about:blank

các trường hợp:

a) Đồng thời là bị hại, đương sự; là người đại diện, người thân thích của bị hại, đương sựhoặc của bị can, bị cáo;

b) Đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật trong vụ án đó;

c) Đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó.

6. Việc thay đổi người định giá tài sản do cơquan yêu cầu định giá tài sản quyết định.

**Điều 70. Người phiên dịch, người dịch thuật**

1. Người phiên dịch, người dịch thuật là người có khả năng phiên dịch, dịch thuật và được cơquan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu trong trường hợp có người tham gia tố tụng không sử dụng được tiếng Việt hoặc có tài liệu tố tụng không thể hiện bằng tiếng Việt.

2. Người phiên dịch, người dịch thuật cóquyền:

about:blank 102/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;

b) Đề nghị cơ quan yêu cầu bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;

c) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc phiên dịch, dịch thuật;

d) Được cơ quan yêu cầu chi trả thù lao phiên dịch, dịch thuật và các chế độ khác theo quyđịnh của pháp luật.

3. Người phiên dịch, người dịch thuật có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Phiên dịch, dịch thuật trung thực. Nếu phiên dịch, dịch thuật gian dối thì người phiên dịch, người dịch thuật phải chịu trách nhiệm hình sựtheo quy định của Bộ luật hình sự;

about:blank 103/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Giữ bí mật điều tra mà mình biết được khi phiên dịch, dịch thuật;   
d) Phải cam đoan trước cơ quan đã yêu cầu vềviệc thực hiện nghĩa vụ của mình.

4. Người phiên dịch, người dịch thuật phải từchối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi khi   
thuộc một trong các trường hợp:   
a) Đồng thời là bị hại, đương sự; là người đại diện, người thân thích của bị hại, đương sựhoặc của bị can, bị cáo;   
b) Đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản trong vụ án đó;   
c) Đã tiến hành tố tụng trong vụ án đó.

5. Việc thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật do cơ quan yêu cầu phiên dịch, dịch thuật quyết định.

6. Những quy định tại Điều này cũng áp dụngđối với người biết được cử chỉ, hành vi của người câm, người điếc, chữ của người mù.

about:blank 104/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 71. Trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng có trách nhiệm thông báo, giải thích vàbảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộluật này.

Trường hợp người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho họ quyền được trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhànước.

2. Việc thông báo, giải thích phải ghi vào biên bản.

**Chương V**

about:blank 105/627

16:18 9/8/24 about:blank

**BÀO CHỮA, BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢIÍCH HỢP PHÁP CỦA BỊ HẠI, ĐƯƠNG SỰ**

**Điều 72. Người bào chữa**

1. Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa.

2. Người bào chữa có thể là:

a) Luật sư;

b) Người đại diện của người bị buộc tội;

c) Bào chữa viên nhân dân;

d) Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợgiúp pháp lý.

3. Bào chữa viên nhân dân là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, trung thành với Tổquốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức pháp lý, đủ sức khỏe bảo đảm hoàn thành

about:blank 106/627

16:18 9/8/24 about:blank

nhiệm vụ được giao, được Ủy ban Mặt trận Tổquốc Việt Nam hoặc tổ chức thành viên của Mặt trận cử tham gia bào chữa cho người bịbuộc tội là thành viên của tổ chức mình.

4. Những người sau đây không được bào chữa:

a) Người đã tiến hành tố tụng vụ án đó; người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tốtụng vụ án đó;

b) Người tham gia vụ án đó với tư cách là  
người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

c) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị kết án mà chưa được xoá án tích,   
người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sởgiáo dục bắt buộc.

5. Một người bào chữa có thể bào chữa cho nhiều người bị buộc tội trong cùng vụ án nếu quyền và lợi ích của họ không đối lập nhau.

about:blank 107/627

16:18 9/8/24 about:blank

Nhiều người bào chữa có thể bào chữa cho một người bị buộc tội.

**Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa**

1. Người bào chữa có quyền:

a) Gặp, hỏi người bị buộc tội;

b) Có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bịtạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người cóthẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cungđồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can;

c) Có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này;

d) Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tốtụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành

about:blank 108/627

16:18 9/8/24 about:blank

hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộluật này;

đ) Xem biên bản về hoạt động tố tụng có sựtham gia của mình, quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa;

e) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giátài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đềnghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế;

g) Đề nghị tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

h) Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

i) Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến vềchứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

about:blank 109/627

16:18 9/8/24 about:blank

k) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tốtụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản;

l) Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra;

m) Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

n) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

o) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có  
nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất theo quyđịnh của Bộ luật này.

2. Người bào chữa có nghĩa vụ:

a) Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quyđịnh để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo;

b) Giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

about:blank 110/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Không được từ chối bào chữa cho người bịbuộc tội mà mình đã đảm nhận bào chữa nếu không vì lý do bất khả kháng hoặc không phải do trở ngại khách quan;

d) Tôn trọng sự thật; không được mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật;

đ) Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án;   
trường hợp chỉ định người bào chữa theo quyđịnh tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này thìphải có mặt theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát;

e) Không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết khi thực hiện bào chữa; không được sửdụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơvụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhànước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

g) Không được tiết lộ thông tin về vụ án, vềngười bị buộc tội mà mình biết khi bào chữa, trừ trường hợp người này đồng ý bằng văn bản và không được sử dụng thông tin đó vào mục

about:blank 111/627

16:18 9/8/24 about:blank

đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơquan, tổ chức, cá nhân.

3. Người bào chữa vi phạm pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị hủy bỏ việcđăng ký bào chữa, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của luật.

**Điều 74. Thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng**

Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tốbị can.

Trường hợp bắt, tạm giữ người thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi người bị bắt cómặt tại trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra hoặc từ khi có quyết định tạm giữ.

Trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định để

about:blank 112/627

16:18 9/8/24 about:blank

người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúcđiều tra.

**Điều 75. Lựa chọn người bào chữa**

1. Người bào chữa do người bị buộc tội, ngườiđại diện hoặc người thân thích của họ lựa chọn.

2. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận đượcđơn yêu cầu người bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ có trách nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ.

Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữkhông nêu đích danh người bào chữa thì cơquan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, bị tạm giữ phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa.

Trong thời hạn 24 giờ kể khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa của người bị tạm giam thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị tạm giam có trách nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người

about:blank 113/627

16:18 9/8/24 about:blank

thân thích của họ. Trường hợp người bị tạm giam không nêu đích danh người bào chữa thìcơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bịtạm giam phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa.

3. Trường hợp người đại diện hoặc người thân thích của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam có đơn yêu cầu nhờ người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để có ý kiến về việc nhờ người bào chữa.

4. Người bị buộc tội, người đại diện hoặc   
người thân thích của họ đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận từ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương trở lên cử bào chữa viên nhân dân để bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình.

**Điều 76. Chỉ định người bào chữa**

about:blank 114/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Trong các trường hợp sau đây nếu người bịbuộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ:

a) Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quyđịnh mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình;

b) Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhượcđiểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải yêu cầu hoặc đề nghị các tổ chức sau đây cử người bào chữa cho các trường hợp quyđịnh tại khoản 1 Điều này:

a) Đoàn luật sư phân công tổ chức hành nghềluật sư cử người bào chữa;

b) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợgiúp viên pháp lý, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý;

about:blank 115/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổchức thành viên của Mặt trận cử bào chữa viên nhân dân bào chữa cho người bị buộc tội làthành viên của tổ chức mình.

**Điều 77. Thay đổi hoặc từ chối người bào chữa**

1. Những người sau đây có quyền từ chối hoặcđề nghị thay đổi người bào chữa:

a) Người bị buộc tội;

b) Người đại diện của người bị buộc tội;

c) Người thân thích của người bị buộc tội.

Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bịbuộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụán, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1Điều 76 của Bộ luật này.

2. Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong giai đoạn điều tra cóđề nghị từ chối người bào chữa do người thân thích của họ nhờ thì Điều tra viên phải cùng

about:blank 116/627

16:18 9/8/24 about:blank

người bào chữa đó trực tiếp gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để xác nhận việc từ chối.

3. Trường hợp chỉ định người bào chữa quyđịnh tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này,   
người bị buộc tội và người đại diện hoặc người thân thích của họ vẫn có quyền yêu cầu thayđổi hoặc từ chối người bào chữa.

Trường hợp thay đổi người bào chữa thì việc chỉ định người bào chữa khác được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 76 của Bộ luật này.

Trường hợp từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bịbuộc tội hoặc người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b   
khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa.

**Điều 78. Thủ tục đăng ký bào chữa**

about:blank 117/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Trong mọi trường hợp tham gia tố tụng, người bào chữa phải đăng ký bào chữa.

2. Khi đăng ký bào chữa, người bào chữa phải xuất trình các giấy tờ:

a) Luật sư xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và giấy yêu cầu luật sư của người bị buộc tội hoặc của người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội;

b) Người đại diện của người bị buộc tội xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực vàgiấy tờ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ của họ với người bị buộc tội;

c) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cửbào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;

d) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợgiúp pháp lý xuất trình văn bản cử người thực

about:blank 118/627

16:18 9/8/24 about:blank

hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợgiúp pháp lý và Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực.

3. Trường hợp chỉ định người bào chữa quyđịnh tại Điều 76 của Bộ luật này thì người bào chữa xuất trình các giấy tờ:

a) Luật sư xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử luật sư của tổchức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề hoặc văn bản phân công của Đoàn luật sưđối với luật sư hành nghề là cá nhân;

b) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cửbào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;

c) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợgiúp pháp lý xuất trình Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử người thực hiện trợ giúp

about:blank 119/627

16:18 9/8/24 about:blank

pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhànước.

4. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kiểm tra giấy tờ và thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bào chữa quy định tại khoản 5 Điều này thì vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa, cơ sở giam giữ vàlưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào   
chữa vào hồ sơ vụ án; nếu xét thấy không đủđiều kiện thì từ chối việc đăng ký bào chữa vàphải nêu rõ lý do bằng văn bản.

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từchối việc đăng ký bào chữa khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật này;

b) Người bị buộc tội thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa từ chối người bào chữa.

about:blank 120/627

16:18 9/8/24 about:blank

6. Văn bản thông báo người bào chữa có giá trịsử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp:

a) Người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thayđổi người bào chữa;

b) Người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1Điều 76 của Bộ luật này từ chối hoặc đề nghịthay đổi người bào chữa.

7. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hủy bỏ việc đăng ký bào chữa và thông báo cho người bào chữa, cơ sở giam giữ khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi phát hiện người bào chữa thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật này;

b) Vi phạm pháp luật khi tiến hành bào chữa.

**Điều 79. Trách nhiệm thông báo cho người bào chữa**

about:blank 121/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải báo trước một thời gian hợp lý cho người bào chữa về thời gian, địa điểm tiến hành hoạtđộng tố tụng mà họ có quyền tham gia theo quy định của Bộ luật này.

2. Trường hợp người bào chữa đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước màkhông có mặt thì hoạt động tố tụng vẫn được tiến hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 291 của Bộ luật này.

**Điều 80. Gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam**

1. Để gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, bịcan, bị cáođang bị tạm giam, người bào chữa phải xuất trình văn bản thông báo người bào chữa, Thẻ luật sư hoặc Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân.

2. Cơ quan quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáođang bị tạm giam phải phổbiến nội quy, quy chế của cơ sở giam giữ vàyêu cầu người bào chữa chấp hành nghiêm

about:blank 122/627

16:18 9/8/24 about:blank

chỉnh. Trường hợp phát hiện người bào chữa vi phạm quy định về việc gặp thì phải dừng ngay việc gặp và lập biên bản, báo cáo người cóthẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 81. Thu thập, giao chứng cứ, tài liệu,đồ vật liên quan đến việc bào chữa**

1. Người bào chữa thu thập chứng cứ, tài liệu,đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa theo quy định tại khoản 2 Điều 88 của Bộ luật này.

2. Tùy từng giai đoạn tố tụng, khi thu thập  
được chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa, người bào chữa phải kịp thời giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tốtụng để đưa vào hồ sơ vụ án. Việc giao, nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật phải được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

3. Trường hợp không thể thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa thì người bào chữa có thể đề nghị cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập.

about:blank 123/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 82. Đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án**

1. Sau khi kết thúc điều tra, nếu có yêu cầuđọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụán liên quan đến việc bào chữa thì cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm bố trí thời gian, địa điểm để người bào chữađọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụán.

2. Sau khi đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu, người bào chữa phải bàn giao nguyên trạng hồsơ vụ án cho cơ quan đã cung cấp hồ sơ. Nếuđể mất, thất lạc, hư hỏng tài liệu, hồ sơ vụ án thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lýtheo quy định của pháp luật.

**Điều 83. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghịkhởi tố**

1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố làngười được người bị tố giác, người bị kiến nghịkhởi tố nhờ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

about:blank 124/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố cóthể là:

a) Luật sư;

b) Bào chữa viên nhân dân;

c) Người đại diện;

d) Trợ giúp viên pháp lý.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố cóquyền:

a) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

b) Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến vềchứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

c) Có mặt khi lấy lời khai người bị tố giác,   
người bị kiến nghị khởi tố và nếu được Điều tra viên hoặc Kiểm sát viên đồng ý thì được hỏi người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

about:blank 125/627

16:18 9/8/24 about:blank

Sau mỗi lần lấy lời khai của người có thẩm quyền kết thúc thì người bảo vệ quyền và lợiích hợp pháp của người bị tố giác, người bịkiến nghị khởi tố có quyền hỏi người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố;

d) Có mặt khi đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói người bị tố giác, người bị kiến nghịkhởi tố;

đ) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố cónghĩa vụ:

a) Sử dụng các biện pháp do pháp luật quy địnhđể góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụán;

b) Giúp người bị tố giác, người bị kiến nghịkhởi tố về pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợiích hợp pháp của họ.

about:blank 126/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 84. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự**  
1. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người được bị hại, đương sựnhờ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể là:   
a) Luật sư;   
b) Người đại diện;   
c) Bào chữa viên nhân dân;   
d) Trợ giúp viên pháp lý.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có quyền:   
 a) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; b) Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;   
about:blank 127/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Yêu cầu giám định, định giá tài sản;

d) Có mặt khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói của người mà mình bảo vệ; đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơvụ án liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của bị hại và đương sự sau khi kết thúc điều tra;

đ) Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa; xem biên bản phiên tòa;

e) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

g) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giátài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;

h) Kháng cáo phần bản án, quyết định của Tòaán có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thểchất.

about:blank 128/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có nghĩa vụ:   
a) Sử dụng các biện pháp do pháp luật quy địnhđể góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụán;   
b) Giúp bị hại, đương sự về pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

**Chương VI**   
 **CHỨNG MINH VÀ CHỨNG CỨ**  
 **Điều 85. Những vấn đề phải chứng minh**  **trong vụ án hình sự**  
 Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụngphải   
 chứng minh:   
 1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội;   
 2. Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng about:blank 129/627

16:18 9/8/24 about:blank

lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích,động cơ phạm tội;

3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo;

4. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;

5. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội;

6. Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

**Điều 86. Chứng cứ**

Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định,được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ýnghĩa trong việc giải quyết vụ án.

**Điều 87. Nguồn chứng cứ**

about:blank 130/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Chứng cứ được thu thập, xác định từ các nguồn:   
a)Vật chứng;   
b) Lời khai, lời trình bày;   
c) Dữ liệu điện tử;   
d) Kết luận giám định, định giá tài sản;  
đ) Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;   
e) Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác;   
g) Các tài liệu, đồ vật khác.

2. Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được   
dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự.

**Điều 88. Thu thập chứng cứ**

about:blank 131/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Để thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm   
quyền tiến hành tố tụng có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.

2. Để thu thập chứng cứ, người bào chữa cóquyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết vềvụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấnđề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổchức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệuđiện tử liên quan đến việc bào chữa.

3. Những người tham gia tố tụng khác, cơ  
quan, tổ chức hoặc bất cứ cá nhân nào đều cóthể đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệuđiện tử và trình bày những vấn đề có liên quanđến vụ án.

4. Khi tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữliệu điện tử liên quan đến vụ án do những   
người quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này cung cấp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành

about:blank 132/627

16:18 9/8/24 about:blank

tố tụng phải lập biên bản giao nhận và kiểm tra,đánh giá theo quy định của Bộ luật này.

5. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát theo quy định của Bộluật này thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ vụán. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày. Trong thời hạn 03 ngày, Viện kiểm sátđóng dấu bút lục và sao lưu biên bản, tài liệu lưu hồ sơ kiểm sát và bàn giao nguyên trạng tài liệu, biên bản đó cho Cơ quan điều tra, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra. Việc giao, nhận tài liệu, biên bản được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộluật này.

**Điều 89. Vật chứng**

Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội

about:blank 133/627

16:18 9/8/24 about:blank

phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm vàngười phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

**Điều 90. Bảo quản vật chứng**

1. Vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng. Việc bảo quản vật chứng được thực hiện như sau:

a) Vật chứng cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập. Việc niêm phong, mở niêm phong được lập biên bản vàđưa vào hồ sơ vụ án. Việc niêm phong, mởniêm phong vật chứng được thực hiện theo quyđịnh của Chính phủ;

b) Vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đáquý, đồ cổ, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng phải được giámđịnh ngay sau khi thu thập và phải chuyển ngayđể bảo quản tại Kho bạc Nhà nước hoặc cơquan chuyên trách khác. Nếu vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ lưu dấu vết của tội phạm thì tiến hành niêm phong theo

about:blank 134/627

16:18 9/8/24 about:blank

quy định tại điểm a khoản này; vật chứng là vi khuẩn nguy hại, bộ phận cơ thể người, mẫu mô, mẫu máu và các mẫu vật khác của cơ thểngười được bảo quản tại cơ quan chuyên trách theo quy định của pháp luật;

c) Vật chứng không thể đưa về cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng để bảo quản thìcơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giao vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lýhợp pháp đồ vật, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản;

d) Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khóbảo quản thì cơ quan có thẩm quyền trong   
phạm vi quyền hạn của mình quyết định bán theo quy định của pháp luật và chuyển tiền đến tài khoản tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền tại Kho bạc Nhà nước để quản lý;

đ) Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong

about:blank 135/627

16:18 9/8/24 about:blank

giai đoạn điều tra, truy tố; cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

2. Người có trách nhiệm bảo quản vật chứng mà để mất mát, hư hỏng, phá hủy niêm phong, tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng,đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng của vụán thì tuỳ tính chất, mức độ vi phạm mà bị xửlý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sựtheo quy định của luật.

Trường hợp thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy, làm hư hỏng vật chứng của vụ án nhằm làm sai lệch hồ sơ vụ án thì phải chịu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của luật.

**Điều 91. Lời khai của người làm chứng**

1. Người làm chứng trình bày những gì mà họbiết nguồn tin về tội phạm, về vụ án, nhân thân của người bị buộc tội, bị hại, quan hệ giữa họvới người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng khác và trả lời những câu hỏi đặt ra.

about:blank 136/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng trình bày nếu họ  
không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó.

**Điều 92. Lời khai của bị hại**

1. Bị hại trình bày những tình tiết về nguồn tin về tội phạm, vụ án, quan hệ giữa họ với người bị buộc tội và trả lời những câu hỏi đặt ra.

2. Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do bị hại trình bày nếu họ không thể nói rõvì sao biết được tình tiết đó.

**Điều 93. Lời khai của nguyên đơn dân sự, bịđơn dân sự**

1. Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự trình bày những tình tiết liên quan đến việc bồi thường thiệt hại do tội phạm gây ra.

2. Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự trình bày nếu họ không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó.

about:blank 137/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 94. Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày những tình tiết trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

2. Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanđến vụ án trình bày nếu họ không thể nói rõ vìsao biết được tình tiết đó.

**Điều 95. Lời khai của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt, bị tạm giữ**

Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt, bị tạm giữ trình bày những tình tiết liên quan đến việc họ bị nghi thực hiện tội phạm.

**Điều 96. Lời khai của người tố giác, báo tin về tội phạm**

about:blank 138/627

16:18 9/8/24 about:blank

Người tố giác, báo tin về tội phạm trình bày những tình tiết liên quan đến việc họ tố giác, báo tin về tội phạm.

**Điều 97. Lời khai của người chứng kiến**

Người chứng kiến trình bày những tình tiết màhọ đã chứng kiến trong hoạt động tố tụng.

**Điều 98. Lời khai của bị can, bị cáo**

1. Bị can, bị cáo trình bày những tình tiết của vụ án.

2. Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thểđược coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án.

Không được dùng lời nhận tội của bị can, bịcáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội.

**Điều 99. Dữ liệu điện tử**

1. Dữ liệu điện tử là ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo ra, lưu trữ, truyền đi hoặc nhận được bởi phương tiện điện tử.

about:blank 139/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Dữ liệu điện tử được thu thập từ phương tiệnđiện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, trênđường truyền và các nguồn điện tử khác.

3. Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử được xác định căn cứ vào cách thức khởi tạo, lưu trữhoặc truyền gửi dữ liệu điện tử; cách thức bảođảm và duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu điện tử; cách thức xác định người khởi tạo và các yếu tố phù hợp khác.

**Điều 100. Kết luận giám định**

1. Kết luận giám định là văn bản do cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức giám định lập để kết luận chuyên môn về những vấn đề được trưng cầu, yêu cầu giám định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân kết luận về vấn đềđược trưng cầu, yêu cầu giám định và phải chịu trách nhiệm về kết luận đó.

Nếu việc giám định do tập thể giám định tiến hành thì tất cả thành viên đều ký vào bản kết luận. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì mỗi

about:blank 140/627

16:18 9/8/24 about:blank

người ghi ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến   
hành tố tụng không đồng ý với kết luận giámđịnh thì phải nêu rõ lý do, nếu kết luận chưa rõhoặc chưa đầy đủ thì quyết định giám định bổsung hoặc giám định lại theo thủ tục chung quyđịnh tại Bộ luật này.

4. Kết luận giám định của người được trưng cầu giám định thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi thì không có giá trị pháp lý vàkhông được dùng làm căn cứ để giải quyết vụán.

**Điều 101. Kết luận định giá tài sản**

1. Kết luận định giá tài sản là văn bản do Hộiđồng định giá tài sản lập để kết luận về giá của tài sản được yêu cầu.

Hội đồng định giá tài sản kết luận giá của tài sản và phải chịu trách nhiệm về kết luận đó.

about:blank 141/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Kết luận định giá tài sản phải có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng định giá tài sản. Trường hợp không đồng ý với giá của tài sản do Hội đồng quyết định thì thành viên của Hộiđồng ghi ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không đồng ý với kết luận định giá tài sản thì phải nêu rõ lý do; nếu kết luận chưa rõ thì quyết định định giá lại theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

4. Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản vi phạm quy định của Bộ luật này, quy định khác của pháp luật về định giá thì không có giátrị pháp lý và không được dùng làm căn cứ đểgiải quyết vụ án.

**Điều 102. Biên bản về hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, khởi tố,điều tra, truy tố, xét xử**

Những tình tiết được ghi trong biên bản về hoạtđộng kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử được lập theo

about:blank 142/627

16:18 9/8/24 about:blank

quy định của Bộ luật này có thể được coi làchứng cứ.

**Điều 103. Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác**

Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với chứng cứ khác của vụ án.

**Điều 104. Các tài liệu, đồ vật khác trong vụán**

Những tình tiết liên quan đến vụ án ghi trong tài liệu, đồ vật do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp có thể được coi là chứng cứ. Trường hợp tài liệu, đồ vật này có đặc điểm quy định tại Điều 89 của Bộ luật này thì được coi là vật chứng.

**Điều 105. Thu thập vật chứng**

Vật chứng phải được thu thập kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng vào biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp vật chứng không thể

about:blank 143/627

16:18 9/8/24 about:blank

đưa vào hồ sơ vụ án thì phải chụp ảnh, có thểghi hình để đưa vào hồ sơ vụ án. Vật chứng phải được niêm phong, bảo quản theo quy định của pháp luật.

**Điều 106. Xử lý vật chứng**

1. Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơquan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyếtđịnh nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ ánđược đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản.

2. Vật chứng được xử lý như sau:

a) Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy;

b) Vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà cóthì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà

about:blank 144/627

16:18 9/8/24 about:blank

nước;

c) Vật chứng không có giá trị hoặc không sửdụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy.

3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơquan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ  
nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó;

b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy khôngảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;

c) Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khóbảo quản thì có thể được bán theo quy định của pháp luật; trường hợp không bán được thì tiêu hủy;

d) Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành cóthẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

about:blank 145/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữuđối với vật chứng thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**Điều 107. Thu thập phương tiện điện tử, dữliệu điện tử**

1. Phương tiện điện tử phải được thu giữ kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng và niêm phong ngay sau khi thu giữ. Việc niêm phong, mở niêm phong được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không thể thu giữ phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sao lưu dữ liệu điện tử đó vào phương tiện điện tử và bảo quản như đối với vật chứng, đồng thời yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan lưu trữ, bảo toàn nguyên vẹn dữ liệu điện tử mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã sao lưu và cơ quan, tổ chức, cánhân này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Khi thu thập, chặn thu, sao lưu dữ liệu điện tử từ phương tiện điện tử, mạng máy tính,

about:blank 146/627

16:18 9/8/24 about:blank

mạng viễn thông hoặc trên đường truyền, cơquan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiến hành phải lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án.

3. Khi nhận được quyết định trưng cầu giámđịnh của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tốtụng thì cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thực hiện phục hồi, tìm kiếm, giám định dữ liệu điện tử.

4. Việc phục hồi, tìm kiếm, giám định dữ liệuđiện tử chỉ được thực hiện trên bản sao; kết quảphục hồi, tìm kiếm, giám định phải chuyển sang dạng có thể đọc, nghe hoặc nhìn được.

5. Phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử được bảo quản như vật chứng theo quy định của Bộluật này. Khi xuất trình chứng cứ là dữ liệuđiện tử phải kèm theo phương tiện lưu trữ dữliệu hoặc bản sao dữ liệu điện tử.

**Điều 108. Kiểm tra, đánh giá chứng cứ**

1.Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giáđể xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ

about:blank 147/627

16:18 9/8/24 about:blank

thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụán hình sự.

2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án.

**Chương VII**

**BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ**

**Mục I. BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN**

**Điều 109. Các biện pháp ngăn chặn**

1. Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi cócăn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khókhăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽtiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng trong phạm vi thẩm quyền của mình cóthể áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lĩnh,

about:blank 148/627

16:18 9/8/24 about:blank

đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh.

2. Các trường hợp bắt người gồm bắt người bịgiữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bịcan, bị cáo để tạm giam, bắt người bị yêu cầu dẫn độ.

**Điều 110. Giữ người trong trường hợp khẩn cấp**

1. Khi thuộc một trong các trường hợp khẩn cấp sau đây thì được giữ người:

a) Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

b) Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm   
chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là ngườiđã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn;

about:blank 149/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

2. Những người sau đây có quyền ra lệnh giữngười trong trường hợp khẩn cấp:

a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp;

b) Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn vàtương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉhuy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉhuy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phốtrực truộc trung ương, Cục trưởng Cục trinh sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh

about:blank 150/627

16:18 9/8/24 about:blank

sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngưvùng;

c) Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.

3. Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị giữ, lýdo, căn cứ giữ người quy định tại khoản 1 Điều này và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này. Việc thi hành lệnh giữngười trong trường hợp khẩn cấp phải theođúng quy định tại khoản 2 Điều 113 của Bộluật này.

4. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bịgiữ trong trường hợp khẩn cấp thì Cơ quanđiều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai   
ngay và những người quy định tại điểm a vàđiểm b khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm

about:blank 151/627

16:18 9/8/24 about:blank

quyền kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữngười để xét phê chuẩn.

Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bịgiữ, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay vànhững người quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó. Lệnh bắt người bịgiữ trong trường hợp khẩn cấp phải gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người để xét phê chuẩn.

Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị giữ, lý do, căn cứ giữ người quy định tại khoản 1Điều này và các nội dung quy định tại khoản 2Điều 132 của Bộ luật này.

about:blank 152/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp gồm:

a) Văn bản đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp;

b) Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quyết định tạm giữ;

c) Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp;

d) Biên bản ghi lời khai của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp;

đ) Chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

6. Viện kiểm sát phải kiểm sát chặt chẽ căn cứgiữ người quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên phải trực tiếp gặp, hỏi người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi xem xét, quyết định phê

about:blank 153/627

16:18 9/8/24 about:blank

chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Biên bản ghi lời khai của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp do Kiểm sát viên lập phảiđưa vào hồ sơ vụ việc, vụ án.

Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được hồsơ đề nghị xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữtrong trường hợp khẩn cấp, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Trường hợp Viện kiểm sát quyếtđịnh không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữtrong trường hợp khẩn cấp thì người đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Cơ quanđiều tra đã nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải trả tự do ngay cho người bị giữ.

**Điều 111. Bắt người phạm tội quả tang**

1. Đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm mà bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơquan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản tiếp nhận và giải ngay người bị bắt

about:blank 154/627

16:18 9/8/24 about:blank

hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

2. Khi bắt người phạm tội quả tang thì người nào cũng có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt.

3. Trường hợp Công an xã, phường, thị trấn,Đồn Công an phát hiện bắt giữ, tiếp nhận   
người phạm tội quả tang thì thu giữ, tạm giữ vũkhí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật cóliên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật; giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

**Điều 112. Bắt người đang bị truy nã**

1. Đối với người đang bị truy nã thì bất kỳngười nào cũng có quyền bắt và giải ngay   
người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơquan này phải lập biên bản tiếp nhận và giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quanđiều tra có thẩm quyền.

about:blank 155/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Khi bắt người đang bị truy nã thì người nào cũng có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt.

3. Trường hợp Công an xã, phường, thị trấn,Đồn Công an phát hiện bắt giữ, tiếp nhận người đang bị truy nã thì thu giữ, tạm giữ vũkhí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật cóliên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu; giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

**Điều 113. Bắt bị can, bị cáo để tạm giam**

1. Những người sau đây có quyền ra lệnh, quyết định bắt bị can, bị cáo để tạm giam:

a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành;

b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp;

about:blank 156/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân vàChánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử.

2. Lệnh bắt, quyết định phê chuẩn lệnh, quyếtđịnh bắt phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bịbắt; lý do bắt và các nội dung quy định tại   
khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

Người thi hành lệnh, quyết định phải đọc lệnh, quyết định; giải thích lệnh, quyết định, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt; giao lệnh, quyết định cho   
người bị bắt.

Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trúphải có đại diện chính quyền xã, phường, thịtrấn và người khác chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó làm việc, học tập phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đólàm việc, học tập chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi khác phải có sự chứng kiến củađại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành bắt người.

about:blank 157/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Không được bắt người vào ban đêm, trừtrường hợp phạm tội quả tang hoặc bắt ngườiđang bị truy nã.

**Điều 114. Những việc cần làm ngay sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ, bị bắt**

1. Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người hoặc nhận người bị giữ, bị bắt, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và trong thời hạn 12 giờ phải ra   
quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bịbắt.

2. Sau khi lấy lời khai người bị bắt theo quyếtđịnh truy nã thì Cơ quan điều tra nhận người bịbắt phải thông báo ngay cho Cơ quan đã ra quyết định truy nã đến nhận người bị bắt. Sau khi nhận người bị bắt, cơ quan đã ra quyết định truy nã phải ra ngay quyết định đình nã.

Trường hợp cơ quan đã ra quyết định truy nãkhông thể đến nhận ngay người bị bắt thì sau khi lấy lời khai, Cơ quan điều tra nhận người bị

about:blank 158/627

16:18 9/8/24 about:blank

bắt phải ra ngay quyết định tạm giữ và thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy nãbiết; nếu đã hết thời hạn tạm giữ mà cơ quan ra quyết định truy nã vẫn chưa đến nhận thì Cơquan điều tra nhận người bị bắt gia hạn tạm giữvà gửi ngay quyết định gia hạn tạm giữ kèm theo tài liệu liên quan cho Viện kiểm sát cùng cấp để xét phê chuẩn.

Trường hợp không thể đến nhận ngay người bịbắt thì cơ quan đã ra quyết định truy nã có  
thẩm quyền bắt để tạm giam phải ra ngay lệnh tạm giam và gửi lệnh tạm giam đã được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn cho Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Sau khi nhận được lệnh tạm giam, Cơ quan điều tra nhận người bị bắt phải giải ngay người đó đến Trại tạm giam nơi gần nhất.

3. Trường hợp người bị bắt có nhiều quyết định truy nã thì Cơ quan điều tra nhận người bị bắt chuyển giao người bị bắt cho cơ quan đã ra quyết định truy nã nơi gần nhất.

**Điều 115. Biên bản về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản bắt người**

about:blank 159/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Người thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thi hành lệnh hoặc quyết định bắt trong mọi trường hợp đều phải lập biên bản.

Biên bản phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địađiểm giữ, bắt, nơi lập biên bản; những việc đãlàm, tình hình diễn biến trong khi thi hành lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt, tài liệu, đồ vật bịtạm giữ, tình trạng sức khỏe và ý kiến, khiếu nại của người bị giữ, người bị bắt và các nội dung quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

Biên bản được đọc cho người bị giữ, người bịbắt và người chứng kiến nghe. Người bị giữ, người bị bắt, người thi hành lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt và người chứng kiến cùng kýtên vào biên bản, nếu ai có ý kiến khác hoặc không đồng ý với nội dung biên bản thì có  
quyền ghi vào biên bản và ký tên.

Việc tạm giữ tài liệu, đồ vật của người bị giữ, người bị bắt phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật này.

about:blank 160/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Khi giao, nhận người bị giữ, người bị bắt phải lập biên bản.

Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, biên bản giao nhận còn phải ghi rõ việc bàn giao biên bản lấy lời khai, tài liệu, đồ vật đãthu thập được, tình trạng sức khoẻ của người bịgiữ, người bị bắt và những tình tiết xảy ra khi giao nhận.

**Điều 116. Thông báo về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người**

Sau khi giữ người, bắt người, người ra lệnh giữngười, lệnh hoặc quyết định bắt người phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, bịbắt, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi ngườiđó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đólàm việc, học tập biết.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận người bịgiữ, bị bắt, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, bị bắt phải thông báo cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi   
người đó làm việc, học tập biết; trường hợp

about:blank 161/627

16:18 9/8/24 about:blank

người bị giữ, người bị bắt là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quanđại diện ngoại giao của nước có công dân bịgiữ, bị bắt.

Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đókhông còn, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt phải thông báo ngay.

**Điều 117. Tạm giữ**

1. Tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị giữtrong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã.

2. Những người có thẩm quyền ra lệnh giữngười quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộluật này có quyền ra quyết định tạm giữ.

Quyết định tạm giữ phải ghi rõ họ tên, địa chỉcủa người bị tạm giữ, lý do tạm giữ, giờ, ngày

about:blank 162/627

16:18 9/8/24 about:blank

bắt đầu và giờ, ngày hết thời hạn tạm giữ vàcác nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này. Quyết định tạm giữ phải giao cho người bị tạm giữ.

3. Người thi hành quyết định tạm giữ phải thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ quy định tại Điều 59 của Bộluật này.

4. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải gửi quyết định tạm giữ kèm theo các tài liệu làm căn cứ tạm giữ cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏquyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

**Điều 118. Thời hạn tạm giữ**

1. Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từkhi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị

about:blank 163/627

16:18 9/8/24 about:blank

giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hoặc kể từkhi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữngười phạm tội tự thú, đầu thú.

2. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá 03 ngày. Trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai nhưng không quá 03 ngày.

Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát cóthẩm quyền phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờkể từ khi nhận hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn.

3. Trong khi tạm giữ, nếu không đủ căn cứ  
khởi tố bị can thì Cơ quan điều tra, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ; trường hợp đã gia hạn tạm giữ thì Viện kiểm sát phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

about:blank 164/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Thời gian tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam. Một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam.

**Điều 119. Tạm giam**   
1. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bịcáo về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng.

2. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội nghiêm trọng, tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên 02 năm khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp:   
 a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;   
 b) Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can;   
 c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn;   
 d) Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội;   
about:blank 165/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu,đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

3. Tạm giam có thể áp dụng đối với bị can, bịcáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sựquy định hình phạt tù đến 02 năm nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyếtđịnh truy nã.

4. Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặcđang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người giàyếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lýlịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ các trường hợp:

a) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã;

b) Tiếp tục phạm tội;

c) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu

about:blank 166/627

16:18 9/8/24 about:blank

sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu,đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc   
người thân thích của những người này;

d) Bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia.

5. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra lệnh, quyết định tạm giam. Lệnh tạm giam của những người được quy định tại điểm a khoản 1Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơliên quan đến việc tạm giam, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Viện kiểm sát phải hoàn trảhồ sơ cho Cơ quan điều tra ngay sau khi kết thúc việc xét phê chuẩn.

about:blank 167/627

16:18 9/8/24 about:blank

6. Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho giađình người bị tạm giam, chính quyền xã,   
phường, thị trấn nơi người bị tạm giam cư trúhoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết.

**Điều 120. Việc chăm nom người thân thích và bảo quản tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam**

1. Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam cóngười thân thích là người tàn tật, già yếu, cónhược điểm về tâm thần mà không có người chăm sóc thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam giao người đócho người thân thích khác chăm nom; trường hợp không có người thân thích thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam giao những người đó cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú chăm nom. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của người bị tạm giữ, tạm giam thực hiện theo quy định của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam.

about:blank 168/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam cónhà ở hoặc tài sản khác mà không có người bảo quản thì cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam phải áp dụng những biện pháp bảo quản.

3. Cơ quan ra quyết định tạm giữ, lệnh hoặc quyết định tạm giam thông báo cho người bịtạm giữ, tạm giam biết việc chăm nom, chăm sóc người thân thích và bảo quản tài sản của họ. Việc thông báo được lập văn bản và đưa vào hồ sơ vụ án.

**Điều 121. Bảo lĩnh**

1. Bảo lĩnh là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được bảo lĩnh.

2. Cơ quan, tổ chức có thể nhận bảo lĩnh cho bịcan, bị cáo là người của cơ quan, tổ chức mình.

Cơ quan, tổ chức nhận bảo lĩnh phải có giấy cam đoan và có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

about:blank 169/627

16:18 9/8/24 about:blank

Cá nhân là người đủ 18 tuổi trở lên, nhân thân tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thu nhập ổn định và có điều kiện quản lý ngườiđược bảo lĩnh thì có thể nhận bảo lĩnh cho bịcan, bị cáo là người thân thích của họ và trong trường hợp này thì ít nhất phải có 02 người. Cánhân nhận bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan cóxác nhận của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập.

Trong giấy cam đoan, cơ quan, tổ chức, cánhân nhận bảo lĩnh phải cam đoan không để bịcan, bị cáo vi phạm các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh được thông báo về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc nhận bảo lĩnh.

3. Bị can, bị cáo được bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vìlý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

b) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

about:blank 170/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sựthật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quanđến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thùngười làm chứng, bị hại, người tố giác tội   
phạm và người thân thích của những người này.

Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụcam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam.

4. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định bảo lĩnh. Quyết định của những người quy định tạiđiểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phảiđược Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

5. Thời hạn bảo lĩnh không được quá thời hạnđiều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định của Bộ luật này. Thời hạn bảo lĩnh đối với người bịkết án phạt tù không quá thời hạn kể từ khi

about:blank 171/627

16:18 9/8/24 about:blank

tuyên án cho đến thời điểm người đó đi chấp hành án phạt tù.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh đểbị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị phạt tiền theo quy định của pháp luật.

**Điều 122. Đặt tiền để bảo đảm**

1. Đặt tiền để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ tính chất, mức độnguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân và tình trạng tài sản của bị can, bị cáo, Cơ quanđiều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyếtđịnh cho họ hoặc người thân thích của họ đặt tiền để bảo đảm.

2. Bị can, bị cáo được đặt tiền phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vìlý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

b) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

about:blank 172/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sựthật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quanđến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thùngười làm chứng, bị hại, người tố giác tội   
phạm và người thân thích của những người này.

Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụcam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam và số tiền đã đặt bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

3. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định vềviệc đặt tiền để bảo đảm. Quyết định của   
những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

4. Thời hạn đặt tiền không quá thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định tại Bộluật này. Thời hạn đặt tiền đối với người bị kếtán phạt tù không quá thời hạn kể từ khi tuyên

about:blank 173/627

16:18 9/8/24 about:blank

án cho đến thời điểm người đó đi chấp hành án phạt tù. Bị can, bị cáo chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ đã cam đoan thì Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm trả lại cho họ số tiền đã đặt.

5. Người thân thích của bị can, bị cáo được Cơquan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án chấp nhận cho đặt tiền để bảo đảm phải làm giấy camđoan không để bị can, bị cáo vi phạm các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này, nếu vi phạm thì số tiền đã đặt bị tịch thu, nộp ngân sách nhànước. Khi làm giấy cam đoan, người này được thông báo về những tình tiết của vụ án có liên quan đến bị can, bị cáo.

6. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ  
trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặtđể bảo đảm.

**Điều 123. Cấm đi khỏi nơi cư trú**

about:blank 174/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo cónơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự cómặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quanđiều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

a) Không đi khỏi nơi cư trú nếu không được cơquan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho   
phép;

b) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vìlý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

c) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

d) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sựthật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quanđến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thùngười làm chứng, bị hại, người tố giác tội

about:blank 175/627

16:18 9/8/24 about:blank

phạm và người thân thích của những người này.

Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụcam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam.

3. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Đồn trưởng Đồn biên phòng có quyền ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú không quáthời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quyđịnh của Bộ luật này. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với người bị kết án phạt tù không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thờiđiểm người đó đi chấp hành án phạt tù.

5. Người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú phải thông báo về việc áp dụng biện pháp này cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bịcáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo và giao bị can, bị cáo cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc đơn vị quân đội đó đểquản lý, theo dõi họ.

about:blank 176/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp bị can, bị cáo vì lý do bất khả  
kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ýcủa chính quyền xã, phường, thị trấn nơi ngườiđó cư trú hoặc đơn vị quân đội quản lý họ vàphải có giấy cho phép của người đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Nếu bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ camđoan thì chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can, bị cáo cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý bị can, bị cáo phải báo ngay cho cơ quan đãra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú biết để xử lý  
theo thẩm quyền.

**Điều 124. Tạm hoãn xuất cảnh**

1. Có thể tạm hoãn xuất cảnh đối với những người sau đây khi có căn cứ xác định việc xuất cảnh của họ có dấu hiệu bỏ trốn:

a) Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tốmà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xácđịnh người đó bị nghi thực hiện tội phạm vàxét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ;

about:blank 177/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Bị can, bị cáo.

2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền quyết định tạm   
hoãn xuất cảnh. Quyết định tạm hoãn xuất cảnh của những người được quy định tại điểm a   
khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

3. Thời hạn tạm hoãn xuất cảnh không được quá thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Bộ luật này. Thời hạn tạm hoãn xuất cảnhđối với người bị kết án phạt tù không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm ngườiđó đi chấp hành án phạt tù.

**Điều 125. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn**

1. Mọi biện pháp ngăn chặn đang áp dụng phảiđược hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp:

about:blank 178/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Quyết định không khởi tố vụ án hình sự;

b) Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án;

c) Đình chỉ điều tra đối với bị can, đình chỉ vụán đối với bị can;

d) Bị cáo được Tòa án tuyên không có tội,   
miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt, hình phạt tù nhưng được hưởng án treo hoặc hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc có thể thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

Đối với những biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát phê chuẩn trong giai đoạn điều tra thìviệc hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác phải do Viện kiểm sát quyết định; trong thời hạn 10 ngày trước khi hết thời hạnáp dụng biện pháp ngăn chặn, trừ biện pháp tạm giữ do Viện kiểm sát phê chuẩn, cơ quanđã đề nghị áp dụng biện pháp ngặn chặn này

about:blank 179/627

16:18 9/8/24 about:blank

phải thông báo cho Viện kiểm sát để quyết định hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn   
khác.

**Mục II. BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ**

**Điều 126. Các biện pháp cưỡng chế**

Để bảo đảm hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, trong phạm vi thẩm quyền của mình, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản.

**Điều 127. Áp giải, dẫn giải**

1. Áp giải có thể áp dụng đối với người bị giữtrong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội.

2. Dẫn giải có thể áp dụng đối với:

a) Người làm chứng trong trường hợp họkhông có mặt theo giấy triệu tập mà không vìlý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan;

about:blank 180/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Người bị hại trong trường hợp họ từ chối việc giám định theo quyết định trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng màkhông vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan;

c) Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tốmà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xácđịnh người đó liên quan đến hành vi phạm tộiđược khởi tố vụ án, đã được triệu tập mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

3. Điều tra viên, cấp trưởng của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Kiểm sát viên, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định áp giải, dẫn giải.

4. Quyết định áp giải, quyết định dẫn giải phải ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trúcủa người bị áp giải, dẫn giải; thời gian, địađiểm người bị áp giải, dẫn giải phải có mặt vàcác nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

about:blank 181/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Người thi hành quyết định áp giải, dẫn giải phải đọc, giải thích quyết định và lập biên bản về việc áp giải, dẫn giải theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

Cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định áp giải, dẫn giải.

6. Không được bắt đầu việc áp giải, dẫn giải người vào ban đêm; không được áp giải, dẫn giải người già yếu, người bị bệnh nặng có xác nhận của cơ quan y tế.

**Điều 128. Kê biên tài sản**

1. Kê biên tài sản chỉ áp dụng đối với bị can, bịcáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc đểbảo đảm bồi thường thiệt hại.

2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh kê biên tài sản. Lệnh kê biên của những người được quyđịnh tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật

about:blank 182/627

16:18 9/8/24 about:blank

này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

3. Chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại. Tài sản bị kê biên được giao cho chủ tài sản hoặc người quản lý hợp pháp hoặc người thân thích của họ bảo quản. Ngườiđược giao bảo quản mà có hành vi tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại tài sản bị kê biên thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

4. Khi tiến hành kê biên tài sản phải có mặt những người:

a) Bị can, bị cáo hoặc người đủ 18 tuổi trở lên trong gia đình hoặc người đại diện của bị can, bị cáo;

b) Đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi có tài sản bị kê biên;

c) Người chứng kiến.

about:blank 183/627

16:18 9/8/24 about:blank

Người tiến hành kê biên phải lập biên bản, ghi rõ tên và tình trạng từng tài sản bị kê biên. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật này, đọc cho những người có mặt nghe và cùng ký tên. Ý kiến, khiếu nại của những người quy định tại điểm a khoản này liên quanđến việc kê biên được ghi vào biên bản, có chữký xác nhận của họ và của người tiến hành kêbiên.

Biên bản kê biên được lập thành bốn bản, trongđó một bản được giao ngay cho người được quy định tại điểm a khoản này sau khi kê biên xong, một bản giao ngay cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi có tài sản bị kê biên, một bản gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và một bảnđưa vào hồ sơ vụ án.

**Điều 129. Phong tỏa tài khoản**

1. Phong tỏa tài khoản chỉ áp dụng đối với   
người bị buộc tội về tội mà Bộ luật hình sự quyđịnh hình phạt tiền, bị tịch thu tài sản hoặc đểbảo đảm bồi thường thiệt hại khi có căn cứ xácđịnh người đó có tài khoản tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước. Phong tỏa tài khoản

about:blank 184/627

16:18 9/8/24 about:blank

cũng được áp dụng đối với tài khoản của người khác nếu có căn cứ cho rằng số tiền trong tài khoản đó liên quan đến hành vi phạm tội của người bị buộc tội.

2. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh phong tỏa tài khoản. Lệnh phong tỏa tài khoản của những người được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp trước khi thi hành.

3. Chỉ phong tỏa số tiền trong tài khoản tươngứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu tài sản hoặc bồi thường thiệt hại. Người được giao thực hiện lệnh phong tỏa, quản lý tài khoản bịphong tỏa mà giải tỏa việc phong tỏa tài khoản thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

4. Khi tiến hành phong tỏa tài khoản, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền phải giao   
quyết định phong tỏa tài khoản cho tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước đang quản lý tài khoản của người bị buộc tội hoặc tài khoản của

about:blank 185/627

16:18 9/8/24 about:blank

người khác có liên quan đến hành vi phạm tội của người bị buộc tội. Việc giao, nhận lệnh phong tỏa tài khoản phải được lập thành biên bản theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật này.

Ngay sau khi nhận được lệnh phong tỏa tài khoản, tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhànước đang quản lý tài khoản của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc tài khoản của người khác có liên quan đến hành vi phạm tội của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo phải thực hiện ngay việc phong tỏa tài khoản và lập biên bản về việc phong tỏa tài khoản.

Biên bản về việc phong tỏa tài khoản được lập thành năm bản, trong đó một bản được giao ngay cho người bị buộc tội, một bản giao cho người khác có liên quan đến người bị buộc tội, một bản gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, một bản đưa vào hồ sơ vụ án, một bản lưu tại tổchức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước.

**Điều 130. Hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản**

about:blank 186/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản đang áp dụng phải được hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án;

b) Đình chỉ điều tra đối với bị can, đình chỉ vụán đối với bị can;

c) Bị cáo được Tòa án tuyên không có tội;

d) Bị cáo không bị phạt tiền, tịch thu tài sản vàbồi thường thiệt hại.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản khi thấy không còn cần thiết.

Đối với biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong giai đoạn điều tra, truy tố thì việc hủy bỏ hoặc thay thế phải thông báo cho Viện kiểm sát trước khi quyết định.

**Chương VIII**

**HỒ SƠ VỤ ÁN, VĂN BẢN TỐ TỤNG, THỜI HẠN VÀ CHI PHÍ TỐ TỤNG**

about:blank 187/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 131. Hồ sơ vụ án**

1. Khi tiến hành tố tụng trong giai đoạn khởi tố, điều tra, Cơ quan điều tra phải lập hồ sơ vụán.

2. Hồ sơ vụ án gồm:

a) Lệnh, quyết định, yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát;

b) Các biên bản tố tụng do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát lập;

c) Các chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án.

3. Các chứng cứ, tài liệu do Viện kiểm sát, Tòaán thu thập trong giai đoạn truy tố, xét xử phảiđưa vào hồ sơ vụ án.

4. Hồ sơ vụ án phải có thống kê tài liệu kèm theo. Thống kê tài liệu ghi rõ tên tài liệu, số bút lục và đặc điểm của tài liệu (nếu có). Trường hợp có bổ sung tài liệu vào hồ sơ vụ án thì phải có thống kê tài liệu bổ sung. Hồ sơ vụ án phảiđược quản lý, lưu giữ, sử dụng theo quy định của pháp luật.

about:blank 188/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 132. Văn bản tố tụng**   
1. Văn bản tố tụng gồm lệnh, quyết định, yêu cầu, kết luận điều tra, bản cáo trạng, bản án vàcác văn bản tố tụng khác trong hoạt động tốtụng được lập theo mẫu thống nhất.

2. Văn bản tố tụng ghi rõ:   
a) Số, ngày, tháng, năm, địa điểm ban hành văn bản tố tụng;   
b) Căn cứ ban hành văn bản tố tụng;   
c) Nội dung của văn bản tố tụng;   
d) Họ tên, chức vụ, chữ ký của người ban hành văn bản tố tụng và đóng dấu.

**Điều 133. Biên bản**   
1. Khi tiến hành hoạt động tố tụng phải lập biên bản theo mẫu thống nhất.

Biên bản ghi rõ địa điểm, giờ, ngày, tháng, năm tiến hành tố tụng, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc, nội dung của hoạt động tố tụng, người about:blank 189/627

16:18 9/8/24 about:blank

có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hoặc người liên quan đến hoạt động tố tụng, khiếu nại, yêu cầu hoặc đề nghị của họ.

2. Biên bản phải có chữ ký của những người mà Bộ luật này quy định. Những điểm sửa chữa, thêm, bớt, tẩy xóa trong biên bản phảiđược xác nhận bằng chữ ký của họ.

Trường hợp người tham gia tố tụng không kývào biên bản thì người lập biên bản ghi rõ lý do và mời người chứng kiến ký vào biên bản.

Trường hợp người tham gia tố tụng không biết chữ thì người lập biên bản đọc biên bản cho họnghe với sự có mặt của người chứng kiến. Biên bản phải có điểm chỉ của người tham gia tốtụng và chữ ký của người chứng kiến.

Trường hợp người tham gia tố tụng có nhượcđiểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc vì lý do khác mà không thể ký vào biên bản thì người lập biên bản đọc biên bản cho họ nghe với sựcó mặt của người chứng kiến và những người tham gia tố tụng khác. Biên bản phải có chữ kýcủa người chứng kiến.

about:blank 190/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 134. Tính thời hạn**

1. Thời hạn mà Bộ luật này quy định được tính theo giờ, ngày, tháng, năm. Đêm được tính từ22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

Khi tính thời hạn theo ngày thì thời hạn sẽ hết vào lúc 24 giờ ngày cuối cùng của thời hạn.

Khi tính thời hạn theo tháng thì thời hạn hết vào ngày trùng của tháng sau; nếu tháng đókhông có ngày trùng thì thời hạn hết vào ngày cuối cùng của tháng đó; nếu thời hạn hết vào ngày nghỉ thì ngày làm việc đầu tiên tiếp theođược tính là ngày cuối cùng của thời hạn.

Khi tính thời hạn tạm giữ, tạm giam thì thời hạn hết vào ngày kết thúc thời hạn được ghi trong lệnh, quyết định. Nếu thời hạn được tính bằng tháng thì 01 tháng được tính là 30 ngày.

2. Trường hợp có đơn hoặc giấy tờ gửi qua dịch vụ bưu chính thì thời hạn được tính theo dấu bưu chính nơi gửi. Nếu có đơn hoặc giấy tờ gửi qua cơ sở giam giữ thì thời hạn được tính từ ngày Trưởng Nhà tạm giữ, Trưởng

about:blank 191/627

16:18 9/8/24 about:blank

Buồng tạm giữ thuộc Đồn biên phòng, Giám thị Trại tạm giam, Giám thị Trại giam nhận đơn hoặc giấy tờ đó.

**Điều 135. Chi phí tố tụng**

1. Chi phí trong tố tụng hình sự gồm án phí, lệphí và các chi phí tố tụng.

2. Án phí gồm án phí sơ thẩm, phúc thẩm hình sự, án phí sơ thẩm, phúc thẩm dân sự trong vụán hình sự.

3. Lệ phí gồm lệ phí cấp bản sao bản án, quyếtđịnh, các giấy tờ khác của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các khoản lệ phíkhác mà pháp luật quy định.

4. Chi phí tố tụng gồm:

a) Chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa;

b) Chi phí giám định, định giá tài sản;

about:blank 192/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 136. Trách nhiệm chi trả chi phí tốtụng, lệ phí**

1. Chi phí quy định tại khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường hợp   
Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do Trung tâm này chi trả.

2. Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kếtán phải trả án phí theo quyết định của Tòa án.

Mức án phí và căn cứ áp dụng được ghi rõtrong bản án, quyết định của Tòa án.

3. Trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nếu Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội hoặc vụ án bị đình chỉ khi có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật này thì bị hại phải trả án phí.

4. Đối với các hoạt động tố tụng do người tham gia tố tụng yêu cầu thì việc chi trả lệ phí, chi

about:blank 193/627

16:18 9/8/24 about:blank

phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 137. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng**   
1. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng được thực hiện thông qua các phương thức:   
a) Cấp, giao, chuyển trực tiếp;   
b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;   
c) Niêm yết công khai;   
d) Thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng.

2. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng phải thực hiện theo quy định của Bộ luật này.

**Điều 138. Thủ tục cấp, giao, chuyển trực**  **tiếp văn bản tố tụng**   
 1. Người thực hiện việc cấp, giao, chuyển văn bản tố tụng phải trực tiếp chuyển giao cho   
about:blank 194/627

16:18 9/8/24 about:blank

người được nhận. Người nhận phải ký nhận vào biên bản hoặc sổ giao nhận. Thời điểm đểtính thời hạn tố tụng là ngày họ ký nhận vào biên bản hoặc sổ giao nhận.

2. Trường hợp người được nhận văn bản tốtụng vắng mặt thì văn bản tố tụng có thể được giao cho người thân thích của họ có đủ năng lực hành vi dân sự ký nhận và yêu cầu người này cam kết giao lại ngay cho người được nhận. Ngày ký nhận của người thân thích làngày được cấp, giao văn bản tố tụng.

Trường hợp không thể giao cho người được nhận văn bản tố tụng quy định tại khoản này thì có thể chuyển giao văn bản đó cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trúhoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập để giao lại cho người được nhận. Cơquan, tổ chức phải thông báo ngay kết quả việc cấp, giao, gửi văn bản tố tụng cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã yêu cầu.

Ngày ký nhận của cơ quan, tổ chức là ngàyđược cấp, giao văn bản tố tụng.

about:blank 195/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trường hợp người được nhận văn bản tốtụng vắng mặt hoặc không rõ địa chỉ thì người thực hiện việc cấp, giao phải lập biên bản vềviệc không thực hiện được việc cấp, giao, cóxác nhận của đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú, làm việc, học tập.

Trường hợp người được nhận văn bản tố tụng từ chối nhận văn bản tố tụng thì người thực hiện việc cấp, giao phải lập biên bản về việc từchối và có xác nhận của chính quyền xã,   
phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơquan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập.

4. Trường hợp người được cấp, giao văn bản tốtụng là cơ quan, tổ chức thì văn bản tố tụngđược giao trực tiếp cho người đại diện của cơquan, tổ chức đó và phải được người này kýnhận. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng làngày họ ký nhận vào biên bản hoặc sổ giao nhận.

**Điều 139. Thủ tục gửi văn bản tố tụng qua dịch vụ bưu chính**

about:blank 196/627

16:18 9/8/24 about:blank

Việc gửi văn bản tố tụng qua dịch vụ bưu chính phải bằng thư bảo đảm và có xác nhận của   
người nhận văn bản tố tụng. Văn bản có xác nhận phải được chuyển lại cho cơ quan có  
thẩm quyền tiến hành tố tụng. Thời điểm đểtính thời hạn tố tụng là ngày họ xác nhận đãnhận được văn bản tố tụng.

**Điều 140. Thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng**

1. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụngđược thực hiện khi không rõ địa chỉ hoặc không rõ người được cấp, giao đang ở đâu.

2. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụngđược thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cuối cùng người được cấp, giao văn bản tố tụng cư trú hoặc cơ quan, tổchức nơi cuối cùng người đó làm việc, học tập.

Văn bản tố tụng phải được niêm yết công khaiít nhất là 15 ngày kể từ ngày niêm yết. Việc niêm yết công khai được lập biên bản ghi rõngày, tháng, năm niêm yết.

about:blank 197/627

16:18 9/8/24 about:blank

Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày kết thúc việc niêm yết.

**Điều 141. Thủ tục thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng**

1. Việc thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện khi việc niêm yết công khai không có kết quả hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được đăng trên báo hàng ngày của trungương trong 03 số liên tiếp và phát sóng trênĐài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trungương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.

Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày kết thúc việc thông báo.

**Điều 142. Trách nhiệm cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết, thông báo văn bản tố tụng**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tốtụng phải cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết,

about:blank 198/627

16:18 9/8/24 about:blank

thông báo văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Bộ luật này.

2. Người được giao trách nhiệm cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết, thông báo văn bản tốtụng nhưng không thực hiện, thực hiện khôngđầy đủ theo quy định của Bộ luật này thì tuỳtính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

**PHẦN THỨ HAI**

**KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**Chương IX**

**KHỞI TỐ VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**Điều 143. Căn cứ khởi tố vụ án hình sự**

Chỉ được khởi tố vụ án khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Việc xác định dấu hiệu tội phạm dựa trên những căn cứ:

1. Tố giác của cá nhân;

about:blank 199/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Tin báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân; 3. Tin báo trên phương tiện thông tin đại chúng;   
4. Kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước; 5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm;   
6. Người phạm tội tự thú.

**Điều 144. Tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**  
1. Tố giác về tội phạm là việc cá nhân phát hiện và tố cáo hành vi có dấu hiệu tội phạm với cơ quan có thẩm quyền.

2. Tin báo về tội phạm là thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức, cánhân thông báo với cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin về tội phạm trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Kiến nghị khởi tố là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiến nghị bằng văn bản và gửi about:blank 200/627

16:18 9/8/24 about:blank

kèm theo chứng cứ, tài liệu liên quan cho Cơquan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

4. Tố giác, tin báo về tội phạm có thể bằng lời hoặc bằng văn bản.

5. Người nào cố ý tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật thì tuỳ tính chất, mức độ vi phạm màbị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quyđịnh của luật.

**Điều 145. Trách nhiệm tiếp nhận và thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**

1. Mọi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghịkhởi tố phải được tiếp nhận đầy đủ, giải quyết kịp thời. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận không được từ chối tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tốgồm:

about:blank 201/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp nhận tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

b) Cơ quan, tổ chức khác tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm.

3. Thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố:

a) Cơ quan điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố theo thẩm quyềnđiều tra của mình;

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm theo thẩm quyền điều tra của   
mình;

c) Viện kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo vềtội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạtđộng kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ

about:blank 202/627

16:18 9/8/24 about:blank

lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục.

4. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có trách nhiệm thông báo kết quả giải quyết cho cá  
nhân, cơ quan, tổ chức đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

**Điều 146. Thủ tục tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**

1. Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tốgiác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố thìCơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 145 của Bộ luật này phải lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận; có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc tiếp nhận.

Trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gửi qua dịch vụ bưu chính, điện thoại hoặc qua phương tiện thông tin khác thìghi vào sổ tiếp nhận.

about:blank 203/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trường hợp phát hiện tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không thuộc thẩm   
quyền giải quyết của mình thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tốkèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Viện kiểm sát có trách nhiệm chuyển ngay tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tốkèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 145 của Bộ luật này thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Viện kiểm sát có yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền đang thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đó phải chuyển hồ sơ có liên quan cho Viện kiểm sát đểxem xét, giải quyết.

3. Công an phường, thị trấn, Đồn Công an cótrách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin

about:blank 204/627

16:18 9/8/24 about:blank

báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật cóliên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Công an xã có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai ban đầu và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật cóliên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

4. Các cơ quan, tổ chức khác sau khi nhậnđược tố giác, tin báo về tội phạm thì chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trường hợp khẩn cấp thì có thể báo tin trực tiếp qua điện thoại hoặc hình thức khác cho Cơquan điều tra nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

5. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đó cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền.

about:blank 205/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 147. Thời hạn, thủ tục giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**

1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhậnđược tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghịkhởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định:

a) Quyết định khởi tố vụ án hình sự;

b) Quyết định không khởi tố vụ án hình sự;

c) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

2. Trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiềuđịa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh trong thời hạn quy định tại khoản này thì Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có

about:blank 206/627

16:18 9/8/24 about:blank

thẩm quyền có thể gia hạn một lần nhưng không quá 02 tháng.

Chậm nhất là 05 ngày trước khi hết thời hạn kiểm tra, xác minh quy định tại khoản này, Cơquan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải có văn bảnđề nghị Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh.

3. Khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền cóquyền tiến hành các hoạt động:

a) Thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơquan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin;

b) Khám nghiệm hiện trường;

c) Khám nghiệm tử thi;

d) Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản.

about:blank 207/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn Viện kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghịkhởi tố được thực hiện theo quy định tại Điều này.

**Điều 148. Tạm đình chỉ việc giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**

1. Hết thời hạn quy định tại Điều 147 của Bộluật này, cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp   
nhưng chưa có kết quả;

b) Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyếtđịnh đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụán nhưng chưa có kết quả.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo vềtội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra,

about:blank 208/627

16:18 9/8/24 about:blank

cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra phải gửi quyết định tạm đình chỉ kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyềnđể kiểm sát và gửi quyết định tạm đình chỉ đócho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Trường hợp quyết định tạm đình chỉ không cócăn cứ thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏquyết định tạm đình chỉ để tiếp tục giải quyết.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra, cơ quan, tổ chức, cá nhânđã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01   
tháng kể từ ngày Cơ quan điều tra, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra nhận được quyết định hủy bỏ quyếtđịnh tạm đình chỉ.

3. Trường hợp tạm đình chỉ việc giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì

about:blank 209/627

16:18 9/8/24 about:blank

việc giám định, định giá tài sản hoặc tương trợtư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.

**Điều 149. Phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**

1. Khi lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tốkhông còn, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ  
ngày ra quyết định phục hồi.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơquan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra phải gửi quyết định phục hồi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát cóthẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tốgiác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

about:blank 210/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 150. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố**

1. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp giải quyết. Tranh chấp thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo vềtội phạm, kiến nghị khởi tố của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết.

2. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp tỉnh, giữa các Cơ quanđiều tra quân sự cấp quân khu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trungương giải quyết. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra cấp   
huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc   
trung ương khác nhau, giữa các Cơ quan điều tra quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu nơi đầu tiên tiếp

about:blank 211/627

16:18 9/8/24 about:blank

nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghịkhởi tố giải quyết.

3. Tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giữa các Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơquan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơquan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải quyết.

**Điều 151. Giải quyết vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện**

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm thì quyết định việc khởi tố vụ án theo thẩm quyền hoặc   
chuyển cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết.

**Điều 152. Người phạm tội tự thú, đầu thú**

1. Khi người phạm tội đến tự thú, đầu thú, cơquan, tổ chức tiếp nhận phải lập biên bản ghi rõhọ tên, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở và lời khai của

about:blank 212/627

16:18 9/8/24 about:blank

người tự thú, đầu thú. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú có trách nhiệm thông báo ngay cho Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát.

2. Trường hợp xác định tội phạm do người tựthú, đầu thú thực hiện không thuộc thẩm quyềnđiều tra của mình thì Cơ quan điều tra tiếp   
nhận người tự thú, đầu thú phải thông báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp nhận, giải quyết.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú, Cơ quan điều tra có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp.

**Điều 153. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự**

1. Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm, trừ những vụ việc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết quy định tại các khoản 2, 3 và 4Điều này.

about:blank 213/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định khởi tố vụán hình sự trong trường hợp quy định tại Điều 164 của Bộ luật này.

3. Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp:

a) Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra;

b) Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

c) Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử.

4. Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sựnếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm.

**Điều 154. Quyết định khởi tố vụ án hình sự**

about:blank 214/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõcăn cứ khởi tố, điều, khoản của Bộ luật hình sựđược áp dụng và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiến hành điều tra.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ  
quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra phải gửi quyết định đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Tòa án phải gửi quyếtđịnh đó kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp.

**Điều 155. Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại**

about:blank 215/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộluật hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc   
người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.

2. Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ, trừ trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụán.

3. Bị hại hoặc người đại diện của bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc,   
cưỡng bức.

**Điều 156. Thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự**

about:blank 216/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định tội   
phạm đã khởi tố không đúng với hành vi phạm tội xảy ra; ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự khi có căn cứ xác định còn tội phạm khác chưa bị khởi tố.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định kèm theo các tài liệu liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc khởi tố.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quanđiều tra để tiến hành điều tra.

**Điều 157. Căn cứ không khởi tố vụ án hình sự**

about:blank 217/627

16:18 9/8/24 about:blank

Không được khởi tố vụ án hình sự khi có một trong các căn cứ sau:

1. Không có sự việc phạm tội;

2. Hành vi không cấu thành tội phạm;

3. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xãhội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự;

4. Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bảnán hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;

5. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự;

6. Tội phạm đã được đại xá;

7. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xãhội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác;

8. Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố.

about:blank 218/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 158. Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự**

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tạiĐiều 157 của Bộ luật này thì người có quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự; nếu đã khởi tố thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự vàthông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tốgiác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố biết rõ lý do; nếu xét thấy cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyếtđịnh hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sựvà các tài liệu có liên quan phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyếtđịnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác hoặc báo tin về tội phạm có quyền khiếu nại quyếtđịnh không khởi tố vụ án hình sự. Thẩm quyền và thủ tục giải quyết khiếu nại được thực hiện

about:blank 219/627

16:18 9/8/24 about:blank

theo quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật này.

**Điều 159. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm**

1. Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ; phê chuẩn, không phê chuẩn các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định của Bộ luật này.

2. Khi cần thiết, đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện.

3. Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tốgiác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố vụ án hình sự.

4. Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự.

about:blank 220/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong các trường hợp do Bộ luật này quy định.

6. Hủy bỏ quyết định tạm giữ, quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụán hình sự, quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm và các quyết định tốtụng khác trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một sốhoạt động điều tra.

7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật này nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội.

**Điều 160. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong việc tiếp nhận và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm**

1. Tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội   
phạm, kiến nghị khởi tố do cơ quan, tổ chức, cánhân chuyển đến, tiếp nhận người phạm tội tựthú, đầu thú và chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết.

about:blank 221/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Kiểm sát việc tiếp nhận, trực tiếp kiểm sát, kiểm sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồsơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơquan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm.

3. Khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết   
nguồn tin về tội phạm không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra thực hiện các hoạt động:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết nguồn tin về tội phạm đầy đủ, đúng pháp luật;

b) Kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát;

c) Cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội   
phạm;

about:blank 222/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Khắc phục vi phạm pháp luật và xử lýnghiêm người vi phạm;

đ) Yêu cầu thay đổi Điều tra viên, Cán bộ điều tra.

4. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm.

5. Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin vềtội phạm theo quy định của Bộ luật này.

**Điều 161. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố vàkiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự**

1. Khi thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những   
nhiệm vụ, quyền hạn:

about:blank 223/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự;

b) Hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thayđổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sựkhông có căn cứ và trái pháp luật;

c) Trường hợp quyết định khởi tố vụ án hình sựcủa Hội đồng xét xử không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên Tòa án trên một cấp;

d) Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp do Bộluật này quy định;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác đểthực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụán hình sự theo quy định của Bộ luật này.

2. Khi kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn:

about:blank 224/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứvà đúng pháp luật;

b) Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự theo quyđịnh của Bộ luật này.

**Điều 162. Trách nhiệm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát trong việc khởi tố**

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát trong việc khởi tố.

about:blank 225/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Đối với quyết định quy định tại khoản 1 vàkhoản 6 Điều 159, điểm b khoản 1 Điều 161 của Bộ luật này, nếu không nhất trí, Cơ quanđiều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vẫn phải thực hiện nhưng có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 20 ngày kể từngày nhận được kiến nghị của Cơ quan điều tra hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhậnđược kiến nghị của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho cơquan đã kiến nghị.

**Chương X**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**Điều 163. Thẩm quyền điều tra**

1. Cơ quan điều tra của Công an nhân dân điều tra tất cả các tội phạm, trừ những tội phạm   
thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra

about:blank 226/627

16:18 9/8/24 about:blank

trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dânđiều tra các tội phạm thuộc thẩm quyền xét xửcủa Tòa án quân sự.

3. Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sựtrung ương điều tra tội phạm xâm phạm hoạtđộng tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ quy định tại Chương XXIII và Chương XXIV của Bộ luật hình sự xảy ra trong hoạtđộng tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, người cóthẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp.

4. Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra những vụ án hình sự mà tội phạm xảy ra trênđịa phận của mình. Trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau hoặc không xác định được địa điểm xảy ra tội phạm thìviệc điều tra thuộc thẩm quyền của Cơ quanđiều tra nơi phát hiện tội phạm, nơi bị can cưtrú hoặc bị bắt.

about:blank 227/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Việc phân cấp thẩm quyền điều tra như sau:

a) Cơ quan điều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sự khu vực điều tra vụ án hình sự vềnhững tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sựkhu vực;

b) Cơ quan điều tra cấp tỉnh điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xửcủa Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp huyện xảy ra trên địa bàn nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phốthuộc thành phố trực thuộc trung ương, phạm tội có tổ chức hoặc có yếu tố nước ngoài nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra;

Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu điều tra vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự cấp quân khu hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra cấp khu vực nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra;

about:blank 228/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng điều tra vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại; vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, vụ án hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp liên   
quan đến nhiều quốc gia nếu xét thấy cần trực tiếp điều tra.

**Điều 164. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơquan của Bộ đội biên phòng, Hải quan,**   
**Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra**

1. Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình thìcác cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngưđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra có nhiệm vụ, quyền hạn:

about:blank 229/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong   
trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lýlịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cóthẩm quyền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụán cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

2. Trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, ngoài các Cơ quan điều tra quy định tạiĐiều 163 của Bộ luật này, các cơ quan khácđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì cóquyền khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạtđộng điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời

about:blank 230/627

16:18 9/8/24 about:blank

hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tốvụ án hình sự.

3. Các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư, cơ quan khác trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tạiĐiều 39 và Điều 40 của Bộ luật này và thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục tố tụngđối với hoạt động điều tra do Bộ luật này quyđịnh. Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra của các cơ quan này.

4. Thẩm quyền điều tra cụ thể của các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra thực hiện theo quy định của Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự.

about:blank 231/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 165. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự**

1. Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

2. Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.

3. Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tốvụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do Bộ luật này quy định.

4. Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lĩnh, đặt tiền để bảođảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín,điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn,   
không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan

about:blank 232/627

16:18 9/8/24 about:blank

điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộluật này; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phêchuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do.

5. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quyđịnh của Bộ luật này.

6. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quanđiều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra đểlàm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu Cơquan điều tra truy nã bị can, áp dụng biện phápđiều tra tố tụng đặc biệt.

7. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ

about:blank 233/627

16:18 9/8/24 about:blank

lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổsung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố.

8. Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tốvà trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người cóthẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

9. Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật này.

about:blank 234/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 166. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát điều tra vụ án hình sự**

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra và lập hồ sơ vụ án của Cơ  
quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

2. Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơquan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lýnghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.

3. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra.

4. Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết.

5. Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơquan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến

about:blank 235/627

16:18 9/8/24 about:blank

hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động:

a) Tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật;

b) Kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quảcho Viện kiểm sát;

c) Cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra.

6. Kiến nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ  
quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra.

7. Yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra, cơquan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra thay đổi Điều tra viên, Cán bộđiều tra, xử lý nghiêm minh Điều tra viên, Cán bộ điều tra vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng.

8. Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi

about:blank 236/627

16:18 9/8/24 about:blank

phạm pháp luật.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc kiểm sát điều tra vụ án hình sự theo quyđịnh của Bộ luật này.

**Điều 167. Trách nhiệm của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong việc thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra**

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện yêu cầu, quyết định của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra.

2. Đối với quyết định quy định tại khoản 4 vàkhoản 5 Điều 165 của Bộ luật này nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vẫn phải thực hiện nhưng có quyền kiến nghịvới Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghịcủa Cơ quan điều tra hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị của cơ

about:blank 237/627

16:18 9/8/24 about:blank

quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạtđộng điều tra, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quảgiải quyết cho cơ quan đã kiến nghị.

**Điều 168. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quyết định, yêu cầu của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra, Viện kiểm sát**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải nghiêm chỉnh thực hiện quyết định, yêu cầu của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát trong giaiđoạn điều tra vụ án hình sự; trường hợp không chấp hành mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì bị xử lýtheo quy định của pháp luật.

**Điều 169. Chuyển vụ án để điều tra**

1. Viện kiểm sát cùng cấp quyết định việc chuyển vụ án để điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:

about:blank 238/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Cơ quan điều tra cùng cấp xét thấy vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra và đề nghịchuyển vụ án;

b) Cơ quan điều tra cấp trên rút vụ án để điều tra;

c) Điều tra viên bị thay đổi là Thủ trưởng Cơquan điều tra;

d) Viện kiểm sát đã yêu cầu chuyển vụ án màCơ quan điều tra không thực hiện.

2. Việc chuyển vụ án ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc ngoài phạm vi quân khu do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu quyết định.

3. Thủ tục chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền:

a) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhậnđược đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền phải ra quyết định chuyển vụ án;

about:blank 239/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết  
định chuyển vụ án, Viện kiểm sát phải gửi   
quyết định đó đến Cơ quan điều tra đang điều tra vụ án, Cơ quan điều tra có thẩm quyền tiếp tục điều tra vụ án, bị can hoặc người đại diện của bị can, người bào chữa, bị hại và Viện kiểm sát có thẩm quyền.

4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhậnđược quyết định chuyển vụ án, Cơ quan điều tra đang điều tra vụ án có trách nhiệm chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để tiếp tục điều tra.

5. Thời hạn điều tra được tính tiếp từ ngày Cơquan điều tra nhận được hồ sơ vụ án cho đến hết thời hạn điều tra vụ án theo quy định của Bộ luật này. Trường hợp hết thời hạn điều tra mà không thể kết thúc việc điều tra thì Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, quyết định gia hạn điều tra theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

**Điều 170. Nhập hoặc tách vụ án hình sự đểtiến hành điều tra**

about:blank 240/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Cơ quan điều tra có thể nhập để tiến hànhđiều tra theo thẩm quyền trong cùng một vụ án khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Bị can phạm nhiều tội;

b) Bị can phạm tội nhiều lần;

c) Nhiều bị can cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do bị can phạm tội mà có.

2. Cơ quan điều tra chỉ được tách vụ án trong trường hợp cần thiết khi không thể hoàn thành sớm việc điều tra đối với tất cả các tội phạm vànếu việc tách đó không ảnh hưởng đến việc xácđịnh sự thật khách quan, toàn diện của vụ án.

3. Quyết định nhập hoặc tách vụ án phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định nhập hoặc tách vụ án của Cơ quan điều tra thì Viện kiểm sát ra quyếtđịnh hủy bỏ và nêu rõ lý do.

about:blank 241/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 171. Ủy thác điều tra**

1. Khi cần thiết, Cơ quan điều tra ủy thác cho Cơ quan điều tra khác tiến hành một số hoạtđộng điều tra. Quyết định ủy thác điều tra phải ghi rõ yêu cầu và gửi cho Cơ quan điều trađược ủy thác, Viện kiểm sát cùng cấp với Cơquan điều tra được ủy thác.

2. Cơ quan điều tra được ủy thác phải thực hiệnđầy đủ những việc được ủy thác trong thời hạn mà Cơ quan điều tra ủy thác yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện ủy thác điều tra. Trường hợp không thực hiện được việc ủy thác thì phải có ngay văn bản nêu rõ lý do gửi Cơ quan điều tra đã ủy thác.

3. Viện kiểm sát cùng cấp với Cơ quan điều trađược ủy thác có trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tiến hành hoạt độngđiều tra của Cơ quan điều tra được ủy thác vàphải chuyển ngay kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát việc ủy thác điều tra cho Viện kiểm sát đã ủy thác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

about:blank 242/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 172. Thời hạn điều tra**

1. Thời hạn điều tra vụ án hình sự không quá02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc điều tra.

2. Trường hợp cần gia hạn điều tra do tính chất phức tạp của vụ án thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát gia hạnđiều tra.

Việc gia hạn điều tra được quy định như sau:

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thểđược gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, lần thứ nhất không quá03 tháng và lần thứ hai không quá 02 tháng;

about:blank 243/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thểđược gia hạn điều tra hai lần, mỗi lần không quá 04 tháng;

d) Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng cóthể được gia hạn điều tra ba lần, mỗi lần không quá 04 tháng.

3. Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng màthời hạn gia hạn điều tra đã hết nhưng do tính chất rất phức tạp của vụ án mà chưa thể kết thúc việc điều tra thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể gia hạn thêm một lần không quá 04 tháng.

Đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia thìViện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cóquyền gia hạn thêm một lần không quá 04 tháng.

4. Trường hợp thay đổi hoặc bổ sung quyếtđịnh khởi tố vụ án hình sự, nhập vụ án thì tổng thời hạn điều tra không vượt quá thời hạn quyđịnh tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

about:blank 244/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Thẩm quyền gia hạn điều tra của Viện kiểm sát:

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quanđiều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai. Trường hợp vụ án do Cơ quanđiều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;

c) Đối với tội phạm rất nghiêm trọng thì Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự khu vực gia hạn điều tra lần thứ nhất; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứhai. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp

about:blank 245/627

16:18 9/8/24 about:blank

tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lý điều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứ nhất và lần thứ hai;

d) Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thìViện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu gia hạn điều tra lần thứnhất và lần thứ hai; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương gia hạnđiều tra lần thứ ba.

6. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra BộCông an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng, Cơquan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao thụ lý điều tra thì việc gia hạn điều tra thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương.

**Điều 173. Thời hạn tạm giam để điều tra**

1. Thời hạn tạm giam bị can để điều tra không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội phạm rất

about:blank 246/627

16:18 9/8/24 about:blank

nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

2. Trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xét cần phải có thời gian dài hơn cho việcđiều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn tạm giam, Cơ quanđiều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát gia hạn tạm giam.

Việc gia hạn tạm giam được quy định như sau:

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thểđược gia hạn tạm giam một lần không quá 01 tháng;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng có thể được gia hạn tạm giam một lần không quá 02 tháng;

c) Đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thểđược gia hạn tạm giam một lần không quá 03 tháng;

d) Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng cóthể được gia hạn tạm giam hai lần, mỗi lần

about:blank 247/627

16:18 9/8/24 about:blank

không quá 04 tháng.

3. Thẩm quyền gia hạn tạm giam của Viện kiểm sát:

a) Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện   
kiểm sát quân sự khu vực có quyền gia hạn tạm giam đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội   
phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra cấp quân khu thụ lýđiều tra thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có quyền gia hạn tạm giam đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất   
nghiêm trọng và gia hạn tạm giam lần thứ nhấtđối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

b) Trường hợp thời hạn gia hạn tạm giam lần thứ nhất quy định tại điểm a khoản này đã hết mà chưa thể kết thúc việc điều tra và không cócăn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam thì Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu có thể gia hạn tạm giam lần thứ hai đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

about:blank 248/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Trường hợp vụ án do Cơ quan điều tra BộCông an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng, Cơquan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao thụ lý điều tra thì việc gia hạn tạm giam thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương.

5. Trường hợp cần thiết đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền gia hạn thêm một lần không quá 04 tháng. Trường hợp thời hạn gia hạn tạm giam quy định tại khoản này đã hết mà chưa thể kết thúc việc điều tra và không cócăn cứ để thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền gia hạn thêm một lần nhưng không quá 01 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Trường hợp đặc biệt đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia mà không có căn cứ để hủy bỏ biện pháp tạm giam thì Viện   
trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyếtđịnh việc tạm giam cho đến khi kết thúc việcđiều tra.

about:blank 249/627

16:18 9/8/24 about:blank

6. Trường hợp cần thiết đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng không phải là tội xâm phạm an ninh quốc gia và không có căn cứ để thayđổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có  
quyền gia hạn thêm một lần nhưng không quá04 tháng; trường hợp đặc biệt không có căn cứđể hủy bỏ biện pháp tạm giam thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định việc tạm giam cho đến khi kết thúc việc điều tra.

7. Trong thời hạn tạm giam, nếu xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam thì Cơ quanđiều tra phải kịp thời đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ việc tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giam hoặc xét thấy cần thiết thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Khi đã hết thời hạn tạm giam thì người bị tạm giam phải được trả tự do. Trường hợp xét thấy cần thiết thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

**Điều 174. Thời hạn phục hồi điều tra, điều tra bổ sung, điều tra lại**

about:blank 250/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Trường hợp phục hồi điều tra quy định tạiĐiều 235 của Bộ luật này thì thời hạn điều tra tiếp không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và không quá 03 tháng đối với tội phạm rất nghiêm   
trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ khi có quyết định phục hồi điều tra cho đến khi kết thúc điều tra.

Trường hợp cần gia hạn điều tra do tính chất phức tạp của vụ án thì chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát gia hạnđiều tra.

Việc gia hạn điều tra được quy định như sau:

a) Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thểđược gia hạn điều tra một lần không quá 01 tháng;

b) Đối với tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá 02 tháng;

about:blank 251/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng cóthể được gia hạn điều tra một lần không quá 03 tháng.

Thẩm quyền gia hạn điều tra đối với từng loại tội phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 172 của Bộ luật này.

2. Trường hợp vụ án do Viện kiểm sát trả lại đểyêu cầu điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá 02 tháng; nếu do Tòa án trảlại để yêu cầu điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá 01 tháng. Viện kiểm sát chỉ được trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ được trảhồ sơ để điều tra bổ sung một lần và Hội đồng xét xử chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần.

Thời hạn điều tra bổ sung tính từ ngày Cơ quanđiều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra bổ sung.

3. Trường hợp vụ án được trả lại để điều tra lại thì thời hạn điều tra và gia hạn điều tra thực

about:blank 252/627

16:18 9/8/24 about:blank

hiện theo quy định tại Điều 172 của Bộ luật này.

Thời hạn điều tra được tính từ khi Cơ quanđiều tra nhận hồ sơ và yêu cầu điều tra lại.

4. Khi phục hồi điều tra, điều tra bổ sung, điều tra lại, Cơ quan điều tra có quyền áp dụng, thayđổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.

Trường hợp có căn cứ theo quy định của Bộluật này cần phải tạm giam thì thời hạn tạm giam để phục hồi điều tra, điều tra bổ sung không được quá thời hạn phục hồi điều tra,điều tra bổ sung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Thời hạn tạm giam và gia hạn tạm giam trong trường hợp vụ án được điều tra lại thực hiện theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật này.

**Điều 175. Giải quyết yêu cầu, đề nghị của người tham gia tố tụng**

about:blank 253/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Khi người tham gia tố tụng có yêu cầu, đềnghị về những vấn đề liên quan đến vụ án thìCơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát trong phạm vi trách nhiệm của mình giải quyết yêu cầu, đề nghị đó và báo cho họ biết kết quả. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu,đề nghị thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc Viện kiểm sát phải trả lời và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc Viện kiểm sát thì người tham gia tố tụng có quyền khiếu nại. Việc khiếu nại và giải   
quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật này.

**Điều 176. Sự tham dự của người chứng kiến**

Người chứng kiến được triệu tập để chứng kiến hoạt động điều tra trong các trường hợp do Bộluật này quy định.

about:blank 254/627

16:18 9/8/24 about:blank

Người chứng kiến có trách nhiệm xác nhận nội dung, kết quả công việc mà người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã tiến hành trong khi mình có mặt và có thể nêu ý kiến cá nhân. Ýkiến này được ghi vào biên bản.

**Điều 177. Không được tiết lộ bí mật điều tra**

Trường hợp cần giữ bí mật điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải yêu cầu người tham gia tố tụng   
không được tiết lộ bí mật điều tra. Yêu cầu nàyđược ghi vào biên bản.

Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, người tham gia tố tụng tiết lộ bímật điều tra thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành   
chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sựtheo quy định của luật.

**Điều 178. Biên bản điều tra**

Khi tiến hành hoạt động điều tra, người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng phải lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

about:blank 255/627

16:18 9/8/24 about:blank

Điều tra viên, Cán bộ điều tra lập biên bản phảiđọc biên bản cho người tham gia tố tụng nghe, giải thích cho họ quyền được bổ sung và nhận xét về biên bản. Ý kiến bổ sung, nhận xét được ghi vào biên bản; trường hợp không chấp nhận bổ sung thì ghi rõ lý do vào biên bản. Người tham gia tố tụng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra cùng ký tên vào biên bản.

Trường hợp Kiểm sát viên, Kiểm tra viên lập biên bản thì biên bản được thực hiện theo quyđịnh tại Điều này. Biên bản phải được chuyển ngay cho Điều tra viên để đưa vào hồ sơ vụ án.

Việc lập biên bản trong giai đoạn khởi tố được thực hiện theo quy định tại Điều này.

**Chương XI**

**KHỞI TỐ BỊ CAN VÀ HỎI CUNG BỊ CAN**

**Điều 179. Khởi tố bị can**

1. Khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân đã thực hiện hành vi mà Bộ

about:blank 256/627

16:18 9/8/24 about:blank

luật hình sự quy định là tội phạm thì Cơ quanđiều tra ra quyết định khởi tố bị can.

2. Quyết định khởi tố bị can ghi rõ thời gian,địa điểm ra quyết định; họ tên, chức vụ người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, dân tộc, tôn giáo, giới tính, chỗ ở, nghề nghiệp của bị can; bị can bị khởi tố về tội gì, theo điều, khoản nào của Bộ luật hình sự; thời gian, địa điểm phạm tội và những tình tiết khác của tội phạm.

Trường hợp bị can bị khởi tố về nhiều tội khác nhau thì quyết định khởi tố bị can phải ghi rõtừng tội danh và điều, khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải gửi quyếtđịnh khởi tố và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho Viện kiểm sát cùng cấp để xét phêchuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhậnđược quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổsung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết

about:blank 257/627

16:18 9/8/24 about:blank

định việc phê chuẩn và gửi ngay cho Cơ quanđiều tra.

Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kểtừ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, Viện kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bịcan.

4. Trường hợp phát hiện có người đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội   
phạm chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can hoặc trực tiếp ra quyết định khởi tố bị can nếuđã yêu cầu nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyếtđịnh khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra.

Sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra nếu Viện kiểm sát phát hiện có người khác đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm trong vụ án chưa bị khởi tố thì Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố bị can và trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung.

about:blank 258/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra phải giao ngay quyết định khởi tố bị can, quyếtđịnh phê chuẩn quyết định khởi tố bị can vàgiải thích quyền, nghĩa vụ cho bị can.

Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn quyếtđịnh khởi tố bị can, Cơ quan điều tra phải chụpảnh, lập danh bản, chỉ bản của người bị khởi tốvà đưa vào hồ sơ vụ án.

Việc giao, nhận các quyết định nêu trên được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộluật này.

**Điều 180. Thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can**

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thay đổi quyết định khởi tố bị can khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi tiến hành điều tra nếu có căn cứ xácđịnh hành vi của bị can không phạm vào tội đãbị khởi tố;

about:blank 259/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Quyết định khởi tố ghi không đúng họ, tên, tuổi, nhân thân của bị can.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát phải bổ sung quyết định khởi tố bị can nếu có căn cứ xácđịnh bị can còn thực hiện hành vi khác mà Bộluật hình sự quy định là tội phạm.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bịcan, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này và tài liệu có liên quan đến việc thay đổi hoặc bổ sung đó cho Viện kiểm sát cùng cấp để xét phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏquyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê  
chuẩn và gửi ngay cho Cơ quan điều tra.

Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kểtừ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu bổ sung, Viện kiểm sát ra quyết định phê chuẩn hoặc

about:blank 260/627

16:18 9/8/24 about:blank

hủy bỏ quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyếtđịnh khởi tố bị can.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Viện kiểm sát ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, Viện kiểm sát phải gửi cho Cơquan điều tra để tiến hành điều tra.

4. Sau khi nhận được quyết định phê chuẩn hoặc quyết định hủy bỏ quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyếtđịnh thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tốbị can của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra phải giao ngay quyết định này cho người đã bị khởi tố.

Việc giao, nhận các quyết định nêu trên được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộluật này.

**Điều 181. Tạm đình chỉ chức vụ bị can đangđảm nhiệm**

Khi xét thấy việc bị can tiếp tục giữ chức vụgây khó khăn cho việc điều tra thì Cơ quanđiều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành

about:blank 261/627

16:18 9/8/24 about:blank

một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát cóquyền kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý bị can tạm đình chỉ chức vụ của bị can. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhậnđược kiến nghị, cơ quan, tổ chức này phải trảlời bằng văn bản cho Cơ quan điều tra, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra, Viện kiểm sát đã kiến nghị biết.

**Điều 182. Triệu tập bị can**

1. Khi triệu tập bị can, Điều tra viên phải gửi giấy triệu tập. Giấy triệu tập bị can ghi rõ họtên, chỗ ở của bị can; giờ, ngày, tháng, năm,địa điểm có mặt, thời gian làm việc, gặp ai vàtrách nhiệm về việc vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

2. Giấy triệu tập bị can được gửi cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị can cư trúhoặc cơ quan, tổ chức nơi bị can làm việc, học tập. Cơ quan, tổ chức nhận được giấy triệu tập có trách nhiệm chuyển ngay giấy triệu tập cho bị can.

about:blank 262/627

16:18 9/8/24 about:blank

Khi nhận giấy triệu tập, bị can phải ký nhận vàghi rõ giờ, ngày nhận. Người chuyển giấy triệu tập phải chuyển phần giấy triệu tập có ký nhận của bị can cho cơ quan đã triệu tập bị can; nếu bị can không ký nhận thì lập biên bản về việcđó và gửi cho cơ quan triệu tập bị can; nếu bịcan vắng mặt thì có thể giao giấy triệu tập cho người thân thích của bị can có đủ năng lực hành vi dân sự để ký xác nhận và chuyển cho bị can.

3. Bị can phải có mặt theo giấy triệu tập.

Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khảkháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc cóbiểu hiện trốn tránh thì Điều tra viên có thể ra quyết định áp giải.

4. Trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên có thểtriệu tập bị can. Việc triệu tập bị can được tiến hành theo quy định tại Điều này.

**Điều 183. Hỏi cung bị can**

1. Việc hỏi cung bị can do Điều tra viên tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. Có thể hỏi cung bị can tại nơi tiến hành điều tra

about:blank 263/627

16:18 9/8/24 about:blank

hoặc tại nơi ở của người đó. Trước khi hỏi   
cung bị can, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên và người bào chữa thời gian, địađiểm hỏi cung. Khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên tham gia việc hỏi cung bị can.

2. Trước khi tiến hành hỏi cung lần đầu, Điều tra viên phải giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 60 của Bộluật này. Việc này phải ghi vào biên bản.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can thì hỏi riêng từng người và không để họ tiếp xúc với nhau. Có thể cho bị can viết bản tự khai của mình.

3. Không hỏi cung bị can vào ban đêm, trừ  
trường hợp không thể trì hoãn được nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

4. Kiểm sát viên hỏi cung bị can trong trường hợp bị can kêu oan, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết. Việc Kiểm sát viên hỏi cung bị can được tiến hành theo quy định tại Điều này.

about:blank 264/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát   
viên, Kiểm tra viên bức cung, dùng nhục hìnhđối với bị can thì phải chịu trách nhiệm hình sựtheo quy định của Bộ luật hình sự.

6. Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

Việc hỏi cung bị can tại địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của bị can hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Điều 184. Biên bản hỏi cung bị can**

1. Mỗi lần hỏi cung bị can đều phải lập biên bản.

Biên bản hỏi cung bị can được lập theo quyđịnh tại Điều 178 của Bộ luật này; phải ghi đầyđủ lời trình bày của bị can, các câu hỏi và câu trả lời. Nghiêm cấm Điều tra viên, Cán bộ điều tra tự mình thêm, bớt hoặc sửa chữa lời khai của bị can.

about:blank 265/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Sau khi hỏi cung, Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải đọc biên bản cho bị can nghe hoặc đểbị can tự đọc. Trường hợp bổ sung, sửa chữa biên bản thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra và bịcan cùng ký xác nhận. Nếu biên bản có nhiều trang thì bị can ký vào từng trang biên bản. Trường hợp bị can viết bản tự khai thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra và bị can cùng ký xác nhận vào bản tự khai đó.

3. Trường hợp hỏi cung bị can có người phiên dịch thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải giải thích quyền và nghĩa vụ của người phiên dịch,đồng thời giải thích cho bị can biết quyền yêu cầu thay đổi người phiên dịch; người phiên dịch phải ký vào từng trang của biên bản hỏi cung.

Trường hợp hỏi cung bị can có mặt người bào chữa, người đại diện của bị can thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra phải giải thích cho những người này biết quyền và nghĩa vụ của họ trong khi hỏi cung bị can. Bị can, người bào chữa, người đại diện cùng ký vào biên bản hỏi cung. Trường hợp người bào chữa được hỏi bị can thì

about:blank 266/627

16:18 9/8/24 about:blank

biên bản phải ghi đầy đủ câu hỏi của người bào chữa và trả lời của bị can.

4. Trường hợp Kiểm sát viên hỏi cung bị can thì biên bản được thực hiện theo quy định củaĐiều này. Biên bản hỏi cung bị can được   
chuyển ngay cho Điều tra viên để đưa vào hồsơ vụ án.

**Chương XII**

**LẤY LỜI KHAI NGƯỜI LÀM CHỨNG, NGƯỜI BỊ HẠI, NGUYÊN ĐƠN DÂN SỰ, BỊ ĐƠN DÂN SỰ, NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN ĐẾN VỤÁN, ĐỐI CHẤT VÀ NHẬN DẠNG**

**Điều 185. Triệu tập người làm chứng**

1. Khi triệu tập người làm chứng đến lấy lời khai, Điều tra viên phải gửi giấy triệu tập.

2. Giấy triệu tập người làm chứng ghi rõ họtên, chỗ ở hoặc nơi làm việc, học tập của người làm chứng; giờ, ngày, tháng, năm và địa điểm có mặt; mục đích và nội dung làm việc, thời

about:blank 267/627

16:18 9/8/24 about:blank

gian làm việc; gặp ai và trách nhiệm về việc vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

3. Việc giao giấy triệu tập được thực hiện nhưsau:

a) Giấy triệu tập được giao trực tiếp cho người làm chứng hoặc thông qua chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người làm chứng cư trúhoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập. Trong mọi trường hợp, việc giao giấy triệu tập phải được ký nhận. Chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người làm   
chứng cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người làm chứng làm việc, học tập có trách nhiệm tạođiều kiện cho người làm chứng thực hiện nghĩa vụ;

b) Giấy triệu tập người làm chứng dưới 18 tuổiđược giao cho cha, mẹ hoặc người đại diện khác của họ;

c) Việc giao giấy triệu tập người làm chứng theo ủy thác tư pháp của nước ngoài được thực

about:blank 268/627

16:18 9/8/24 about:blank

hiện theo quy định tại khoản này và Luật tương trợ tư pháp.

4. Trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên có thểtriệu tập người làm chứng để lấy lời khai. Việc triệu tập người làm chứng được thực hiện theo quy định tại Điều này.

**Điều 186. Lấy lời khai người làm chứng**

1. Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành tại nơi tiến hành điều tra, nơi cư trú, nơi làm việc hoặc nơi học tập của người đó.

2. Nếu vụ án có nhiều người làm chứng thìphải lấy lời khai riêng từng người và không đểcho họ tiếp xúc, trao đổi với nhau trong thời gian lấy lời khai.

3. Trước khi lấy lời khai, Điều tra viên, Cán bộđiều tra phải giải thích cho người làm chứng biết quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tạiĐiều 66 của Bộ luật này. Việc này phải ghi vào biên bản.

about:blank 269/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Trước khi hỏi về nội dung vụ án, Điều tra viên phải hỏi về mối quan hệ giữa người làm chứng với bị can, bị hại và những tình tiết khác về nhân thân của người làm chứng. Điều tra viên yêu cầu người làm chứng trình bày hoặc tự viết một cách trung thực và tự nguyện những gì họ biết về vụ án, sau đó mới đặt câu hỏi.

5. Trường hợp xét thấy việc lấy lời khai củaĐiều tra viên không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật hoặc xét cần làm rõ chứng cứ, tài liệu để quyết định việc phê chuẩn hoặc   
không phê chuẩn quyết định tố tụng của Cơquan điều tra hoặc để quyết định việc truy tốthì Kiểm sát viên có thể lấy lời khai người làm chứng. Việc lấy lời khai người làm chứng được tiến hành theo quy định tại Điều này.

**Điều 187. Biên bản ghi lời khai của người làm chứng**

Biên bản ghi lời khai của người làm chứngđược lập theo quy định tại Điều 178 của Bộluật này.

about:blank 270/627

16:18 9/8/24 about:blank

Việc lấy lời khai của người làm chứng có thểghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

**Điều 188. Triệu tập, lấy lời khai của bị hại,đương sự**

Việc triệu tập, lấy lời khai của bị hại, đương sựđược thực hiện theo quy định tại các điều 185, 186 và 187 của Bộ luật này.

Việc lấy lời khai của bị hại, đương sự có thểghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

**Điều 189. Đối chất**

1. Trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyếtđược mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất. Trước khi tiến hành đối chất, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc đối chất. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc đối chất. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõvào biên bản đối chất.

about:blank 271/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Nếu có người làm chứng hoặc bị hại tham gia thì trước khi đối chất Điều tra viên phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố tình khai báo gian dối. Việc này phải ghi vào biên bản.

3. Khi bắt đầu đối chất, Điều tra viên hỏi vềmối quan hệ giữa những người tham gia đối chất, sau đó hỏi họ về những tình tiết cần làm sáng tỏ. Sau khi nghe đối chất, Điều tra viên cóthể hỏi thêm từng người.

Trong quá trình đối chất, Điều tra viên có thểđưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan; có thể để cho những người tham gia đối chất hỏi lẫn nhau; câu hỏi và trả lời của những người này phải ghi vào biên bản.

Chỉ sau khi những người tham gia đối chất đãkhai xong mới được nhắc lại những lời khai trước đó của họ.

4. Biên bản đối chất được lập theo quy định tạiĐiều 178 của Bộ luật này. Việc đối chất có thểghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

about:blank 272/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Trường hợp cần thiết, Kiểm sát viên có thểtiến hành đối chất. Việc đối chất được tiến hành theo quy định tại Điều này.

**Điều 190. Nhận dạng**

1. Khi cần thiết, Điều tra viên có thể đưa người, ảnh hoặc vật cho người làm chứng, bịhại hoặc bị can nhận dạng.

Số người, ảnh hoặc vật đưa ra để nhận dạng ít nhất phải là ba và bề ngoài phải tương tự nhau, trừ trường hợp nhận dạng tử thi.

Trước khi tiến hành nhận dạng, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp đểcử Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận dạng.

Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc nhận dạng. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản nhận dạng.

2. Những người sau đây phải tham gia việc nhận dạng:

a) Người làm chứng, bị hại hoặc bị can;

b) Người chứng kiến.

about:blank 273/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Nếu người làm chứng hoặc bị hại là người nhận dạng thì trước khi tiến hành, Điều tra viên phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố ý khai báo gian dối. Việc này phải ghi vào biên bản.

4. Điều tra viên phải hỏi trước người nhận dạng về những tình tiết, vết tích và đặc điểm mà nhờđó họ có thể nhận dạng được.

Trong quá trình tiến hành nhận dạng, Điều tra viên không được đặt câu hỏi gợi ý. Sau khi người nhận dạng đã xác nhận một người, một vật hay một ảnh trong số được đưa ra để nhận dạng thì Điều tra viên yêu cầu họ giải thích làhọ đã căn cứ vào các vết tích hoặc đặc điểm gìmà xác nhận được người, vật hay ảnh đó.

5. Biên bản nhận dạng được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật này. Biên bản ghi rõnhân thân, tình trạng sức khỏe của người nhận dạng và của những người được đưa ra để nhận dạng; đặc điểm của vật, ảnh được đưa ra đểnhận dạng; các lời khai báo, trình bày của   
người nhận dạng; điều kiện ánh sáng khi thực hiện nhận dạng.

about:blank 274/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 191. Nhận biết giọng nói**

1. Khi cần thiết, Điều tra viên có thể cho bị hại, người làm chứng hoặc người bị bắt, bị tạm giữ, bị can nhận biết giọng nói.

Số giọng nói được đưa ra để nhận biết ít nhất phải là ba và phải có âm sắc, âm lượng tương tự nhau.

Trước khi tiến hành nhận biết giọng nói, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc nhận biết giọng nói. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản nhận biết   
giọng nói.

2. Những người sau đây phải tham gia việc nhận biết giọng nói:

a) Giám định viên về âm thanh;

b) Người được yêu cầu nhận biết giọng nói;

c) Người được đưa ra để nhận biết giọng nói, trừ trường hợp việc nhận biết giọng nói được

about:blank 275/627

16:18 9/8/24 about:blank

thực hiện qua phương tiện ghi âm;

d) Người chứng kiến.

3. Nếu người làm chứng, bị hại được yêu cầu nhận biết giọng nói thì trước khi tiến hành,Điều tra viên phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố ý khai báo gian dối. Việc này phải ghi vào biên bản.

4. Điều tra viên phải hỏi trước người được yêu cầu nhận biết giọng nói về những đặc điểm mànhờ đó họ có thể nhận biết được giọng nói.

Trong quá trình tiến hành nhận biết giọng nói,Điều tra viên không được đặt câu hỏi gợi ý. Sau khi người được yêu cầu nhận biết giọng nói đã xác nhận được tiếng nói trong số giọng nói được đưa ra thì Điều tra viên yêu cầu họgiải thích là họ đã căn cứ vào đặc điểm gì màxác nhận giọng nói đó.

5. Biên bản nhận biết giọng nói được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật này. Biên bản ghi rõ nhân thân, tình trạng sức khỏe của

about:blank 276/627

16:18 9/8/24 about:blank

người được yêu cầu nhận biết giọng nói và của những người được đưa ra để nhận biết giọng nói; đặc điểm của giọng nói được đưa ra đểnhận biết, lời trình bày của người nhận biết giọng nói; điều kiện về không gian khi thực hiện nhận biết giọng nói.

**Chương XIII**

**KHÁM XÉT, THU GIỮ, TẠM GIỮ TÀI LIỆU, ĐỒ VẬT**

**Điều 192. Căn cứ khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồvật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử**

1. Việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc,địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

about:blank 277/627

16:18 9/8/24 about:blank

Việc khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện cũng được tiến hành khi cần phát hiện người đang bị truy nã, truy tìm và giải cứu nạn nhân.

2. Khi có căn cứ để nhận định trong thư tín,điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử cócông cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án thì có thể khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệuđiện tử.

**Điều 193. Thẩm quyền ra lệnh khám xét**

1. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét. Lệnh khám xét của những   
người được quy định tại khoản 2 Điều 35 vàđiểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phảiđược Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, những người cóthẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 110 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi khám xét xong, người

about:blank 278/627

16:18 9/8/24 about:blank

ra lệnh khám xét phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố vàkiểm sát điều tra vụ việc, vụ án.

3. Trước khi tiến hành khám xét, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp vềthời gian và địa điểm tiến hành khám xét để cửKiểm sát viên kiểm sát việc khám xét, trừ  
trường hợp khám xét khẩn cấp. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám xét. Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì ghi rõ vào biên bản khám xét.

4. Mọi trường hợp khám xét đều được lập biên bản theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật này và đưa vào hồ sơ vụ án.

**Điều 194. Khám xét người**

1. Khi bắt đầu khám xét người, người thi hành lệnh khám xét phải đọc lệnh và đưa cho người bị khám xét đọc lệnh đó; giải thích cho người bị khám xét và những người có mặt biết quyền và nghĩa vụ của họ.

about:blank 279/627

16:18 9/8/24 about:blank

Người tiến hành khám xét phải yêu cầu người bị khám xét đưa ra các tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án, nếu họ từ chối hoặc đưa ra không đầy đủ các tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án thì tiến hành khám xét.

2. Việc khám xét người phải do người cùng giới thực hiện và có người khác cùng giới chứng kiến. Việc khám xét không được xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị khám xét.

3. Có thể tiến hành khám xét người mà không cần có lệnh trong trường hợp bắt người hoặc khi có căn cứ để khẳng định người có mặt tại nơi khám xét giấu trong người vũ khí, hung khí, chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụán.

**Điều 195. Khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địađiểm, phương tiện**

1. Khi khám xét chỗ ở thì phải có mặt người đóhoặc người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở, cóđại diện chính quyền xã, phường, thị trấn vàngười chứng kiến; trường hợp người đó, người

about:blank 280/627

16:18 9/8/24 about:blank

từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không cómặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thìviệc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi khám xét và hai người chứng kiến.

Không được bắt đầu việc khám xét chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

2. Khi khám xét nơi làm việc của một người thìphải có mặt người đó, trừ trường hợp không thểtrì hoãn nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Việc khám xét nơi làm việc phải có đại diện của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến. Trong trường hợp không có đại diện cơ quan, tổ chức thì việc khám xét vẫnđược tiến hành nhưng phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi khám xét và 02 người chứng kiến.

3. Khi khám xét địa điểm phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi khám xét và người chứng kiến.

about:blank 281/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Việc khám xét phương tiện phải có mặt chủsở hữu hoặc người quản lý phương tiện và  
người chứng kiến. Trường hợp chủ sở hữu hoặc người quản lý phương tiện vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lý do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có hai người chứng kiến.

Khi khám xét phương tiện có thể mời người cóchuyên môn liên quan đến phương tiện tham gia.

5. Khi tiến hành khám xét chỗ ở, nơi làm việc,địa điểm, phương tiện, những người có mặt không được tự ý rời khỏi nơi đang bị khám, không được liên hệ, trao đổi với nhau hoặc với những người khác cho đến khi khám xét xong.

**Điều 196. Thu giữ phương tiện điện tử, dữliệu điện tử**

1. Việc thu giữ phương tiện điện tử, dữ liệuđiện tử do người có thẩm quyền tiến hành tốtụng thực hiện và có thể mời người có chuyên môn liên quan tham gia. Trường hợp không thể

about:blank 282/627

16:18 9/8/24 about:blank

thu giữ được thì phải sao lưu vào phương tiện lưu trữ và thu giữ như đối với vật chứng.

2. Khi thu giữ các phương tiện điện tử có thểthu thiết bị ngoại vi kèm theo và các tài liệu cóliên quan.

**Điều 197. Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông**

1. Khi cần thiết phải thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông thì Cơ quan điều tra ra lệnh thu giữ. Lệnh này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

2. Trường hợp không thể trì hoãn việc thu giữthư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơquan, tổ chức bưu chính, viễn thông thì Cơquan điều tra có thể tiến hành thu giữ nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản. Sau khi thu giữphải thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quanđến việc thu giữ để xét phê chuẩn.

about:blank 283/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đềnghị xét phê chuẩn và tài liệu liên quan đến việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, Viện kiểm sát phải ra quyết định phêchuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Nếu Viện kiểm sát quyết định không phê chuẩn thìngười đã ra lệnh thu giữ phải trả lại ngay cho cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông, đồng thời thông báo cho người có thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ biết.

3. Người thi hành lệnh phải thông báo cho   
người phụ trách cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông hữu quan trước khi tiến hành thu giữ. Người quản lý cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông hữu quan phải tạo điều kiện để  
người thi hành lệnh thu giữ hoàn thành nhiệm vụ.

Khi thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, phải có đại diện của cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông chứng kiến và ký xác nhận vào biên bản.

Cơ quan ra lệnh thu giữ phải thông báo cho người có thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm

about:blank 284/627

16:18 9/8/24 about:blank

bị thu giữ biết. Nếu việc thông báo cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn nữa, cơquan ra lệnh thu giữ phải thông báo ngay.

**Điều 198. Tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét**

1. Khi khám xét, Điều tra viên được tạm giữ đồvật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án. Đối với đồ vật thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền.   
Trường hợp cần thiết phải niêm phong thì tiến hành trước mặt chủ sở hữu đồ vật, người quản lý đồ vật, người chứng kiến, đại diện gia đình,đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi khám xét.

2. Việc tạm giữ tài liệu, đồ vật khi tiến hành khám xét được lập biên bản theo quy định tạiĐiều 133 của Bộ luật này. Biên bản tạm giữđược lập thành bốn bản, trong đó một bản giao cho người chủ tài liệu, đồ vật hoặc người quản lý tài liệu, đồ vật, một bản đưa vào hồ sơ vụ án, một bản giao cho Viện kiểm sát cùng cấp và

about:blank 285/627

16:18 9/8/24 about:blank

một bản giao cho cơ quan quản lý tài liệu, đồvật bị tạm giữ.

**Điều 199. Trách nhiệm bảo quản phương tiện, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, thư tín,điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ, tạm giữ hoặc bị niêm phong**

1. Phương tiện, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm bị thu giữ, tạm giữ hoặc bị niêm phong phải được bảo quản nguyên vẹn.

2. Người nào phá hủy niêm phong, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại phương tiện, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm thìphải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

**Điều 200. Trách nhiệm của người ra lệnh, người thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ**

Người ra lệnh, người thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ trái pháp luật thì tùy tính chất,

about:blank 286/627

16:18 9/8/24 about:blank

mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bịtruy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

**Chương XIV**

**KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG, KHÁM NGHIỆM TỬ THI, XEM XÉT DẤU VẾT TRÊN THÂN THỂ, THỰC NGHIỆM ĐIỀU TRA**

**Điều 201. Khám nghiệm hiện trường**

1. Điều tra viên chủ trì tiến hành khám nghiệm nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm để phát hiện dấu vết của tội phạm, thu giữ vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử khác liên quan vàlàm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án.

2. Trước khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết về thời gian, địa điểm tiến hành khám nghiệm để cử Kiểm sát viên kiểm sát khám nghiệm hiện trường. Kiểm sát

about:blank 287/627

16:18 9/8/24 about:blank

viên phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường.

Khi khám nghiệm hiện trường phải có người chứng kiến; có thể cho bị can, người bào chữa, bị hại, người làm chứng tham gia và mời người có chuyên môn tham dự việc khám nghiệm.

3. Khi khám nghiệm hiện trường phải tiến hành chụp ảnh, vẽ sơ đồ, mô tả hiện trường, đo đạc, dựng mô hình; xem xét tại chỗ và thu lượm dấu vết của tội phạm, tài liệu, đồ vật có liên quanđến vụ án; ghi rõ kết quả khám nghiệm vào biên bản. Biên bản khám nghiệm hiện trườngđược lập theo quy định tại Điều 178 của Bộluật này.

Trường hợp không thể xem xét ngay được thìtài liệu, đồ vật thu giữ phải được bảo quản, giữnguyên trạng hoặc niêm phong đưa về nơi tiến hành điều tra.

**Điều 202. Khám nghiệm tử thi**

1. Việc khám nghiệm tử thi do giám định viên pháp y tiến hành dưới sự chủ trì của Điều tra

about:blank 288/627

16:18 9/8/24 about:blank

viên và phải có người chứng kiến.

Trước khi khám nghiệm tử thi, Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết về thời gian và địa điểm tiến hành khám   
nghiệm để cử Kiểm sát viên kiểm sát việc   
khám nghiệm tử thi. Kiểm sát viên phải có mặtđể kiểm sát việc khám nghiệm tử thi.

2. Giám định viên kỹ thuật hình sự có thể được mời tham gia khám nghiệm tử thi để phát hiện, thu thập dấu vết phục vụ việc giám định.

3. Khi khám nghiệm tử thi phải tiến hành chụpảnh, mô tả dấu vết để lại trên tử thi; chụp ảnh, thu thập, bảo quản mẫu vật phục vụ công tác trưng cầu giám định; ghi rõ kết quả khám   
nghiệm vào biên bản. Biên bản khám nghiệm tử thi được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật này.

4. Trường hợp cần khai quật tử thi thì phải cóquyết định của Cơ quan điều tra và thông báo cho người thân thích của người chết biết trước khi tiến hành. Trường hợp người chết không cóhoặc không xác định được người thân thích của

about:blank 289/627

16:18 9/8/24 about:blank

họ thì thông báo cho đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi chôn cất tử thi biết.

**Điều 203. Xem xét dấu vết trên thân thể**

1. Khi cần thiết, Điều tra viên tiến hành xem xét dấu vết của tội phạm hoặc các dấu vết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án trên thân thể người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bịhại, người làm chứng. Trong trường hợp cần thiết thì Cơ quan điều tra trưng cầu giám định.

2. Việc xem xét dấu vết trên thân thể phải do người cùng giới tiến hành và phải có người cùng giới chứng kiến. Trường hợp cần thiết thìcó thể mời bác sĩ tham gia.

Nghiêm cấm xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị xem xét dấu vết trên thân thể.

Khi xem xét dấu vết trên thân thể phải lập biên bản mô tả dấu vết để lại trên thân thể; trường hợp cần thiết phải chụp ảnh, trưng cầu giámđịnh. Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể

about:blank 290/627

16:18 9/8/24 about:blank

được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộluật này.

**Điều 204. Thực nghiệm điều tra**

1. Để kiểm tra, xác minh tài liệu, tình tiết có ýnghĩa đối với việc giải quyết vụ án, Cơ quanđiều tra có thể thực nghiệm điều tra bằng cách dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi, tình huống hoặc những tình tiết khác của một sựviệc nhất định và tiến hành các hoạt động thực nghiệm cần thiết. Khi thực nghiệm điều tra phải đo đạc, chụp ảnh, ghi hình, vẽ sơ đồ, ghi rõ kết quả thực nghiệm điều tra vào biên bản.

Nghiêm cấm việc thực nghiệm điều tra xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người tham gia thực nghiệmđiều tra và người khác.

2. Trước khi tiến hành thực nghiệm điều tra,Điều tra viên phải thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp biết về thời gian và địa điểm tiến hành thực nghiệm điều tra. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc thực nghiệm điều tra.

about:blank 291/627

16:18 9/8/24 about:blank

Nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải ghi rõ vào biên bản.

3. Điều tra viên chủ trì tiến hành thực nghiệmđiều tra và việc thực nghiệm điều tra phải cóngười chứng kiến.

Khi tiến hành thực nghiệm điều tra, Cơ quanđiều tra có thể mời người có chuyên môn tham gia. Trường hợp cần thiết, người bị tạm giữ, bịcan, người bào chữa, bị hại, người làm chứng có thể tham gia.

4. Trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát tiến hành thực nghiệm điều tra. Việc thực nghiệmđiều tra được tiến hành theo quy định tại Điều này.

**Chương XV**   
 **GIÁM ĐỊNH VÀ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢNĐiều 205. Trưng cầu giám định**   
1. Khi thuộc một trong các trường hợp quyđịnh tại Điều 206 của Bộ luật này hoặc khi xét

about:blank 292/627

16:18 9/8/24 about:blank

thấy cần thiết thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định trưng cầu giám định.

2. Quyết định trưng cầu giám định có các nội dung:

a) Tên cơ quan trưng cầu giám định; họ tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định;

b) Tên tổ chức; họ tên người được trưng cầu giám định;

c) Tên và đặc điểm của đối tượng cần giámđịnh;

d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

đ) Nội dung yêu cầu giám định;

e) Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định vàthời hạn trả kết luận giám định.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan trưng cầu giámđịnh phải giao hoặc gửi quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám

about:blank 293/627

16:18 9/8/24 about:blank

định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; gửi quyết định trưng cầu giám định cho Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

**Điều 206. Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định**

Bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xácđịnh:

1. Tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ vềkhả năng nhận thức, khả năng khai báo đúngđắn về những tình tiết của vụ án;

2. Tuổi của bị can, bị cáo, bị hại nếu việc đó cóý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án và không có tài liệu để xác định chính xác tuổi của họhoặc có nghi ngờ về tính xác thực của những tài liệu đó;

3. Nguyên nhân chết người;

about:blank 294/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khoẻ hoặc khả năng lao động;

5. Chất ma tuý, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ;

6. Mức độ ô nhiễm môi trường.

**Điều 207. Yêu cầu giám định**

1. Đương sự hoặc người đại diện của họ cóquyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến   
hành tố tụng trưng cầu giám định những vấn đềliên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc giám định liên quanđến việc xác định trách nhiệm hình sự của   
người bị buộc tội.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tiến hành tố tụng phải xem xét, ra quyết định trưng cầu giám định. Trường hợp không chấp nhận đề nghị thì thông báo cho người đã đề nghị giám định biết bằng văn bản và nêu rõ lý do. Hết thời hạn này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trưng

about:blank 295/627

16:18 9/8/24 about:blank

cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì người đề nghị giám định cóquyền tự mình yêu cầu giám định.

2. Người yêu cầu giám định có các quyền vànghĩa vụ theo quy định của Luật giám định tưpháp.

**Điều 208. Thời hạn giám định**   
1. Thời hạn giám định đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định:   
a) Không quá 03 tháng đối với trường hợp quyđịnh tại khoản 1 Điều 206 của Bộ luật này; b) Không quá 01 tháng đối với trường hợp quyđịnh tại khoản 3 và khoản 6 Điều 206 của Bộluật này;   
c) Không quá 09 ngày đối với trường hợp quyđịnh tại các khoản 2, 4 và 5 Điều 206 của Bộluật này.

2. Thời hạn giám định đối với các trường hợp khác thực hiện theo quyết định trưng cầu giámđịnh.

about:blank 296/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định tại khoản 1 vàkhoản 2 Điều này thì tổ chức, cá nhân tiến hành giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan trưng cầu, người yêu cầu giám định.

4. Thời hạn giám định quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với trường hợp giám định bổsung, giám định lại.

**Điều 209. Tiến hành giám định**

1. Việc giám định có thể tiến hành tại cơ quan giám định hoặc tại nơi tiến hành điều tra vụ án ngay sau khi có quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định.

Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán,   
người yêu cầu giám định có thể tham dự giámđịnh nhưng phải báo trước cho người giámđịnh biết.

2. Việc giám định do cá nhân hoặc do tập thểthực hiện.

about:blank 297/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 210. Giám định bổ sung**   
1. Việc giám định bổ sung được tiến hành trong trường hợp:   
a) Nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưađầy đủ;   
b) Khi phát sinh vấn đề mới cần phải giám định liên quan đến tình tiết của vụ án đã có kết luận giám định trước đó.

2. Việc giám định bổ sung có thể do tổ chức, cánhân đã giám định hoặc tổ chức, cá nhân khác thực hiện.

3. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sungđược thực hiện như giám định lần đầu.

**Điều 211. Giám định lại**   
1. Việc giám định lại được thực hiện khi cónghi ngờ kết luận giám định lần đầu không chính xác. Việc giám định lại phải do người giám định khác thực hiện.

about:blank 298/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Cơ quan trưng cầu giám định tự mình hoặc theo đề nghị của người tham gia tố tụng quyếtđịnh việc trưng cầu giám định lại. Trường hợp người trưng cầu giám định không chấp nhận yêu cầu giám định lại thì phải thông báo cho người đề nghị giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại vềcùng một nội dung giám định thì việc giámđịnh lại lần thứ hai do người trưng cầu giámđịnh quyết định. Việc giám định lại lần thứ hai phải do Hội đồng giám định thực hiện theo quyđịnh của Luật giám định tư pháp.

**Điều 212. Giám định lại trong trường hợpđặc biệt**

Trường hợp đặc biệt, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc giám định lại sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định. Việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt phải do Hội đồng mới thực hiện, những ngườiđã tham gia giám định trước đó không được

about:blank 299/627

16:18 9/8/24 about:blank

giám định lại. Kết luận giám định lại trong trường hợp này được sử dụng để giải quyết vụán.

**Điều 213. Kết luận giám định**

1. Kết luận giám định phải ghi rõ kết quả giámđịnh đối với những nội dung đã được trưng cầu, yêu cầu và những nội dung khác theo quyđịnh của Luật giám định tư pháp.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra kết luận giám định, tổ chức, cá nhân đã tiến hành giámđịnh phải gửi kết luận giám định cho cơ quanđã trưng cầu, người yêu cầu giám định.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được kết luận giám định, cơ quan đã trưng cầu, người yêu cầu giám định phải gửi kết luận giám định cho Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vàkiểm sát điều tra.

3. Để làm sáng tỏ nội dung kết luận giám định, cơ quan trưng cầu, người yêu cầu giám định cóquyền yêu cầu tổ chức, cá nhân đã tiến hành giám định giải thích kết luận giám định; hỏi

about:blank 300/627

16:18 9/8/24 about:blank

thêm người giám định về những tình tiết cần thiết.

**Điều 214. Quyền của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác đối với kết luận giám định**

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận  
được đề nghị trưng cầu giám định của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác, cơquan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải xem xét, ra quyết định trưng cầu giám định.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận  
được kết luận giám định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo kết luận giám định cho bị can, bị cáo, bị hại, người   
tham gia tố tụng khác có liên quan.

3. Bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến của mình về kết luận giám định; đề nghị giám định bổ sung hoặc giám định lại. Trường hợp họ trình bày trực tiếp thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải lập biên bản.

about:blank 301/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án không chấp nhận đề nghị của bị can, bịcáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác thìphải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 215. Yêu cầu định giá tài sản**

1. Khi cần xác định giá của tài sản để giải quyết vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giátài sản.

2. Văn bản yêu cầu định giá tài sản có các nội dung:

a) Tên cơ quan yêu cầu định giá; họ tên người có thẩm quyền yêu cầu định giá;

b) Tên Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu;

c) Thông tin và đặc điểm của tài sản cần định giá;

d) Tên tài liệu có liên quan (nếu có);

đ) Nội dung yêu cầu định giá tài sản;

about:blank 302/627

16:18 9/8/24 about:blank

e) Ngày, tháng, năm yêu cầu định giá tài sản, thời hạn trả kết luận định giá tài sản.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra văn bản yêu cầu định giá tài sản, cơ quan yêu cầu định giá phải giao hoặc gửi văn bản yêu cầu định giátài sản, hồ sơ, đối tượng yêu cầu định giá tài sản cho Hội đồng định giá tài sản được yêu cầu; gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản cho Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

4. Việc yêu cầu định giá tài sản để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

**Điều 216. Thời hạn định giá tài sản**

Việc định giá tài sản, trả kết luận định giá tài sản thực hiện theo thời hạn nêu trong văn bản yêu cầu định giá tài sản. Trường hợp việc định giá tài sản không thể tiến hành trong thời hạn yêu cầu, Hội đồng định giá tài sản phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơquan, người đã yêu cầu định giá biết.

about:blank 303/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 217. Tiến hành định giá tài sản**

1. Việc định giá tài sản do Hội đồng định giátài sản tiến hành. Phiên họp định giá tài sản cóthể thực hiện tại nơi có tài sản được định giáhoặc nơi khác theo quyết định của Hội đồngđịnh giá tài sản.

Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có thểtham dự phiên họp định giá tài sản nhưng phải báo trước cho Hội đồng định giá tài sản biết; khi được sự đồng ý của Hội đồng định giá tài sản thì có quyền đưa ra ý kiến.

2. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập vàhoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản.

**Điều 218. Định giá lại tài sản**

1. Trường hợp có nghi ngờ kết luận định giálần đầu, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tốtụng tự mình hoặc theo đề nghị của người bịbuộc tội, người tham gia tố tụng khác ra văn bản yêu cầu định giá lại tài sản. Việc định giá

about:blank 304/627

16:18 9/8/24 about:blank

lại tài sản do Hội đồng định giá tài sản cấp trên trực tiếp thực hiện.

2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa kết luận định giá lần đầu và kết luận định giá lại về giá của tài sản cần định giá, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giálại lần thứ hai. Việc định giá lại lần thứ hai do Hội đồng định giá tài sản có thẩm quyền thực hiện. Kết luận định giá lại trong trường hợp này được sử dụng để giải quyết vụ án.

**Điều 219. Định giá tài sản trong trường hợp tài sản bị thất lạc hoặc không còn**

Trường hợp tài sản cần định giá bị thất lạc hoặc không còn thì việc định giá tài sản được thực hiện theo hồ sơ của tài sản trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá.

**Điều 220. Định giá lại tài sản trong trường hợp đặc biệt**

Trường hợp đặc biệt, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân

about:blank 305/627

16:18 9/8/24 about:blank

dân tối cao quyết định việc định giá lại tài sản khi đã có kết luận định giá lại lần hai của Hộiđồng định giá tài sản. Việc định giá lại tài sản trong trường hợp đặc biệt phải do Hội đồng mới thực hiện. Người đã tham gia định giá  
trước đó không được định giá lại. Kết luận định giá lại trong trường hợp này được sử dụng đểgiải quyết vụ án.

**Điều 221. Kết luận định giá tài sản**

1. Kết luận định giá tài sản phải ghi rõ kết luận về giá của tài sản theo nội dung yêu cầu định giá và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra kết luậnđịnh giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản phải gửi kết luận cho cơ quan yêu cầu định giá tài sản, người yêu cầu định giá tài sản.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được kết luận định giá tài sản, cơ quan đã yêu cầu, người yêu cầu định giá tài sản phải gửi kết luận định giá tài sản cho Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

about:blank 306/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Để làm sáng tỏ nội dung kết luận định giá tài sản, cơ quan yêu cầu định giá tài sản có quyền yêu cầu Hội đồng định giá tài sản giải thích kết luận định giá; hỏi thêm Hội đồng định giá tài sản về những tình tiết cần thiết.

**Điều 222. Quyền của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác đối với kết luậnđịnh giá tài sản**

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận  
được đề nghị định giá tài sản của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác, cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng phải xem xét, ra văn bản yêu cầu định giá tài sản.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhậnđược kết luận định giá tài sản thì cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo kết luận định giá tài sản cho bị can, bị cáo, bịhại, người tham gia tố tụng khác có liên quan.

3. Bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến của mình về kết luận định giá; đề nghị định giá lại. Trường hợp

about:blank 307/627

16:18 9/8/24 about:blank

họ trình bày trực tiếp thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải lập biên bản.

4. Trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án không chấp nhận đề nghị của bị can, bịcáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác thìphải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Chương XVI**   
**BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỐ TỤNG ĐẶC**  **BIỆT**  
**Điều 223. Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt**   
Sau khi khởi tố vụ án, trong quá trình điều tra, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thểáp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: 1. Ghi âm, ghi hình bí mật;   
2. Nghe điện thoại bí mật;   
3. Thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

about:blank 308/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 224. Trường hợp áp dụng biện phápđiều tra tố tụng đặc biệt**

Có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các trường hợp:

1. Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm vềma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền;

2. Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

**Điều 225. Thẩm quyền, trách nhiệm quyếtđịnh và thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt**

1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Thủtrưởng Cơ quan điều tra quân sự cấp quân khu trở lên tự mình hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu cóquyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Trường hợp vụ án do Cơ quanđiều tra cấp huyện, Cơ quan điều tra quân sựkhu vực thụ lý, điều tra thì Thủ trưởng Cơ quan

about:blank 309/627

16:18 9/8/24 about:blank

điều tra cấp huyện, Thủ trưởng Cơ quan điều tra quân sự khu vực đề nghị Thủ trưởng Cơquan điều tra cấp tỉnh, Thủ trưởng Cơ quanđiều tra quân sự cấp quân khu xem xét, quyếtđịnh áp dụng.

2. Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tốtụng đặc biệt ghi rõ thông tin cần thiết về đối tượng bị áp dụng, tên biện pháp được áp dụng, thời hạn, địa điểm áp dụng, cơ quan tiến hành biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộluật này.

3. Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tốtụng đặc biệt phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Thủtrưởng Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng có trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng biện pháp này, kịp thời đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ nếu xét thấy không còn cần thiết.

Cơ quan chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

about:blank 310/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền và người thi hành quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụngđặc biệt phải giữ bí mật.

**Điều 226. Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt**

1. Thời hạn áp dụng biện pháp điều tra tố tụngđặc biệt không quá 02 tháng kể từ ngày Viện trưởng Viện kiểm sát phê chuẩn. Trường hợp phức tạp có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật này.

2. Chậm nhất là 10 ngày trước khi hết thời hạnáp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nếu xét thấy cần gia hạn thì Thủ trưởng Cơ quanđiều tra đã ra quyết định áp dụng phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát đã phêchuẩn xem xét, quyết định việc gia hạn.

**Điều 227. Sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụngđặc biệt**

about:blank 311/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời.

Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác.

2. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việcáp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cóthể dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

3. Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo ngay kết quả việc áp dụng biện pháp điều tra tốtụng đặc biệt cho Viện trưởng Viện kiểm sát đãphê chuẩn.

**Điều 228. Hủy bỏ việc áp dụng biện phápđiều tra tố tụng đặc biệt**

Viện trưởng Viện kiểm sát đã phê chuẩn quyếtđịnh áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải kịp thời hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong các trường hợp:

about:blank 312/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng Cơquan điều tra có thẩm quyền;   
2. Có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt;   
3. Không cần thiết tiếp tục áp dụng biện phápđiều tra tố tụng đặc biệt.

**Chương XVII**   
 **TẠM ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA VÀ KẾT**  **THÚC ĐIỀU TRA**  
 **Điều 229. Tạm đình chỉ điều tra**   
 1. Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp: a) Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án. Trường hợp không biết rõ bị can đang ở đâu, Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi tạm đình chỉ điều tra;   
 b) Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo about:blank 313/627

16:18 9/8/24 about:blank

thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra;

c) Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giátài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra. Trong trường hợp này, việc giám định, định giátài sản, tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.

2. Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cảbị can thì có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can.

3. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sựvà người bảo vệ quyền lợi của họ.

**Điều 230. Đình chỉ điều tra**

1. Cơ quan điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:

about:blank 314/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 157 của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự;

b) Đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm.

2. Quyết định đình chỉ điều tra ghi rõ thời gian,địa điểm ra quyết định, lý do và căn cứ đình chỉđiều tra, việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trả lại tài liệu, đồ vật đã tạm giữ (nếu có), việc xử lý vật chứng và những vấn đề khác có liên quan.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứ đểđình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả bịcan thì có thể đình chỉ điều tra đối với từng bịcan.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhậnđược quyết định đình chỉ điều tra kèm theo hồsơ vụ án của Cơ quan điều tra, nếu thấy quyếtđịnh đình chỉ điều tra có căn cứ thì Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền; nếu thấy

about:blank 315/627

16:18 9/8/24 about:blank

quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứthì hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra phục hồi điều tra; nếu thấy đủ căn cứ để truy tố thì hủy bỏ quyết địnhđình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố theo thời hạn, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật này.

**Điều 231. Truy nã bị can**

1. Khi bị can trốn hoặc không biết rõ bị canđang ở đâu thì Cơ quan điều tra phải ra quyếtđịnh truy nã bị can.

2. Quyết định truy nã ghi rõ họ tên, ngày,   
tháng, năm sinh, nơi cư trú của bị can, đặcđiểm để nhận dạng bị can, tội phạm mà bị canđã bị khởi tố và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này; kèm theoảnh bị can (nếu có).

Quyết định truy nã bị can được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo công khai đểmọi người phát hiện, bắt người bị truy nã.

about:blank 316/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Sau khi bắt được bị can theo quyết định truy nã thì Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nãphải ra quyết định đình nã. Quyết định đình nãđược gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và thông báo công khai.

**Điều 232. Kết thúc điều tra**

1. Khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra phải ra bản kết luận điều tra.

2. Việc điều tra kết thúc khi Cơ quan điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉđiều tra.

3. Bản kết luận điều tra ghi rõ ngày, tháng, năm; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận.

4. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra bản kết luận điều tra, Cơ quan điều tra phải giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp; giao bản kết luận điều tra đề nghị truy tố

about:blank 317/627

16:18 9/8/24 about:blank

hoặc quyết định đình chỉ điều tra cho bị can hoặc người đại diện của bị can; gửi bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết địnhđình chỉ điều tra cho người bào chữa; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệquyền và lợi ích hợp pháp của họ.

**Điều 233. Kết luận điều tra trong trường hợp đề nghị truy tố**

Trong trường hợp đề nghị truy tố thì bản kết luận điều tra ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội; chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội vàtình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án; lý do vàcăn cứ đề nghị truy tố; tội danh, điều, khoản,điểm của Bộ luật hình sự được áp dụng; nhữngý kiến đề xuất giải quyết vụ án.

about:blank 318/627

16:18 9/8/24 about:blank

Bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra kết luận; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận điều tra.

**Điều 234. Kết luận điều tra trong trường hợp đình chỉ điều tra**

Trong trường hợp đình chỉ điều tra thì bản kết luận điều tra ghi rõ diễn biến sự việc, quá trìnhđiều tra, lý do và căn cứ đình chỉ điều tra.

Bản kết luận điều tra phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra kết luận; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận điều tra.

Quyết định đình chỉ điều tra ghi rõ thời gian,địa điểm ra quyết định, lý do và căn cứ đình chỉđiều tra, việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trả lại tài liệu, đồ vật đã tạm giữ (nếu có), việc xử lý vật chứng và các vấnđề khác có liên quan.

**Điều 235. Phục hồi điều tra**

1. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉđiều tra hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra

about:blank 319/627

16:18 9/8/24 about:blank

thì Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồiđiều tra, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nếu việc điều tra bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 157 của Bộ luật này mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra lại thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát cùng cấp ra quyết định phục hồi điều tra.

2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh phục hồi điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và  
người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

**PHẦN THỨ BA**

**TRUY TỐ**

**Chương XVIII**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 236. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong**

about:blank 320/627

16:18 9/8/24 about:blank

**giai đoạn truy tố**

1. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can.

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết.

3. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ đểquyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầuđiều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra.

4. Quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bịcan trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra.

5. Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra đểyêu cầu điều tra bổ sung.

about:blank 321/627

16:18 9/8/24 about:blank

6. Quyết định tách, nhập vụ án; chuyển vụ ánđể truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

7. Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.

8. Quyết định truy tố.

9. Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác đểquyết định việc truy tố theo quy định của Bộluật này.

**Điều 237. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát trong giai đoạn truy tố**

1. Khi kiểm sát trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ

about:blank 322/627

16:18 9/8/24 about:blank

quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lýnghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật;

b) Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác đểkiểm sát trong giai đoạn truy tố theo quy định của Bộ luật này.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhậnđược yêu cầu, kiến nghị quy định tại điểm a vàđiểm b khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức, cánhân có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị cho Viện kiểm sát.

**Điều 238. Giao, nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra**

1. Khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giao hồ sơ vụ án kèm theo bản kết luận điều tra

about:blank 323/627

16:18 9/8/24 about:blank

đề nghị truy tố và vật chứng (nếu có) thì Viện kiểm sát phải kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng kèm theo (nếu có) đã đầy đủ so với bảng kê tài liệu, vật chứng và bản kết luận điều trađã được giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can thì nhận hồ sơ vụ án;

b) Trường hợp tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng kèm theo (nếu có) không đủ so với bảng kê tài liệu, vật chứng hoặc bản kết luận điều tra chưa được giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can thì chưa nhận hồ sơ vụ án và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bổ sung tài liệu, vật chứng; yêu cầu giao bản kết luậnđiều tra cho bị can hoặc người đại diện của bịcan.

2. Việc giao, nhận hồ sơ vụ án và bản kết luậnđiều tra được lập biên bản theo quy định tạiĐiều 133 của Bộ luật này và đưa vào hồ sơ vụán.

**Điều 239. Thẩm quyền truy tố**

about:blank 324/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Viện kiểm sát cấp nào thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì Viện kiểm sát cấp đóquyết định việc truy tố. Thẩm quyền truy tố của Viện kiểm sát được xác định theo thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với vụ án.

Trường hợp vụ án không thuộc thẩm quyền truy tố của mình, Viện kiểm sát ra ngay quyếtđịnh chuyển vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền. Việc chuyển vụ án cho Viện kiểm sát ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trungương hoặc ngoài phạm vi quân khu do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu quyết định.

Đối với vụ án do Viện kiểm sát cấp trên thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thìViện kiểm sát cấp trên quyết định việc truy tố. Chậm nhất là 02 tháng trước khi kết thúc điều tra, Viện kiểm sát cấp trên phải thông báo cho Viện kiểm sát cấp dưới cùng cấp với Tòa án cóthẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án để cử Kiểm sát viên tham gia nghiên cứu hồ sơ vụ án. Ngay sau khi quyết định truy tố, Viện kiểm sát cấp trên ra quyết định phân công cho Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát

about:blank 325/627

16:18 9/8/24 about:blank

xét xử; sau khi nhận được hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng, Viện kiểm sát cấp dưới cóthẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo đúng quy định của Bộ luật này.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh chuyển vụ án, Viện kiểm sát phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đã kết thúc điều tra vụ án, bị can hoặc người đại diện của bịcan, người bào chữa, bị hại, người tham gia tốtụng khác.

Việc giao, gửi hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng được thực hiện theo quy định tại khoản 2Điều 240 của Bộ luật này. Trong trường hợp này, thời hạn truy tố được tính từ ngày Viện kiểm sát có thẩm quyền truy tố nhận được hồsơ vụ án.

**Điều 240. Thời hạn quyết định việc truy tố**

1. Trong thời hạn 20 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ ngày nhận

about:blank 326/627

16:18 9/8/24 about:blank

hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, Viện kiểm sát phải ra một trong các quyết định:

a) Truy tố bị can trước Tòa án;

b) Trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung;

c) Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; đình chỉhoặc tạm đình chỉ vụ án đối với bị can.

Trường hợp cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát có thể gia hạn thời hạn quyết định việc truy tố nhưng không quá 10 ngày đối với tội phạmít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng,   
không quá 15 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng, không quá 30 ngày đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Viện kiểm sát phải thông báo cho bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, bị hại biết việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho Cơ quan điều tra, người bào chữa bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc

about:blank 327/627

16:18 9/8/24 about:blank

quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định tạmđình chỉ vụ án đối với bị can; thông báo cho bịhại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Việc giao, nhận các văn bản nêu trên được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộluật này và đưa vào hồ sơ vụ án.

Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn giao bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án cho bị can hoặc người đại diện của bị can có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày.

3. Các quyết định nêu tại khoản 1 Điều này phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát cấp trên.

Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên có quyền rút, đình chỉ, hủy bỏ các quyết định đó nếu   
thấy không có căn cứ hoặc trái pháp luật và yêu cầu Viện kiểm sát cấp dưới ra quyết định đúng pháp luật.

**Điều 241. Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế**

about:blank 328/627

16:18 9/8/24 about:blank

Sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, Viện kiểm sát có quyền quyết định áp   
dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.

Thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn truy tố không được quá thời hạn quyđịnh tại khoản 1 Điều 240 của Bộ luật này.

**Điều 242. Nhập hoặc tách vụ án trong giaiđoạn truy tố**

1. Viện kiểm sát quyết định nhập vụ án khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Bị can phạm nhiều tội;

b) Bị can phạm tội nhiều lần;

c) Nhiều bị can cùng thực hiện một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm, tiêu thụ tài sản do bị can phạm tội mà có.

2. Viện kiểm sát quyết định tách vụ án khi thuộc một trong các trường hợp sau đây nếu

about:blank 329/627

16:18 9/8/24 about:blank

xét thấy việc tách đó không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện vàđã có quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bịcan:

a) Bị can bỏ trốn;

b) Bị can mắc bệnh hiểm nghèo;

c) Bị can bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

**Chương XIX**

**QUYẾT ĐỊNH VIỆC TRUY TỐ BỊ CAN**

**Điều 243. Quyết định truy tố bị can**

Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng.

Bản cáo trạng ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội; những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; những

about:blank 330/627

16:18 9/8/24 about:blank

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi   
phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụán.

Phần kết luận của bản cáo trạng ghi rõ tội danh và điều, khoản, điểm của Bộ luật hình sự đượcáp dụng.

Bản cáo trạng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra cáo trạng; họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra bản cáo trạng.

**Điều 244. Chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án**

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng, Viện kiểm sát phải chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn chuyển hồ sơ vụ án vàbản cáo trạng đến Tòa án có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày.

about:blank 331/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp vụ án có bị can bị tạm giam thìtrước khi hết thời hạn tạm giam 07 ngày thìViện kiểm sát thông báo cho Tòa án biết đểxem xét, quyết định việc tạm giam bị can khi nhận hồ sơ vụ án.

**Điều 245. Trả hồ sơ vụ án để điều tra bổsung**

1. Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ vụ án, yêu cầu Cơ quan điều tra điều tra bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Còn thiếu chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà Viện kiểm sát không thể tựmình bổ sung được;

b) Có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác;

c) Có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can;

d) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

about:blank 332/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổsung phải ghi rõ vấn đề cần điều tra bổ sung quy định tại khoản 1 Điều này và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

3. Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiệnđầy đủ yêu cầu nêu trong quyết định trả hồ sơyêu cầu điều tra bổ sung của Viện kiểm sát; trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trởngại khách quan mà không thực hiện được thìphải nêu rõ lý do bằng văn bản.

Kết thúc điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra phải có bản kết luận điều tra bổ sung. Bản kết luận điều tra bổ sung phải ghi rõ kết quả điều tra bổ sung, quan điểm giải quyết vụ án. Nếu kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi cơ bản kết luận điều tra trước đó thì Cơ quan điều tra phải ra bản kết luận điều tra mới thay thế.

Việc chuyển hồ sơ vụ án kèm theo kết luậnđiều tra bổ sung cho Viện kiểm sát; việc giao, nhận, gửi thông báo kết quả điều tra bổ sungđược thực hiện theo quy định tại Điều 232 vàĐiều 238 của Bộ luật này.

about:blank 333/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 246. Giải quyết yêu cầu điều tra bổsung của Tòa án**

Trường hợp Tòa án quyết định trả hồ sơ vụ án yêu cầu điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát phải xem xét căn cứ của việc yêu cầu điều tra bổsung và giải quyết như sau:

1. Nếu quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổsung có căn cứ mà xét thấy không cần phải trảhồ sơ cho Cơ quan điều tra thì Viện kiểm sát trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra đểbổ sung tài liệu, chứng cứ; trường hợp Viện kiểm sát không thể tự điều tra bổ sung được thìViện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quanđiều tra để tiến hành điều tra.

Trường hợp kết quả điều tra bổ sung làm thayđổi cơ bản nội dung bản cáo trạng trước đó thìViện kiểm sát phải ra bản cáo trạng mới thay thế và chuyển hồ sơ đến Tòa án. Trường hợp kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Tòa án biết;

about:blank 334/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Nếu quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổsung không có căn cứ thì Viện kiểm sát có văn bản nêu rõ lý do, giữ nguyên quyết định truy tốvà chuyển lại hồ sơ cho Tòa án.

**Điều 247. Tạm đình chỉ vụ án**

1. Viện kiểm sát quyết định tạm đình chỉ vụ án trong các trường hợp:

a) Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ vụ án trước khi hết thời hạn quyết định việc truy tố;

b) Khi bị can bỏ trốn mà không biết rõ bị canđang ở đâu nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố; trong trường hợp này phải yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can trước khi tạmđình chỉ vụ án. Việc truy nã bị can được thực hiện theo quy định tại Điều 231 của Bộ luật này;

c) Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giátài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp mà chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn

about:blank 335/627

16:18 9/8/24 about:blank

quyết định việc truy tố. Trong trường hợp này, việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tưpháp tiếp tục tiến hành cho đến khi có kết quả.

2. Quyết định tạm đình chỉ vụ án phải ghi rõ lýdo, căn cứ tạm đình chỉ vụ án, các vấn đề khác có liên quan và các nội dung quy định tại   
khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứ đểtạm đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cảbị can thì tạm đình chỉ vụ án đối với từng bịcan.

**Điều 248. Đình chỉ vụ án**

1. Viện kiểm sát quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 157 của Bộ luật này hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự.

2. Quyết định đình chỉ vụ án phải ghi rõ lý do và căn cứ đình chỉ vụ án, việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, xử lý vật

about:blank 336/627

16:18 9/8/24 about:blank

chứng, tài liệu, đồ vật đã tạm giữ (nếu có), các vấn đề khác có liên quan và các nội dung quyđịnh tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứđình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bịcan thì quyết định đình chỉ vụ án đối với từng bị can.

**Điều 249. Phục hồi vụ án**

1. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉvụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án thìViện kiểm sát ra quyết định phục hồi vụ án nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu vụ án bị đình chỉ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 157 của Bộ luật này mà bị can không đồng ý và yêu cầu phục hồi vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định phục hồi vụ án. Có thể phục hồi đối với toàn bộ vụ án hoặc phục hồi vụ án đối với từng bị can.

2. Quyết định phục hồi vụ án phải ghi rõ lý do và căn cứ phục hồi vụ án, các vấn đề khác cóliên quan và các nội dung quy định tại khoản 2Điều 132 của Bộ luật này.

about:blank 337/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh, Viện kiểm sát phải giao quyết định phục hồi vụ án hoặc quyết định phục hồi vụ án đối với bị can cho bị can hoặc người đại diện của bị can; gửi cho cơ quan đã kết thúc điều tra vụán, người bào chữa; thông báo cho bị hại,  
đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Việc giao, nhận quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can được lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án.

4. Thời hạn quyết định việc truy tố khi phục hồi vụ án được tính theo thủ tục chung quyđịnh tại Bộ luật này kể từ ngày Viện kiểm sát ra quyết định phục hồi vụ án.

5. Khi phục hồi vụ án, Viện kiểm sát có quyềnáp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.

Trường hợp có căn cứ theo quy định của Bộluật này cần phải tạm giam thì thời hạn tạm

about:blank 338/627

16:18 9/8/24 about:blank

giam để phục hồi vụ án không được quá thời hạn quyết định việc truy tố.

**PHẦN THỨ TƯ**

**XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ**

**Chương XX**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 250. Xét xử trực tiếp, bằng lời nói vàliên tục**

1. Việc xét xử được tiến hành bằng lời nói.

Hội đồng xét xử phải trực tiếp xác định những tình tiết của vụ án bằng cách hỏi, nghe ý kiến của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng, người giámđịnh, người khác tham gia phiên tòa được Tòaán triệu tập; xem xét, kiểm tra tài liệu, chứng cứ đã thu thập; công bố biên bản, tài liệu vàtiến hành hoạt động tố tụng khác để kiểm tra chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên,   
người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

about:blank 339/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Việc xét xử được tiến hành liên tục, trừ thời gian nghỉ và thời gian tạm ngừng phiên tòa.

**Điều 251. Tạm ngừng phiên tòa**

1. Việc xét xử có thể tạm ngừng khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa và có thể thực hiện được trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tạm ngừng phiên tòa;

b) Do tình trạng sức khỏe, sự kiện bất khả  
kháng hoặc trở ngại khách quan mà người cóthẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng không thể tiếp tục tham gia phiên tòa nhưng họ có thể tham gia lại phiên tòa trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày tạm ngừng phiên tòa;

c) Vắng mặt Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

2. Việc tạm ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa và thông báo cho những

about:blank 340/627

16:18 9/8/24 about:blank

người tham gia tố tụng biết. Thời hạn tạm   
ngừng phiên tòa không quá 05 ngày kể từ ngày quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, việc xét xử vụ án được tiếp tục. Trường hợp không thể tiếp tục xét xửvụ án thì phải hoãn phiên tòa.

**Điều 252. Tòa án xác minh, thu thập, bổsung chứng cứ**

Tòa án tiến hành việc xác minh, thu thập, bổsung chứng cứ bằng các hoạt động:

1. Tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp;

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án;

3. Xem xét tại chỗ vật chứng không thể đưađến phiên tòa;

4. Xem xét tại chỗ nơi đã xảy ra tội phạm hoặcđịa điểm khác có liên quan đến vụ án;

about:blank 341/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản ngoài các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định, cần định giá tài sản quy định tạiĐiều 206 và Điều 215 của Bộ luật này; trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại; yêu cầuđịnh giá lại tài sản;

6. Trường hợp Tòa án đã yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng Viện kiểm sát không bổ sung được thì Tòa án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

**Điều 253. Tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồvật liên quan đến vụ án**

1. Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp   
chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải tiếp nhận và có thể hỏi người đã cung cấp về những vấnđề có liên quan đến chứng cứ, tài liệu, đồ vậtđó. Việc tiếp nhận được lập biên bản.

2. Ngay sau khi nhận được chứng cứ, tài liệu,đồ vật do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thì Tòa án phải chuyển cho Viện kiểm sát cùng

about:blank 342/627

16:18 9/8/24 about:blank

cấp. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhậnđược chứng cứ, tài liệu, đồ vật, Viện kiểm sát phải xem xét và chuyển lại cho Tòa án để đưa vào hồ sơ vụ án.

**Điều 254. Thành phần Hội đồng xét xử**

1. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trường hợp vụ án cótính chất nghiêm trọng, phức tạp thì Hội đồng xét xử sơ thẩm có thể gồm hai Thẩm phán vàba Hội thẩm.

Đối với vụ án có bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân, tử hình thì Hội đồng xét xử sơthẩm gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm.

2. Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba Thẩm phán.

**Điều 255. Quyết định đưa vụ án ra xét xử**

1. Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm ghi rõ:

about:blank 343/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định; tên Tòa án ra quyết định; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên tòa;   
b) Xét xử công khai hay xét xử kín;   
c) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh,   
nghề nghiệp, nơi cư trú của bị cáo;   
d) Tội danh và điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo;đ) Họ tên Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòaán; họ tên Thẩm phán dự khuyết, Hội thẩm dựkhuyết, Thư ký Tòa án dự khuyết (nếu có); e) Họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; họ tên Kiểm sát viên dự khuyết (nếu có);   
g) Họ tên người bào chữa (nếu có);   
h) Họ tên người phiên dịch (nếu có);   
i) Họ tên những người khác được triệu tập đến phiên tòa;

about:blank 344/627

16:18 9/8/24 about:blank

k) Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa.

2. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm ghi rõ các nội dung quy định tại các điểm a, b, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này; tội danh vàhình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết  
định; họ tên người kháng cáo, người bị kháng cáo, người bị kháng nghị; Viện kiểm sát kháng nghị; họ tên Thẩm phán, Thư ký Tòa án; họ tên Thẩm phán dự khuyết, Thư ký Tòa án dự  
khuyết (nếu có).

**Điều 256. Nội quy phiên tòa**

1. Mọi người vào phòng xử án phải mặc trang phục nghiêm túc, chấp hành việc kiểm tra an ninh và thực hiện đúng hướng dẫn của Thư kýTòa án.

2. Mọi người trong phòng xử án phải tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sựđiều hành của chủ tọa phiên tòa.

3. Mọi người trong phòng xử án phải đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án và khi tuyên án. Bị cáo phải đứng khi Kiểm sát viên

about:blank 345/627

16:18 9/8/24 about:blank

công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

Người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa muốn trình bày ý kiến phải được chủ tọa phiên tòa đồng ý; người trình bày ý kiến phải đứng khi trình bày ý kiến, khi được hỏi.

Những người vì lý do sức khỏe có thể được chủ tọa phiên tòa cho phép ngồi.

4. Tại phiên tòa, bị cáo đang bị tạm giam chỉđược tiếp xúc với người bào chữa cho mình. Việc tiếp xúc với những người khác phải được chủ tọa phiên tòa cho phép.

5. Người dưới 16 tuổi không được vào phòng xử án, trừ trường hợp được Tòa án triệu tập đến phiên tòa.

**Điều 257. Phòng xử án**

1. Phòng xử án phải được bố trí thể hiện sựtrang nghiêm, an toàn, bảo đảm sự bình đẳng giữa người thực hành quyền công tố và luật sư, người bào chữa khác.

about:blank 346/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.

**Điều 258. Biên bản phiên tòa**

1. Biên bản phiên tòa phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên tòa và mọi diễn biến tại phiên tòa từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên tòa. Cùng với việc ghi biên bản, cóthể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh về diễn biến phiên tòa.

2. Các câu hỏi, câu trả lời, lời trình bày vàquyết định tại phiên tòa đều được ghi vào biên bản.

3. Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, chủ tọa phiên tòa phải kiểm tra biên bản và cùng với Thư ký Tòa án ký vào biên bản đó.

4. Sau khi chủ tọa phiên tòa và Thư ký Tòa án ký vào biên bản phiên tòa, Kiểm sát viên, bịcáo, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại,đương sự hoặc đại diện của những người đóđược xem biên bản phiên tòa. Nếu có người

about:blank 347/627

16:18 9/8/24 about:blank

yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa thì Thư ký Tòa án phải ghi sửađổi, bổ sung đó vào biên bản phiên tòa. Khôngđược tẩy xóa, sửa chữa trực tiếp mà phải ghi sửa đổi, bổ sung tiếp vào cuối biên bản phiên tòa và cùng chủ tọa phiên tòa ký xác nhận; nếu chủ tọa phiên tòa không chấp nhận yêu cầu thìphải nêu rõ lý do và ghi vào biên bản phiên tòa.

**Điều 259. Biên bản nghị án**

1. Khi nghị án phải lập biên bản.

Biên bản nghị án phải được tất cả thành viên Hội đồng xét xử ký tại phòng nghị án trước khi tuyên án.

2. Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơthẩm phải ghi rõ:

a) Giờ, ngày, tháng, năm ra biên bản; tên Tòaán xét xử;

b) Họ tên Thẩm phán, Hội thẩm;

c) Vụ án được đưa ra xét xử;

about:blank 348/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử vềtừng vấn đề đã thảo luận quy định tại khoản 3Điều 326 của Bộ luật này, ý kiến khác (nếu có).

3. Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử phúc thẩm phải ghi rõ các điểm a, c và d khoản 2Điều này và họ tên các Thẩm phán.

**Điều 260. Bản án**

1. Tòa án ra bản án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bản án phải có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng xét xử.

2. Bản án sơ thẩm phải ghi rõ:

a) Tên Tòa án xét xử sơ thẩm; số và ngày thụ lývụ án; số của bản án và ngày tuyên án; họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư kýTòa án, Kiểm sát viên; họ tên, ngày, tháng,   
năm sinh, nơi sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, dân tộc, tiền án, tiền sự của bịcáo; ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; họ tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi sinh, nơi cư trú của

about:blank 349/627

16:18 9/8/24 about:blank

người đại diện của bị cáo; họ tên của người bào chữa, người làm chứng, người giám định,   
người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật và những người khác được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa; họ tên, tuổi, nghềnghiệp, nơi cư trú của bị hại, đương sự, ngườiđại diện của họ; số, ngày, tháng, năm của quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử; xét xử công khai hoặc xét xử kín; thời gian và địa điểm xét xử;

b) Số, ngày, tháng, năm của bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố; tên Viện kiểm sát truy tố; hành vi của bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố; tội danh, điểm, khoản, điều của Bộluật hình sự và mức hình phạt, hình phạt bổsung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi   
thường thiệt hại mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; xử lý vật chứng;

c) Ý kiến của người bào chữa, bị hại, đương sự, người khác tham gia phiên tòa được Tòa án triệu tập;

d) Nhận định của Hội đồng xét xử phải phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứxác định không có tội, xác định bị cáo có tội

about:blank 350/627

16:18 9/8/24 about:blank

hay không và nếu bị cáo có tội thì là tội gì, theođiểm, khoản, điều nào của Bộ luật hình sự vàcủa văn bản quy phạm pháp luật khác được áp dụng, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹtrách nhiệm hình sự và cần phải xử lý như thếnào. Nếu bị cáo không có tội thì bản án phải ghi rõ những căn cứ xác định bị cáo không cótội và việc giải quyết khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật;

đ) Phân tích lý do mà Hội đồng xét xử không chấp nhận những chứng cứ buộc tội, chứng cứgỡ tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bịcáo, người bào chữa, bị hại, đương sự và ngườiđại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ đưa ra;

e) Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử;

g) Quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấnđề phải giải quyết trong vụ án, về án phí vàquyền kháng cáo đối với bản án. Trường hợp

about:blank 351/627

16:18 9/8/24 about:blank

có quyết định phải thi hành ngay thì ghi rõquyết định đó.

3. Bản án phúc thẩm phải ghi rõ:

a) Tên Tòa án xét xử phúc thẩm; số và ngày thụlý vụ án; số của bản án và ngày tuyên án; họtên của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư kýTòa án, Kiểm sát viên; họ tên, ngày, tháng,   
năm sinh, nơi sinh, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, dân tộc, tiền án, tiền sự của bịcáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghịvà những bị cáo không kháng cáo, không bịkháng cáo, không bị kháng nghị nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét; ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; họ tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi sinh, nơi cư trú của người đại diện của bị cáo; họ tên của người bào chữa, người giám định, người phiên dịch và những người khác được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa; họ tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú, địa chỉ của bị hại,đương sự, người đại diện của họ; tên của Viện kiểm sát có kháng nghị; xét xử công khai hoặc xét xử kín; thời gian và địa điểm xét xử;

about:blank 352/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị; nhận định của Hội đồng xét xử phúc   
thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm,   
khoản, điều của Bộ luật hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xửphúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án;

c) Quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án do có kháng cáo, kháng nghị, về án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

**Điều 261. Sửa chữa, bổ sung bản án**

1. Không được sửa chữa, bổ sung bản án trừtrường hợp phát hiện có lỗi rõ ràng về chính tả, số liệu do nhầm lẫn hoặc do tính toán sai.

Việc sửa chữa, bổ sung bản án không được làm thay đổi bản chất vụ án hoặc bất lợi cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Việc sửa chữa, bổ sung bản án được thể hiện bằng văn bản và giao ngay cho những người

about:blank 353/627

16:18 9/8/24 about:blank

được quy định tại Điều 262 của Bộ luật này.

2. Việc sửa chữa, bổ sung bản án quy định tại khoản 1 Điều này do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã ra bản án, quyết định thực hiện. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không thểthực hiện được thì việc sửa chữa, bổ sung bảnán do Chánh án Tòa án đã xét xử vụ án đó thực hiện.

**Điều 262. Giao, gửi bản án**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án, Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho bịcáo, bị hại, Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa; gửi bản án cho bị cáo bị xét xử vắng mặt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộluật này, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Cơquan điều tra cùng cấp, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Trại tạm giam, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi bị cáo cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi bịcáo làm việc, học tập; cấp bản sao bản án hoặc trích lục bản án về những phần có liên quan cho đương sự hoặc người đại diện của họ.

about:blank 354/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo theo quyđịnh tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 290 của Bộ luật này thì trong thời hạn nêu trên, bảnán phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm gửi bản án cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án sơ thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự theo quyđịnh của Luật thi hành án dân sự.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra quyết định, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án hoặc quyết định phúc thẩm cho Viện kiểm sát cùng cấp; cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nơi đã xét xử sơ  
thẩm; Trại tạm giam, Trại giam nơi đang giam giữ bị cáo; người đã kháng cáo, người có  
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị hoặc người đại diện của họ; cơquan thi hành án dân sự có thẩm quyền trong trường hợp bản án phúc thẩm có tuyên hình

about:blank 355/627

16:18 9/8/24 about:blank

phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc cơ quan, tổchức nơi làm việc, học tập của bị cáo. Trường hợp Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 25 ngày.

**Điều 263. Phiên dịch tại phiên tòa**

1. Trường hợp bị cáo, bị hại, đương sự, người làm chứng không biết tiếng Việt, là người câm, người điếc thì người phiên dịch phải dịch cho họ nghe, hiểu lời trình bày, các câu hỏi, câu trảlời tại phiên tòa, nội dung quyết định của Hộiđồng xét xử và các vấn đề khác có liên quanđến họ.

2. Người phiên dịch phải dịch lời trình bày, câu hỏi, câu trả lời của những người quy định tại khoản 1 Điều này ra tiếng Việt cho Hội đồng xét xử và người khác tham gia phiên tòa cùng nghe.

**Điều 264. Kiến nghị sửa chữa thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý**

about:blank 356/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Cùng với việc ra bản án, Tòa án ra kiến nghịcơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp cần thiết để khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm tại các cơ quan, tổ chứcđó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhậnđược kiến nghị của Tòa án, cơ quan, tổ chức nhận được kiến nghị phải thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết về những biện pháp đượcáp dụng.

2. Kiến nghị của Tòa án có thể được đọc tại phiên tòa cùng với bản án hoặc chỉ gửi riêng cho cơ quan, tổ chức hữu quan.

**Điều 265. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý văn bản pháp luật**

Trong quá trình xét xử vụ án hình sự, Tòa án phát hiện và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏvăn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghịquyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết củaỦy ban thường vụ Quốc hội để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cánhân.

about:blank 357/627

16:18 9/8/24 about:blank

Việc xem xét, trả lời Tòa án về kết quả xử lývăn bản pháp luật bị kiến nghị được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 266. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử**

1. Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa;

b) Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ;

c) Luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa;

d) Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội;

about:blank 358/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xửsơ thẩm theo quy định của Bộ luật này.

2. Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn:   
a) Trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị;   
b) Bổ sung chứng cứ mới;   
c) Bổ sung, thay đổi kháng nghị; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị;   
d) Xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ;đ) Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát vềviệc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp; e) Tranh luận với bị cáo, người bào chữa,   
người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;   
g) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xửphúc thẩm theo quy định của Bộ luật này.

about:blank 359/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 267. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát xét xử**

1. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử vụ án hình sự của Tòa án.

2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổchức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.

3. Kiểm sát bản án, quyết định, văn bản tố tụng khác của Tòa án.

4. Yêu cầu Tòa án cùng cấp, cấp dưới chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị.

5. Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

6. Kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo quyđịnh của Bộ luật này; kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng.

about:blank 360/627

16:18 9/8/24 about:blank

7. Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý.

8. Thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, nhiệm vụ, quyền hạn khác khi kiểm sát xét xử vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật này.

**Chương XXI**   
 **XÉT XỬ SƠ THẨM**   
 **Mục I. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN CÁC**  **CẤP**  
 **Điều 268. Thẩm quyền xét xử của Tòa án**  1. Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm:   
 a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;   
 b) Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;   
about:blank 361/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của Bộ luật hình sự;

d) Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sựcấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án:

a) Vụ án hình sự về các tội phạm không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện vàTòa án quân sự khu vực;

b) Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ởnước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ ánở nước ngoài;

c) Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sựkhu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khóđánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà bị cáo là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện,

about:blank 362/627

16:18 9/8/24 about:blank

quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phốthuộc thành phố trực thuộc trung ương, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người.

**Điều 269. Thẩm quyền theo lãnh thổ**

1. Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án hình sựlà Tòa án nơi tội phạm được thực hiện. Trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau hoặc không xác định được nơi thực hiện tội phạm thì Tòa án có thẩm quyền xét xử làTòa án nơi kết thúc việc điều tra.

2. Bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử ởViệt Nam thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cưtrú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùngở trong nước của bị cáo thì tùy trường hợp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyếtđịnh giao cho Tòa án nhân dân thành phố HàNội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ ChíMinh hoặc Tòa án nhân dân thành phố ĐàNẵng xét xử.

about:blank 363/627

16:18 9/8/24 about:blank

Bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự thì Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử theo quyết định của Chánh án Tòa án quân sự trung ương.

**Điều 270. Thẩm quyền xét xử tội phạm xảy ra trên tàu bay, tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc ngoài lãnh hải của Việt Nam**

Tội phạm xảy ra trên tàu bay hoặc tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
đang hoạt động ngoài không phận hoặc ngoài lãnh hải của Việt Nam thuộc thẩm quyền xét xửcủa Tòa án Việt Nam nơi có sân bay hoặc bến cảng trở về đầu tiên hoặc nơi tàu bay, tàu biểnđó được đăng ký.

**Điều 271. Việc xét xử bị cáo phạm nhiều tội thuộc thẩm quyền của các Tòa án khác cấp**

Khi bị cáo phạm nhiều tội, trong đó có tội   
phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp trên thì Tòa án cấp trên xét xử toàn bộ vụ án.

about:blank 364/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 272. Thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự**

1. Tòa án quân sự có thẩm quyền xét xử:

a) Vụ án hình sự mà bị cáo là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu; dân quân, tự vệ trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc phối thuộc với Quânđội nhân dân trong chiến đấu, phục vụ chiếnđấu; công dân được điều động, trưng tập hoặc hợp đồng vào phục vụ trong Quân đội nhân dân;

b) Vụ án hình sự mà bị cáo không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hạiđến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu hoặc gây thiệt hạiđến tài sản, danh dự, uy tín của Quân đội nhân dân hoặc phạm tội trong doanh trại quân đội

about:blank 365/627

16:18 9/8/24 about:blank

hoặc khu vực quân sự do Quân đội nhân dân quản lý, bảo vệ.

2. Tòa án quân sự có thẩm quyền xét xử tất cảtội phạm xảy ra trong địa bàn thiết quân luật.

**Điều 273. Việc xét xử bị cáo phạm nhiều tội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân vàTòa án quân sự**

Khi vụ án vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự, vừa cóbị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xửcủa Tòa án nhân dân thì thẩm quyền xét xửđược thực hiện:

1. Trường hợp có thể tách vụ án thì Tòa án quân sự xét xử những bị cáo và tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự; Tòa án nhân dân xét xử những bị cáo và tội phạm   
thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân;

2. Trường hợp không thể tách vụ án thì Tòa án quân sự xét xử toàn bộ vụ án.

about:blank 366/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 274. Chuyển vụ án trong giai đoạn xét xử**

1. Khi vụ án không thuộc thẩm quyền xét xửcủa mình thì Tòa án trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đã truy tố để chuyển đến Viện kiểm sát có thẩm quyền truy tố.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận lại hồsơ vụ án, Viện kiểm sát đã truy tố phải ra quyếtđịnh chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát cóthẩm quyền truy tố để giải quyết theo thẩm quyền. Việc chuyển vụ án ra ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc ngoài phạm vi quân khu thực hiện theo quyđịnh tại Điều 239 của Bộ luật này.

Khi xét thấy vụ án vẫn thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án đã trả hồ sơ thì Viện kiểm sát chuyển lại hồ sơ vụ án đến Tòa án kèm theo văn bản nêu rõ lý do; nếu Tòa án xét thấy vụ án vẫn không thuộc thẩm quyền xét xử của mình thì việc giải quyết tranh chấp thẩm quyền xét xử thực hiện theo Điều 275 của Bộ luật này.

Viện kiểm sát phải thực hiện theo quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

about:blank 367/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Thời hạn truy tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn được thực hiện theo quy định tại Điều 240 và Điều 241 của Bộ luật này.

**Điều 275. Giải quyết việc tranh chấp vềthẩm quyền xét xử**

1. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung  
ương, giữa các Tòa án quân sự khu vực trong cùng một quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu quyết định.

2. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nhau, giữa các Tòa án quân sự khu vực thuộc các quân khu khác nhau do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sựcấp quân khu nơi kết thúc việc điều tra quyếtđịnh.

3. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, giữa các

about:blank 368/627

16:18 9/8/24 about:blank

Tòa án quân sự cấp quân khu do Chánh án Tòaán nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sựtrung ương quyết định.

4. Việc giải quyết tranh chấp về thẩm quyền xét xử giữa Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

Việc chuyển vụ án để xét xử theo thẩm quyềnđược thực hiện theo quy định tại Điều 274 của Bộ luật này.

**Mục II. CHUẨN BỊ XÉT XỬ**

**Điều 276. Nhận hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và thụ lý vụ án**

1. Khi Viện kiểm sát giao bản cáo trạng, hồ sơvụ án và vật chứng kèm theo (nếu có), Tòa án phải kiểm tra và xử lý:

a) Trường hợp tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng kèm theo (nếu có) đã đầy đủ so với bảng kê tài liệu, vật chứng và bản cáo trạng đã được giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can thì nhận hồ sơ vụ án;

about:blank 369/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Trường hợp tài liệu trong hồ sơ vụ án, vật chứng kèm theo (nếu có) không đủ so với bảng kê tài liệu, vật chứng hoặc bản cáo trạng chưađược giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can thì chưa nhận hồ sơ vụ án và yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, vật chứng; yêu cầu giao bản cáo trạng cho bị can hoặc ngườiđại diện của bị can.

2. Việc giao, nhận hồ sơ vụ án và bản cáo trạngđược lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này và đưa vào hồ sơ vụ án.

Ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng thì Tòa án phải thụ lý vụ án.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án, Chánh án Tòa án phải phân công Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giải quyết vụ án.

**Điều 277. Thời hạn chuẩn bị xét xử**

1. Trong thời hạn 30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, 45 ngày đối với tội phạm   
nghiêm trọng, 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, 03 tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng kể từ ngày thụ lý vụ án,

about:blank 370/627

16:18 9/8/24 about:blank

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định:

a) Đưa vụ án ra xét xử;

b) Trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung;

c) Tạm đình chỉ vụ án hoặc đình chỉ vụ án.

Đối với vụ án phức tạp, Chánh án Tòa án cóthể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xửnhưng không quá 15 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng, không quá 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Việc gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Đối với vụ án được trả lại để yêu cầu điều tra bổ sung thì trong thời hạn 15 ngày kể từngày nhận lại hồ sơ, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Trường hợp phục hồi vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục chung quy định tại Bộluật này kể từ ngày Tòa án ra quyết định phục hồi vụ án.

about:blank 371/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án có thể mở phiên tòa trong thời hạn 30 ngày.

**Điều 278. Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế**

1. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán chủ toạphiên tòa quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trừ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyết định.

2. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử khôngđược quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 277 của Bộ luật này.

3. Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.

about:blank 372/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 279. Giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa**

1. Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải giải quyết các yêu cầu, đề nghị:

a) Yêu cầu của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng về việc cung cấp, bổ sung chứng cứ; triệu tập người làm chứng, người có thẩm   
quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác đến phiên tòa; về việc thay đổi thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án;

b) Đề nghị của bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa về việc thay đổi, hủy bỏbiện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế;

c) Đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng về việc xét xử theo thủ tục rút gọn, xét xử công khai hoặc xét xử kín;

d) Đề nghị của người tham gia tố tụng về việc vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nếu xét thấy yêu cầu, đề nghị có căn cứ thìThẩm phán chủ tọa phiên tòa giải quyết theo

about:blank 373/627

16:18 9/8/24 about:blank

thẩm quyền hoặc thông báo cho người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Bộ luật này và thông báo cho người đã yêu cầu, đề nghịbiết; nếu không chấp nhận thì thông báo cho họbằng văn bản nêu rõ lý do.

**Điều 280. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung**

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà không thể bổ sung tại phiên tòađược;

b) Có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm;

c) Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộluật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến

about:blank 374/627

16:18 9/8/24 about:blank

vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tốbị can;

d) Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

2. Trường hợp Viện kiểm sát phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ.

3. Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải ghi rõ những vấn đề cần điều tra bổ sung vàgửi cho Viện kiểm sát kèm theo hồ sơ vụ án trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết  
định.

Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn tới việc đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Tòa án biết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn tới phải thayđổi quyết định truy tố thì Viện kiểm sát ban hành bản cáo trạng mới thay thế bản cáo trạng trước đó.

about:blank 375/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Tòa án yêu cầu và vẫn giữnguyên quyết định truy tố thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

**Điều 281. Tạm đình chỉ vụ án**

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Có căn cứ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 229 của Bộ luật này;

b) Không biết rõ bị can, bị cáo đang ở đâu màđã hết thời hạn chuẩn bị xét xử; trường hợp này phải yêu cầu Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã bị can, bị cáo trước khi tạm đình chỉ vụán. Việc truy nã bị can, bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 231 của Bộ luật này;

c) Chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòaán kiến nghị.

2. Trường hợp vụ án có nhiều bị can, bị cáo màcăn cứ để tạm đình chỉ không liên quan đến tất

about:blank 376/627

16:18 9/8/24 about:blank

cả bị can, bị cáo thì có thể tạm đình chỉ vụ ánđối với từng bị can, bị cáo.

3. Quyết định tạm đình chỉ vụ án phải ghi rõ lýdo tạm đình chỉ và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

**Điều 282. Đình chỉ vụ án**

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết địnhđình chỉ vụ án khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 hoặc các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 của Bộ luật này;

b) Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tốtrước khi mở phiên tòa.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can, bị cáo màcăn cứ để đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can, bị cáo thì có thể đình chỉ vụ ánđối với từng bị can, bị cáo.

2. Quyết định đình chỉ vụ án phải ghi rõ lý dođình chỉ và các nội dung quy định tại khoản 2

about:blank 377/627

16:18 9/8/24 about:blank

Điều 132 của Bộ luật này.

**Điều 283. Phục hồi vụ án**

1. Khi có lý do để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc có lý do để hủy bỏ quyết địnhđình chỉ vụ án nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì Thẩm phán đã ra quyếtđịnh tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án ra quyết định phục hồi vụ án.

Trường hợp Thẩm phán đã ra quyết định tạmđình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án không thểthực hiện được thì Chánh án ra quyết định phục hồi.

2. Trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ đối với từng bị can, bị cáo thì ra quyết định phục hồi vụ án đối với từng bị can, bị cáo.

3. Quyết định phục hồi vụ án phải ghi rõ lý do phục hồi vụ án và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

4. Khi phục hồi vụ án, Tòa án có quyền áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn,

about:blank 378/627

16:18 9/8/24 about:blank

biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.

Trường hợp có căn cứ theo quy định của Bộluật này cần phải tạm giam thì thời hạn tạm giam để phục hồi vụ án không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

**Điều 284. Yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ**

1. Khi xét thấy cần bổ sung tài liệu, chứng cứcần thiết cho việc giải quyết vụ án mà không phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Thẩm phán chủ toạ phiên tòa yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung.

2. Yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ phải bằng văn bản, nêu rõ tài liệu, chứng cứ cần bổ sung và gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra văn bản yêu cầu.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận  
được yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ được yêu cầu bổsung. Trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung

about:blank 379/627

16:18 9/8/24 about:blank

được tài liệu, chứng cứ thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

**Điều 285. Viện kiểm sát rút quyết định truy tố**

Khi xét thấy có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này hoặc có căn cứquy định tại Điều 16 hoặc Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 của Bộ luật hình sự thì Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa vàđề nghị Tòa án đình chỉ vụ án.

**Điều 286. Việc giao, gửi quyết định của Tòaán cấp sơ thẩm**

1. Quyết định đưa vụ án ra xét xử được giao cho bị cáo hoặc người đại diện của họ; gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự chậm nhất là10 ngày trước khi mở phiên tòa.

Trường hợp xét xử vắng mặt bị cáo thì quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử được giao cho người bào chữa hoặc người đại diện của bị cáo; quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử còn phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị

about:blank 380/627

16:18 9/8/24 about:blank

trấn nơi bị cáo cư trú cuối cùng hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập cuối cùng của bịcáo.

2. Quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉvụ án, quyết định phục hồi vụ án của Tòa ánđược giao cho bị can, bị cáo, bị hại hoặc ngườiđại diện của họ và gửi cho người tham gia tốtụng khác trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định.

3. Quyết định phân công Thẩm phán làm chủtọa phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định đình chỉ, quyết định tạm đình chỉ, quyết định phục hồi vụ án phải gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 02 ngày kể từngày ra quyết định. Quyết định đình chỉ, quyếtđịnh tạm đình chỉ vụ án phải gửi cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp trong thời hạn 02 ngày kểtừ ngày ra quyết định.

4. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế được giao cho bị can, bị cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ sở giam giữ nơi bị can, bị cáo đang bị tạm

about:blank 381/627

16:18 9/8/24 about:blank

giam trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyếtđịnh.

**Điều 287. Triệu tập những người cần xét hỏiđến phiên tòa**

Căn cứ vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, yêu cầu của Kiểm sát viên, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác, Thẩm phán chủ tọa   
phiên tòa triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa.

**Mục III. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỦTỤC TỐ TỤNG TẠI PHIÊN TÒA**

**Điều 288. Sự có mặt của thành viên Hộiđồng xét xử và Thư ký Tòa án**

1. Phiên tòa chỉ được tiến hành khi có đủ thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án. Các thành viên Hội đồng xét xử phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc.

2. Trường hợp có Thẩm phán, Hội thẩm không tiếp tục tham gia xét xử vụ án nhưng có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết tham gia phiên tòa

about:blank 382/627

16:18 9/8/24 about:blank

từ đầu thì những người này được thay thế làm thành viên Hội đồng xét xử. Trường hợp Hộiđồng xét xử có hai Thẩm phán mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không tiếp tục tham gia xét xử được thì Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xử làm chủ toạ phiên tòa và Thẩm phán dựkhuyết được bổ sung làm thành viên Hội đồng xét xử.

3. Trường hợp không có Thẩm phán, Hội thẩm dự khuyết để thay thế hoặc phải thay đổi chủtọa phiên tòa mà không có Thẩm phán để thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều này thì phải hoãn phiên tòa.

4. Trường hợp Thư ký Tòa án bị thay đổi hoặc không thể tiếp tục tham gia phiên tòa thì Tòaán vẫn có thể xét xử vụ án nếu có Thư ký Tòaán dự khuyết; nếu không có người thay thế thìtạm ngừng phiên tòa.

**Điều 289. Sự có mặt của Kiểm sát viên**

1. Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải có mặt để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; nếu Kiểm sát viên vắng

about:blank 383/627

16:18 9/8/24 about:blank

mặt thì phải hoãn phiên tòa. Đối với vụ án cótính chất nghiêm trọng, phức tạp thì có thể cónhiều Kiểm sát viên. Trường hợp Kiểm sát viên không thể có mặt tại phiên tòa thì Kiểm sát viên dự khuyết có mặt tại phiên tòa từ đầu  
được thay thế để thực hành quyền công tố,   
kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

2. Trường hợp Kiểm sát viên bị thay đổi hoặc không thể tiếp tục thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử mà không có Kiểm sát viên dựkhuyết để thay thế thì Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

**Điều 290. Sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa**

1. Bị cáo phải có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án trong suốt thời gian xét xửvụ án; nếu vắng mặt không vì lý do bất khảkháng hoặc không do trở ngại khách quan thìbị áp giải; nếu bị cáo vắng mặt vì lý do bất khảkháng hoặc do trở ngại khách quan thì phải hoãn phiên tòa.

Nếu bị cáo bị bệnh tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo thì Hội đồng xét xử tạm đình chỉ vụ án

about:blank 384/627

16:18 9/8/24 about:blank

cho đến khi bị cáo khỏi bệnh.

Nếu bị cáo trốn thì Hội đồng xét xử tạm đình chỉ vụ án và yêu cầu Cơ quan điều tra truy nãbị cáo.

2. Tòa án chỉ có thể xét xử vắng mặt bị cáo trong các trường hợp:   
a) Bị cáo trốn và việc truy nã không có kết quả; b) Bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa;   
c) Bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt và được Hộiđồng xét xử chấp nhận;   
d) Nếu sự vắng mặt của bị cáo không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và sự vắng mặt của bị cáo không gây trởngại cho việc xét xử.

**Điều 291. Sự có mặt của người bào chữa**  1. Người bào chữa phải có mặt tại phiên tòa để bào chữa cho người mà mình đã nhận bào   
 chữa. Người bào chữa có thể gửi trước bản bào about:blank 385/627

16:18 9/8/24 about:blank

chữa cho Tòa án. Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo đồng ýxét xử vắng mặt người bào chữa. Nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả  
kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặcđược triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử.

2. Trường hợp chỉ định người bào chữa quyđịnh tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này màngười bào chữa vắng mặt thì Hội đồng xét xửphải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

**Điều 292. Sự có mặt của bị hại, đương sựhoặc người đại diện của họ**

1. Nếu bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ vắng mặt thì tùy trường hợp, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử.

about:blank 386/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trường hợp xét thấy sự vắng mặt của bị hại,đương sự chỉ trở ngại cho việc giải quyết bồi thường thiệt hại thì Hội đồng xét xử có thể tách việc bồi thường để xét xử sau theo quy định của pháp luật.

**Điều 293. Sự có mặt của người làm chứng**

1. Người làm chứng tham gia phiên tòa để làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án. Nếu người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra thì chủ tọa phiên tòa công bố những lời khai đó. Nếu người làm chứng về những vấn đề quan trọng của vụ án vắng mặt thì tùy trường hợp, Hội đồng xét xửquyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử.

2. Trường hợp người làm chứng được Tòa án triệu tập nhưng cố ý vắng mặt mà không vì lýdo bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử có thể quyếtđịnh dẫn giải theo quy định của Bộ luật này.

about:blank 387/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 294. Sự có mặt của người giám định, người định giá tài sản**

1. Người giám định, người định giá tài sản tham gia phiên tòa khi được Tòa án triệu tập.

2. Nếu người giám định, người định giá tài sản vắng mặt thì tùy trường hợp, Hội đồng xét xửquyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử.

**Điều 295. Sự có mặt của người phiên dịch, người dịch thuật**

1. Người phiên dịch, người dịch thuật tham gia phiên tòa khi được Tòa án triệu tập.

2. Trường hợp người phiên dịch, người dịch thuật vắng mặt mà không có người khác thay thế thì Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

**Điều 296. Sự có mặt của Điều tra viên vànhững người khác**

Trong quá trình xét xử, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử có thể triệu tập Điều tra viên,

about:blank 388/627

16:18 9/8/24 about:blank

người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thụlý, giải quyết vụ án và những người khác đến phiên tòa để trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án.

**Điều 297. Hoãn phiên tòa**   
1. Tòa án hoãn phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp:   
a) Có một trong những căn cứ quy định tại cácđiều 52, 53, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294 và 295 của Bộ luật này;   
b) Cần phải xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa;   
c) Cần tiến hành giám định bổ sung, giám định lại;   
d) Cần định giá tài sản, định giá lại tài sản.

Trường hợp hoãn phiên tòa thì vụ án phải được xét xử lại từ đầu.

about:blank 389/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Thời hạn hoãn phiên tòa sơ thẩm khôngđược quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa.

3. Quyết định hoãn phiên tòa có các nội dung chính:   
a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;   
b) Tên Tòa án và họ tên Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án;   
c) Họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa;   
d) Vụ án được đưa ra xét xử;  
đ) Lý do của việc hoãn phiên tòa;   
e) Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa.

4. Quyết định hoãn phiên tòa phải được chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử ký tên. Trường hợp chủ tọa phiên tòa vắng mặt hoặc bịthay đổi thì Chánh án Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa.

about:blank 390/627

16:18 9/8/24 about:blank

Quyết định hoãn phiên tòa phải được thông báo ngay cho những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người vắng mặt tại phiên tòa trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 298. Giới hạn của việc xét xử**

1. Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố vàTòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

3. Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát truy tốthì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu Viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơnđó.

about:blank 391/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 299. Việc ra bản án, quyết định của Tòa án**

1. Bản án phải được Hội đồng xét xử thảo luận và thông qua tại phòng nghị án.

2. Quyết định về việc thay đổi thành viên Hộiđồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật, tạm đình chỉ hoặcđình chỉ vụ án, hoãn phiên tòa, bắt tạm giam hoặc trả tự do cho bị cáo phải được thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và được lập văn bản.

3. Quyết định các vấn đề khác được Hội đồng xét xử thảo luận và thông qua tại phòng xử án không phải lập văn bản nhưng phải được ghi vào biên bản phiên tòa.

**Mục IV. THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN TÒA**

**Điều 300. Chuẩn bị khai mạc phiên tòa**

Trước khi khai mạc phiên tòa, Thư ký Tòa án phải tiến hành các công việc:

about:blank 392/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập; nếu có người vắng mặt thìphải nêu lý do;

2. Phổ biến nội quy phiên tòa.

**Điều 301. Khai mạc phiên tòa**

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Thư ký Tòa án báo cáo Hội đồng xét xử vềsự có mặt, vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập và lý do vắng mặt.

3. Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và kiểm tra lý lịch, phổbiến quyền và nghĩa vụ của họ.

**Điều 302. Giải quyết việc đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thưký Tòa án, người giám định, người định giátài sản, người phiên dịch, người dịch thuật**

Chủ toạ phiên tòa phải hỏi Kiểm sát viên vànhững người tham gia tố tụng có mặt tại phiên

about:blank 393/627

16:18 9/8/24 about:blank

tòa xem họ có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật hay không, lý do của việc đề nghị thay đổi. Nếu có người đề nghị thìHội đồng xét xử xem xét, quyết định.

**Điều 303. Cam đoan của người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, ngườiđịnh giá tài sản**

Sau khi giải thích quyền và nghĩa vụ cho người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu những người này phải cam đoan làm tròn nhiệm vụ.

**Điều 304. Cam đoan của người làm chứng, cách ly người làm chứng**

1. Sau khi giải thích quyền và nghĩa vụ cho người làm chứng, chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng phải cam đoan khai trung thực.

about:blank 394/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trước khi người làm chứng được hỏi về vụán, chủ tọa phiên tòa quyết định biện pháp đểcho những người làm chứng không nghe được lời khai của nhau hoặc tiếp xúc với những   
người có liên quan. Trường hợp lời khai của bịcáo và người làm chứng có ảnh hưởng lẫn nhau thì chủ tọa phiên tòa phải quyết định cách ly bịcáo với người làm chứng trước khi hỏi người làm chứng.

**Điều 305. Giải quyết yêu cầu về xem xét chứng cứ và hoãn phiên tòa khi có người vắng mặt**

Chủ tọa phiên tòa phải hỏi Kiểm sát viên vànhững người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa xem có ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt hoặc tuy có mặt tại phiên tòa nhưng vì lý do sức khỏe không thể tham gia tố tụng thì chủ tọa phiên tòa phải hỏi xem có ai yêu cầu hoãn phiên tòa hay không; nếu có  
người yêu cầu thì Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.ụ

about:blank 395/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Mục V. THỦ TỤC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA**

**Điều 306. Công bố bản cáo trạng**

Trước khi tiến hành xét hỏi, Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổsung (nếu có). Ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

**Điều 307. Trình tự xét hỏi**

1. Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án vàtừng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.

2. Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sựthực hiện việc hỏi.

Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyềnđề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những

about:blank 396/627

16:18 9/8/24 about:blank

tình tiết cần làm sáng tỏ.

Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản.

3. Khi xét hỏi, Hội đồng xét xử xem xét vật chứng có liên quan trong vụ án.

**Điều 308. Công bố lời khai trong giai đoạnđiều tra, truy tố**

1. Nếu người được xét hỏi có mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên không được công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố.

2. Chỉ được công bố những lời khai trong giaiđoạn điều tra, truy tố khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Lời khai của người được xét hỏi tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai của họ trong giaiđoạn điều tra, truy tố;

b) Người được xét hỏi không khai tại phiên tòa hoặc không nhớ những lời khai của mình trong

about:blank 397/627

16:18 9/8/24 about:blank

giai đoạn điều tra, truy tố;

c) Người được xét hỏi đề nghị công bố lời khai của họ trong giai đoạn điều tra, truy tố;

d) Người được xét hỏi vắng mặt hoặc đã chết.

3. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà  
nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bímật đời tư của cá nhân, bí mật gia đình theo yêu cầu của người tham gia tố tụng hoặc tự xét thấy cần thiết thì Hội đồng xét xử không công bố tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

**Điều 309. Hỏi bị cáo**

1. Chủ tọa phiên tòa phải quyết định hỏi riêng từng bị cáo. Nếu lời khai của bị cáo này có thểảnh hưởng đến lời khai của bị cáo khác thì chủtọa phiên tòa phải cách ly họ. Bị cáo bị cách lyđược thông báo lại nội dung lời khai của bị cáo trước và có quyền đặt câu hỏi đối với bị cáo đó.

2. Bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng vànhững tình tiết của vụ án. Hội đồng xét xử hỏi

about:blank 398/627

16:18 9/8/24 about:blank

thêm về những điểm mà bị cáo trình bày chưađầy đủ hoặc có mâu thuẫn.

Kiểm sát viên hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc buộc tội, gỡtội và những tình tiết khác của vụ án.

Người bào chữa hỏi bị cáo về những chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa vàtình tiết khác của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bịhại, đương sự hỏi bị cáo về những tình tiết liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích của  
đương sự.

Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa cóquyền đề nghị chủ toạ phiên tòa hỏi thêm vềnhững tình tiết liên quan đến họ.

3. Nếu bị cáo không trả lời các câu hỏi thì Hộiđồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bịhại, đương sự tiếp tục hỏi những người khác vàxem xét vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụán.

about:blank 399/627

16:18 9/8/24 about:blank

Khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo đượcđặt câu hỏi với bị cáo khác về các vấn đề cóliên quan đến bị cáo.

**Điều 310. Hỏi bị hại, đương sự hoặc ngườiđại diện của họ**

Bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họtrình bày những tình tiết của vụ án có liên quanđến họ. Sau đó, Hội đồng xét xử, Kiểm sát   
viên, người bào chữa và người bảo vệ quyền vàlợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự hỏi thêm về những điểm mà họ trình bày chưa đầy đủhoặc có mâu thuẫn.

Khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo cóthể hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ về các vấn đề có liên quan đến bị cáo.

**Điều 311. Hỏi người làm chứng**

1. Việc hỏi phải được tiến hành riêng đối với từng người làm chứng và không để cho những người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi đó.

about:blank 400/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Khi hỏi người làm chứng, Hội đồng xét xửphải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với bị cáo vàcác đương sự trong vụ án. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết của vụ án mà họ đã biết, sau đó hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủhoặc có mâu thuẫn. Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người làm chứng.

Khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo cóthể hỏi người làm chứng về các vấn đề có liên quan đến bị cáo.

3. Sau khi đã trình bày xong, người làm chứngở lại phòng xử án để có thể được hỏi thêm.

4. Trường hợp có căn cứ xác định người làm chứng, người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm thì Hội đồng xét xử phải quyết định biện pháp bảo vệ họ theo quy định của Bộ luật này và pháp luật khác cóliên quan.

about:blank 401/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Trường hợp cần thiết, Tòa án quyết định hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông.

**Điều 312. Xem xét vật chứng**

1. Vật chứng, ảnh hoặc biên bản xác nhận vật chứng được đưa ra để xem xét tại phiên tòa.

Khi cần thiết, Hội đồng xét xử có thể cùng với Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được. Việc xem xét vật chứng tại chỗ được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

2. Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về vật chứng. Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thểhỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến vật chứng.

**Điều 313. Nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh**

about:blank 402/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp cần kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồvật liên quan đến vụ án hoặc khi bị cáo tố cáo bị bức cung, dùng nhục hình, Hội đồng xét xửquyết định việc cho nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh liên quan tại phiên tòa.

**Điều 314. Xem xét tại chỗ**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử có thểcùng với Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa đến xem xét nơi đãxảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. Kiểm sát viên, người bào   
chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền trình bày nhận xét của mình về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử có thể hỏi thêm người tham gia phiên tòa về những vấn đề có liên quan đến nơi đó.

Việc xem xét tại chỗ được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

**Điều 315. Trình bày, công bố báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

about:blank 403/627

16:18 9/8/24 about:blank

Báo cáo, tài liệu của cơ quan, tổ chức về những tình tiết của vụ án do đại diện cơ quan, tổ chứcđó trình bày; trường hợp không có đại diện của cơ quan, tổ chức tham dự thì Hội đồng xét xửcông bố báo cáo, tài liệu tại phiên tòa.

Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa có quyền nhận xét vềbáo cáo, tài liệu đó và hỏi thêm người đại diện của cơ quan, tổ chức, người khác tham gia phiên tòa về những vấn đề liên quan đến báo cáo, tài liệu đó.

**Điều 316. Hỏi người giám định, người định giá tài sản**

1. Hội đồng xét xử tự mình hoặc theo đề nghịcủa Kiểm sát viên, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa yêu cầu người giám định, người định giá tài sản trình bày kết luận của mình về vấn đề được giám định, định giá tài sản. Khi trình bày, người giám định, người định giá tài sản có quyền giải thích bổ sung về kết luận giám định, định giá tài sản, căn cứ để đưa ra kết luận giám định, định giá tài sản.

about:blank 404/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Kiểm sát viên, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền nhận xét về kết luận giám định, định giá tài sản, được hỏi những vấn đề còn chưa rõ hoặc có mâu thuẫn trong kết luận giám định, định giá tài sản hoặc có mâu thuẫn với những tình tiết khác của vụ án.

3. Trường hợp người giám định, người định giátài sản không có mặt tại phiên tòa thì chủ tọa phiên tòa công bố kết luận giám định, định giátài sản.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử quyếtđịnh giám định bổ sung hoặc giám định lại,định giá lại tài sản.

**Điều 317. Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tốtụng, người tham gia tố tụng trình bày ýkiến**

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử tự mình hoặc theo đề nghị của người tham gia tố tụng yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người

about:blank 405/627

16:18 9/8/24 about:blank

tham gia tố tụng trình bày ý kiến để làm rõnhững quyết định, hành vi tố tụng trong giaiđoạn điều tra, truy tố, xét xử.

**Điều 318. Kết thúc việc xét hỏi**

Khi xét thấy những tình tiết của vụ án đã được xem xét đầy đủ thì chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa xem họ có yêu cầu xét hỏi vấn đề gì nữa không. Nếu không có yêu cầu xét hỏi thì kết thúc việc xét hỏi; nếu có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là cần thiết thì chủtọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc xét hỏi.

**Điều 319. Kiểm sát viên rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa**

Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên cóthể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn.

**Điều 320. Trình tự phát biểu khi tranh luận**

1. Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày luận tội; nếu thấy không có căn cứ để

about:blank 406/627

16:18 9/8/24 about:blank

kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đềnghị Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội.

2. Bị cáo trình bày lời bào chữa; người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo; bị cáo, người đại diện của bị cáo có quyền bổ sung ýkiến bào chữa.

3. Bị hại, đương sự, người đại diện của họ trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích của   
mình; nếu có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ thì người này có quyền trình bày, bổ sung ý kiến.

4. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họtrình bày, bổ sung ý kiến sau khi Kiểm sát viên trình bày luận tội.

**Điều 321. Luận tội của Kiểm sát viên**

1. Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

about:blank 407/627

16:18 9/8/24 about:blank

của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

2. Nội dung luận tội phải phân tích, đánh giákhách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứxác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng,   
giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

3. Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận vềtội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng.

4. Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

**Điều 322. Tranh luận tại phiên tòa**

about:blank 408/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tốtụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đốiđáp với Kiểm sát viên về những chứng cứ xácđịnh có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi   
phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách   
nhiệm hình sự, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra đề nghị của mình.

2. Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tốtụng khác tại phiên tòa.

Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ýkiến của người khác.

about:blank 409/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Chủ toạ phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hếtý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại.

Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phảiđáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiếnđó chưa được Kiểm sát viên tranh luận.

4. Hội đồng xét xử phải lắng nghe, ghi nhậnđầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì Hộiđồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi   
trong bản án.

**Điều 323. Trở lại việc xét hỏi**

Nếu qua tranh luận mà thấy còn có tình tiết vụán chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì

about:blank 410/627

16:18 9/8/24 about:blank

Hội đồng xét xử phải quyết định trở lại việc xét hỏi. Xét hỏi xong phải tiếp tục tranh luận.

**Điều 324. Bị cáo nói lời sau cùng**

1. Sau khi những người tham gia tranh luận không trình bày gì thêm, chủ tọa phiên tòa tuyên bố kết thúc tranh luận.

2. Bị cáo được nói lời sau cùng. Không đượcđặt câu hỏi khi bị cáo nói lời sau cùng. Nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụán thì Hội đồng xét xử phải quyết định trở lại việc hỏi. Hội đồng xét xử có quyền yêu cầu bịcáo không được trình bày những điểm không liên quan đến vụ án nhưng không được hạn chếthời gian đối với bị cáo.

**Điều 325. Xem xét việc rút quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn tại phiên tòa**

1. Khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hộiđồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

about:blank 411/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyếtđịnh truy tố thì trước khi nghị án, Hội đồng xét xử yêu cầu những người tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc rút quyết định truy tốđó.

**Mục VI. NGHỊ ÁN VÀ TUYÊN ÁN**

**Điều 326. Nghị án**

1. Chỉ Thẩm phán và Hội thẩm mới có quyền nghị án. Việc nghị án phải được tiến hành tại phòng nghị án.

Chủ tọa phiên tòa chủ trì việc nghị án có trách nhiệm đưa ra từng vấn đề của vụ án phải được giải quyết để Hội đồng xét xử thảo luận, quyếtđịnh. Chủ tọa phiên tòa tự mình hoặc phân   
công một thành viên Hội đồng xét xử ghi biên bản nghị án. Các thành viên Hội đồng xét xửphải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề. Hội thẩm biểu quyết trước, Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Nếu không có ý kiến nào chiếm đa sốthì phải thảo luận và biểu quyết lại từng ý kiến của các thành viên Hội đồng xét xử đã đưa ra

about:blank 412/627

16:18 9/8/24 about:blank

để xác định ý kiến chiếm đa số. Người có ýkiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụán.

2. Việc nghị án chỉ được căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác.

3. Các vấn đề của vụ án phải được giải quyết khi nghị án gồm:

a) Vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉhoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổsung hay không;

b) Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do luật sư, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp;

c) Có hay không có căn cứ kết tội bị cáo.

Trường hợp đủ căn cứ kết tội thì phải xác định

about:blank 413/627

16:18 9/8/24 about:blank

rõ điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự đượcáp dụng;

d) Hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án hình sự;

đ) Bị cáo có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không;

e) Án phí hình sự, án phí dân sự; xử lý vật chứng; tài sản bị kê biên, tài khoản bị phong tỏa;

g) Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tốtụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử;

h) Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

4. Trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyếtđịnh truy tố thì Hội đồng xét xử vẫn giải quyết những vấn đề của vụ án theo trình tự quy định tại khoản 1 Điều này. Nếu có căn cứ xác định

about:blank 414/627

16:18 9/8/24 about:blank

bị cáo không có tội thì Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không có tội; nếu thấy việc rút quyếtđịnh truy tố không có căn cứ thì quyết định tạmđình chỉ vụ án và kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

5. Trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp thì Hội đồng xét xử có thể quyết định kéo dài thời gian nghị án nhưng không quá 07 ngày kểtừ ngày kết thúc tranh luận tại phiên tòa. Hộiđồng xét xử phải thông báo cho những người có mặt tại phiên tòa và người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa biết giờ, ngày, tháng, năm và địa điểm tuyên án.

6. Kết thúc việc nghị án, Hội đồng xét xử phải quyết định một trong các vấn đề:

a) Ra bản án và tuyên án;

b) Trở lại việc xét hỏi và tranh luận nếu có tình tiết vụ án chưa được xét hỏi, chưa được làm sáng tỏ;

about:blank 415/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Trả hồ sơ vụ án để Viện kiểm sát điều tra bổsung; yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ;

d) Tạm đình chỉ vụ án.

Hội đồng xét xử phải thông báo cho những người có mặt tại phiên tòa và người tham gia tốtụng vắng mặt tại phiên tòa về các quyết định tại điểm c và điểm d khoản này.

7. Trường hợp phát hiện có việc bỏ lọt tội   
phạm thì Hội đồng xét xử quyết định việc khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 18 và Điều 153 của Bộ luật này.

**Điều 327. Tuyên án**

Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc bản án. Trường hợp xét xử kín thì chỉ đọc phần quyết định trong bản án. Sau khi đọc xong có thể giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo.

**Điều 328. Trả tự do cho bị cáo**

about:blank 416/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trong các trường hợp sau đây, Hội đồng xét xửphải tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác:

1. Bị cáo không có tội;

2. Bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặcđược miễn hình phạt;

3. Bị cáo bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù;

4. Bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo;

5. Thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

**Điều 329. Bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyênán**

1. Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà bịxử phạt tù nhưng xét thấy cần tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành án thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo, trừ trường

about:blank 417/627

16:18 9/8/24 about:blank

hợp được quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 328 của Bộ luật này.

2. Trường hợp bị cáo không bị tạm giam nhưng bị xử phạt tù thì họ chỉ bị bắt tạm giam để chấp hành hình phạt khi bản án đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa nếu có căn cứ cho thấy bị cáo có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội.

3. Thời hạn tạm giam bị cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bị cáo bị xử phạt tử hình thì Hộiđồng xét xử quyết định trong bản án việc tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

**Chương XXII**

**XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Mục I. TÍNH CHẤT CỦA XÉT XỬ PHÚC THẨM VÀ QUYỀN KHÁNG CÁO,**   
**KHÁNG NGH**Ị

about:blank 418/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 330. Tính chất của xét xử phúc thẩm**

1. Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyếtđịnh sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩmđối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bịkháng cáo hoặc kháng nghị.

2. Quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị là quyết định tạm đình chỉ, quyết địnhđình chỉ vụ án, quyết định tạm đình chỉ vụ ánđối với bị can, bị cáo, quyết định đình chỉ vụán đối với bị can, bị cáo và quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm theo quy định của Bộ luật này.

**Điều 331. Người có quyền kháng cáo**

1. Bị cáo, bị hại, người đại diện của họ cóquyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơthẩm.

2. Người bào chữa có quyền kháng cáo để bảo vệ lợi ích của người dưới 18 tuổi, người cónhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà mình bào chữa.

about:blank 419/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người đại diện của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi   
thường thiệt hại.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quanđến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người dưới 18 tuổi hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyếtđịnh có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ.

6. Người được Tòa án tuyên không có tội cóquyền kháng cáo về các căn cứ mà bản án sơthẩm đã xác định là họ không có tội.

**Điều 332. Thủ tục kháng cáo**

1. Người kháng cáo phải gửi đơn kháng cáođến Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm.

about:blank 420/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam, Giám thịTrại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ phải bảođảm cho bị cáo thực hiện quyền kháng cáo, nhận đơn kháng cáo và chuyển cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án, quyết định bị kháng cáo.

Người kháng cáo có thể trình bày trực tiếp với Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm về việc kháng cáo. Tòa án phải lập biên bản về việc kháng cáo theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

Tòa án cấp phúc thẩm đã lập biên bản về việc kháng cáo hoặc nhận được đơn kháng cáo thìphải gửi biên bản hoặc đơn kháng cáo cho Tòaán cấp sơ thẩm để thực hiện theo quy định chung.

2. Đơn kháng cáo có các nội dung chính:

a) Ngày, tháng, năm làm đơn kháng cáo;

b) Họ tên, địa chỉ của người kháng cáo;

c) Lý do và yêu cầu của người kháng cáo;

d) Chữ ký hoặc điểm chỉ của người kháng cáo.

about:blank 421/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Kèm theo đơn kháng cáo hoặc cùng với việc trình bày trực tiếp là chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung (nếu có) để chứng minh tính có căn cứcủa kháng cáo.

**Điều 333. Thời hạn kháng cáo**

1. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo,đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn kháng cáo đối với quyết định sơthẩm là 07 ngày kể từ ngày người có quyền kháng cáo nhận được quyết định.

3. Ngày kháng cáo được xác định như sau:

a) Trường hợp đơn kháng cáo gửi qua dịch vụbưu chính thì ngày kháng cáo là ngày theo dấu bưu chính nơi gửi;

b) Trường hợp đơn kháng cáo gửi qua Giám thịTrại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ thì ngày

about:blank 422/627

16:18 9/8/24 about:blank

kháng cáo là ngày Giám thị Trại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ nhận được đơn. Giám thịTrại tạm giam, Trưởng Nhà tạm giữ phải ghi rõngày nhận đơn và ký xác nhận vào đơn;

c) Trường hợp người kháng cáo nộp đơn kháng cáo tại Tòa án thì ngày kháng cáo là ngày Tòaán nhận đơn. Trường hợp người kháng cáo trình bày trực tiếp với Tòa án thì ngày kháng cáo là ngày Tòa án lập biên bản về việc kháng cáo.

**Điều 334. Thủ tục tiếp nhận và xử lý kháng cáo**

1. Sau khi nhận được đơn kháng cáo hoặc biên bản về việc kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm phải vào sổ tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệcủa đơn kháng cáo theo quy định của Bộ luật này.

2. Trường hợp đơn kháng cáo hợp lệ thì Tòa án cấp sơ thẩm thông báo về việc kháng cáo theo quy định tại Điều 338 của Bộ luật này.

about:blank 423/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trường hợp đơn kháng cáo hợp lệ nhưng nội dung kháng cáo chưa rõ thì Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo ngay cho người kháng cáo đểlàm rõ.

4. Trường hợp nội dung đơn kháng cáo đúng quy định của Bộ luật này nhưng quá thời hạn kháng cáo thì Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu   
người kháng cáo trình bày lý do và xuất trình chứng cứ, tài liệu, đồ vật (nếu có) để chứng minh lý do nộp đơn kháng cáo quá hạn là chínhđáng.

5. Trường hợp người làm đơn kháng cáo không có quyền kháng cáo thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đơn, Tòa án trả lại đơn và  
thông báo bằng văn bản cho người làm đơn, Viện kiểm sát cùng cấp. Văn bản thông báo phải ghi rõ lý do của việc trả lại đơn.

Việc trả lại đơn có thể bị khiếu nại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật này.

**Điều 335. Kháng cáo quá hạn**

about:blank 424/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Việc kháng cáo quá hạn được chấp nhận nếu có lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan mà người kháng cáo không thể thực hiệnđược việc kháng cáo trong thời hạn do Bộ luật này quy định.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhậnđược đơn kháng cáo quá hạn, Tòa án cấp sơthẩm phải gửi đơn kháng cáo, bản tường trình của người kháng cáo về lý do kháng cáo quáhạn và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận  
được đơn kháng cáo quá hạn và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có), Tòa án cấp phúc thẩm thành lập Hội đồng gồm ba Thẩm phánđể xem xét kháng cáo quá hạn. Hội đồng xét kháng cáo quá hạn có quyền ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo quá hạn và phải ghi rõ lý do của việc chấp nhận hoặc không chấp nhận trong quyết định.

4. Phiên họp xét kháng cáo quá hạn phải có sựtham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 03 ngày trước ngày xét đơn

about:blank 425/627

16:18 9/8/24 about:blank

kháng cáo quá hạn, Tòa án cấp phúc thẩm gửi bản sao đơn kháng cáo quá hạn và chứng cứ, tài liệu kèm theo (nếu có) cho Viện kiểm sát cùng cấp. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc xét kháng cáo quáhạn.

5. Quyết định của Hội đồng xét kháng cáo quáhạn được gửi cho người kháng cáo quá hạn, Tòa án cấp sơ thẩm và Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án cấp phúc thẩm.

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo quá hạn thì Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành các thủ tục do Bộ luật này quy định và gửi hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm.

**Điều 336. Kháng nghị của Viện kiểm sát**

1. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

2. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát cócác nội dung chính:

about:blank 426/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định kháng nghịvà số của quyết định kháng nghị;   
b) Tên của Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị;   
c) Kháng nghị đối với toàn bộ hay một phần bản án, quyết định sơ thẩm;   
d) Lý do, căn cứ kháng nghị và yêu cầu của Viện kiểm sát;  
đ) Họ tên, chức vụ của người ký quyết định kháng nghị.

**Điều 337. Thời hạn kháng nghị**  
1. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là30 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

2. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

about:blank 427/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 338. Thông báo về việc kháng cáo, gửi quyết định kháng nghị**

1. Việc kháng cáo phải được Tòa án cấp sơthẩm thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người liên quan đến kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo. Thông báo phải nêu rõyêu cầu của người kháng cáo.

2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh kháng nghị, Viện kiểm sát phải gửi quyếtđịnh kháng nghị kèm theo chứng cứ, tài liệu,đồ vật bổ sung (nếu có) cho Tòa án đã xét xửsơ thẩm, gửi quyết định kháng nghị cho bị cáo và những người liên quan đến kháng nghị. Viện kiểm sát đã kháng nghị phải gửi quyết định kháng nghị cho Viện kiểm sát khác có thẩm quyền kháng nghị.

3. Người tham gia tố tụng nhận được thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị có quyền gửi văn bản nêu ý kiến của mình về nội dung   
kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm. Ý kiến của họ được đưa vào hồ sơ vụ án.

about:blank 428/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 339. Hậu quả của việc kháng cáo, kháng nghị**

Những phần của bản án, quyết định của Tòa án bị kháng cáo, kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 363 của Bộ luật này. Khi có kháng cáo, kháng nghịđối với toàn bộ bản án, quyết định thì toàn bộbản án, quyết định chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 363 của Bộluật này.

Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án,   
kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồvật kèm theo (nếu có) cho Tòa áp cấp phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Điều 340. Thụ lý vụ án**

1. Ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án có  
kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồvật kèm theo (nếu có), Tòa án cấp phúc thẩm phải vào sổ thụ lý.

about:blank 429/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thụ lý vụán, Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm phân công Thẩm phán làm chủ tọa phiên tòa, phiên họp.

**Điều 341. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát**

1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 15 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 20 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương kể từ ngày nhận được hồ sơ vụán, Viện kiểm sát phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án. Trường hợp vụ án thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thì thời hạn này cóthể kéo dài nhưng không quá 25 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, 30 ngày đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương.

2. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm nhậnđược chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung trước khi xét xử thì phải chuyển chứng cứ, tài liệu,

about:blank 430/627

16:18 9/8/24 about:blank

đồ vật này cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được chứng cứ, tài liệu, đồ vật bổ sung thì Viện kiểm sát phải trả lại cho Tòa án.

**Điều 342. Thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị**

1. Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền thayđổi, bổ sung kháng cáo, Viện kiểm sát ra quyếtđịnh kháng nghị có quyền thay đổi, bổ sung kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; người kháng cáo rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo; Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị.

2. Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị trước khi mở phiên tòa phải lập văn bản và gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm phải thông báo cho Viện kiểm sát, bịcáo và những người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị biết về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị. Việc thay đổi, bổ

about:blank 431/627

16:18 9/8/24 about:blank

sung, rút kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòađược ghi vào biên bản phiên tòa.

3. Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị tại phiên tòa mà xét thấy không liên quanđến kháng cáo, kháng nghị khác thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về việc rút một phần kháng cáo, kháng nghị và quyết định đình chỉ xét xử phần kháng cáo, kháng nghị đó trong bản án phúc thẩm.

**Điều 343. Hiệu lực của bản án, quyết định sơthẩm của Tòa án không có kháng cáo, kháng nghị**

Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Mục II. THỦ TỤC XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Điều 344. Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm**

about:blank 432/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị.

2. Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng cáo, kháng nghị.

3. Tòa án quân sự cấp quân khu có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòaán quân sự khu vực bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Tòa án quân sự trung ương có thẩm quyền xét xử phúc thẩm bản án, quyết định của Tòaán quân sự cấp quân khu bị kháng cáo, kháng nghị.

**Điều 345. Phạm vi xét xử phúc thẩm**

Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết, có thể xem xét các phần khác của bản án, quyết định không bịkháng cáo, kháng nghị.

about:blank 433/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 346. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm**

1. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sựcấp quân khu phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 60 ngày; Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 90 ngày kể từngày nhận được hồ sơ vụ án.

2. Trong thời hạn 45 ngày đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu, 75 ngày đối với vụ án Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương kể từ ngày thụ lý vụán, Thẩm phán chủ toạ phiên tòa phải ra một trong các quyết định:

a) Đình chỉ xét xử phúc thẩm;

b) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm.

about:blank 434/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết địnhđưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa, bị hại, người bảo vệ  
quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụliên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

**Điều 347. Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế**

1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.

Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quyếtđịnh. Việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn khác, biện pháp cưỡng chế do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định.

2. Thời hạn tạm giam để chuẩn bị xét xử khôngđược quá thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 346 của Bộ luật này.

about:blank 435/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp còn thời hạn tạm giam bị cáo màxét thấy cần phải tiếp tục tạm giam bị cáo thìTòa án cấp phúc thẩm sử dụng thời hạn tạm giam theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm. Trường hợp đã hết thời hạn tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Tòa án cấp sơ thẩm thì Chánh án, Phó Chánh án Tòaán ra quyết định tạm giam mới.

Đối với bị cáo đang bị tạm giam, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.

3. Đối với bị cáo đang bị tạm giam bị xử phạt tù mà đến ngày kết thúc phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5Điều 328 của Bộ luật này.

Đối với bị cáo không bị tạm giam nhưng bị xửphạt tù thì Hội đồng xét xử có thể ra quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay sau khi tuyên án.

about:blank 436/627

16:18 9/8/24 about:blank

Thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyênán.

**Điều 348. Đình chỉ xét xử phúc thẩm**

1. Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ việc xét xửphúc thẩm đối với vụ án mà người kháng cáođã rút toàn bộ kháng cáo, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng nghị. Việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa do Thẩm phán chủtọa phiên tòa quyết định, tại phiên tòa do Hộiđồng xét xử quyết định. Bản án sơ thẩm có  
hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

2. Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị trước khi mở phiên tòa mà xét thấy không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác thìThẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra quyếtđịnh đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo, kháng nghị đã rút.

3. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm ghi rõlý do đình chỉ và các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

about:blank 437/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết  
định đình chỉ xét xử phúc thẩm cho Viện kiểm sát cùng cấp, Tòa án đã xét xử sơ thẩm, người bào chữa, bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

**Điều 349. Sự có mặt của thành viên Hộiđồng xét xử phúc thẩm, Thư ký Tòa án**

1. Phiên tòa chỉ được tiến hành khi có đủ thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án. Các thành viên Hội đồng xét xử phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc phiên tòa.

2. Trường hợp có Thẩm phán không tiếp tục tham gia xét xử vụ án nhưng có Thẩm phán dựkhuyết tham gia phiên tòa từ đầu thì những người này được thay thế làm thành viên Hộiđồng xét xử. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không tiếp tục tham gia xét xử được thì Thẩm phán là thành viên Hội đồng xét xửlàm chủ toạ phiên tòa và Thẩm phán dự khuyếtđược bổ sung làm thành viên Hội đồng xét xử.

about:blank 438/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trường hợp không có Thẩm phán dự khuyết hoặc phải thay đổi chủ tọa phiên tòa mà không có Thẩm phán để thay thế thì phải hoãn phiên tòa.

4. Trường hợp Thư ký Tòa án bị thay đổi hoặc không thể tiếp tục tham gia phiên tòa thì Tòaán vẫn có thể xét xử vụ án nếu có Thư ký Tòaán dự khuyết; nếu không có người thay thế thìtạm ngừng phiên tòa.

**Điều 350. Sự có mặt của Kiểm sát viên**

1. Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải có mặt để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa, nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa. Đối với vụ án cótính chất nghiêm trọng, phức tạp thì có thể cónhiều Kiểm sát viên. Trường hợp Kiểm sát viên không thể có mặt tại phiên tòa thì Kiểm sát viên dự khuyết có mặt tại phiên tòa từ đầu  
được thay thế để thực hành quyền công tố,   
kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

2. Trường hợp Kiểm sát viên bị thay đổi hoặc không thể tiếp tục thực hành quyền công tố,

about:blank 439/627

16:18 9/8/24 about:blank

kiểm sát xét xử mà không có Kiểm sát viên dựkhuyết để thay thế thì Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

**Điều 351. Sự có mặt của người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người kháng cáo, người cóquyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị**

1. Người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợiích hợp pháp của bị hại, đương sự, người   
kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị được triệu tậpđến phiên tòa thì phải có mặt tại phiên tòa. Nếu có người vắng mặt thì Hội đồng xét xử giải quyết:

a) Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trởngại khách quan thì phải hoãn phiên tòa, trừtrường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Trường hợp người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu

about:blank 440/627

16:18 9/8/24 about:blank

tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòaán vẫn tiến hành xét xử.

Trường hợp phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa;

b) Trường hợp người kháng cáo, người có  
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị là bị hại, đương sự và người đại diện của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự vắng mặt không vì lýdo bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Trường hợp những người này vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thìHội đồng xét xử có thể tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án hoặc quyết định không có lợi cho bị hại, đương sự;

c) Bị cáo có kháng cáo hoặc bị kháng cáo, bịkháng nghị nếu vắng mặt vì lý do bất khảkháng hoặc do trở ngại khách quan thì Hội

about:blank 441/627

16:18 9/8/24 about:blank

đồng xét xử có thể vẫn tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án, quyết định không có lợi cho bị cáo. Nếu sự vắng mặt của bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan vàsự vắng mặt đó không gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

2. Khi xét thấy cần thiết, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định triệu tập những người khác tham gia phiên tòa.

**Điều 352. Hoãn phiên tòa phúc thẩm**

1. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ được hoãn phiên tòa khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Có một trong những căn cứ quy định tại cácđiều 52, 53, 349, 350 và 351 của Bộ luật này;

b) Cần phải xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiệnđược ngay tại phiên tòa.

Trường hợp hoãn phiên tòa thì vụ án phải được xét xử lại từ đầu.

about:blank 442/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Thời hạn hoãn phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo quyđịnh tại Điều 297 của Bộ luật này.

**Điều 353. Bổ sung, xem xét chứng cứ, tài liệu, đồ vật**

1. Trước khi xét xử hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của Tòa án bổ sung chứng cứ mới; người đã kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự cũng có quyền bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật.

2. Chứng cứ cũ, chứng cứ mới, tài liệu, đồ vật mới bổ sung đều phải được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm. Bản án phúc thẩm phải căn cứvào cả chứng cứ cũ và chứng cứ mới.

**Điều 354. Thủ tục phiên tòa phúc thẩm**

1. Thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tụng tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm nhưng trước khi xét hỏi,

about:blank 443/627

16:18 9/8/24 about:blank

một thành viên của Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị.

2. Chủ toạ phiên tòa hỏi người kháng cáo cóthay đổi, bổ sung, rút kháng cáo hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo.

Chủ toạ phiên tòa hỏi Kiểm sát viên có thayđổi, bổ sung, rút kháng nghị hay không; nếu cóthì chủ tọa phiên tòa yêu cầu bị cáo và những người liên quan đến kháng nghị trình bày ýkiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị.

3. Khi tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên, người khác liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị; Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

**Điều 355. Thẩm quyền của Hội đồng xét xửphúc thẩm đối với bản án sơ thẩm**

1. Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền:

about:blank 444/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị vàgiữ nguyên bản án sơ thẩm;   
b) Sửa bản án sơ thẩm;   
c) Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ ánđể điều tra lại hoặc xét xử lại;   
d) Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án;  
đ) Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kểtừ ngày tuyên án.

**Điều 356. Không chấp nhận kháng cáo,**   
**kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm** Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm khi xét thấy các quyết định của bản án sơ thẩm có căn cứ và đúng pháp luật.

**Điều 357. Sửa bản án sơ thẩm**   
 1. Khi có căn cứ xác định bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với tính chất, mức độ, hậu about:blank 445/627

16:18 9/8/24 about:blank

quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo hoặc có tình tiết mới thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm như sau: a) Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổsung; không áp dụng biện pháp tư pháp;   
b) Áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự vềtội nhẹ hơn;   
c) Giảm hình phạt cho bị cáo;   
d) Giảm mức bồi thường thiệt hại và sửa quyếtđịnh xử lý vật chứng;  
đ) Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹhơn;   
e) Giữ nguyên hoặc giảm mức hình phạt tù vàcho hưởng án treo.

2. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc bị hại kháng cáo yêu cầu thì Hội đồng xét xửphúc thẩm có thể:

about:blank 446/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Tăng hình phạt, áp dụng điều, khoản của Bộluật hình sự về tội nặng hơn; áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp;

b) Tăng mức bồi thường thiệt hại;

c) Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn;

d) Không cho bị cáo hưởng án treo.

Nếu có căn cứ thì Hội đồng xét xử vẫn có thểgiảm hình phạt, áp dụng điều, khoản của Bộluật hình sự về tội nhẹ hơn, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo, giảm mức bồi thường thiệt hại.

3. Trường hợp có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này cho những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị.

**Điều 358. Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại**

about:blank 447/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơthẩm để điều tra lại trong các trường hợp:   
a) Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội hoặc để khởi tố, điều tra về tội nặng hơn tội đã tuyên trong bản án sơthẩm;   
b) Việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủmà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; c) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố.

2. Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành   
 phần Hội đồng xét xử mới trong các trường hợp:   
 a) Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng thành phần mà Bộ luật này quy định;   
 b) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm;   
 c) Người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên   
 không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người about:blank 448/627

16:18 9/8/24 about:blank

đó đã phạm tội;

d) Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hoặc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo không có căn cứ;

đ) Bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 của Bộluật này.

3. Khi hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải ghi rõ lý do của việc hủy bản án sơ thẩm.

4. Khi hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, Hộiđồng xét xử phúc thẩm không quyết định trước những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm cần phải chấp nhận hoặc cần phải bác bỏ, cũng nhưkhông quyết định trước về điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự cần áp dụng và hình phạtđối với bị cáo.

5. Trường hợp hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại mà thời hạn tạm giam đối

about:blank 449/627

16:18 9/8/24 about:blank

với bị cáo đã hết và xét thấy cần phải tiếp tục tạm giam bị cáo thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát hoặc Tòa án cấp sơ thẩm thụlý lại vụ án.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên hủy bản án sơ thẩm, hồ sơ vụ án phải được chuyển cho Viện kiểm sát hoặc Tòa án cấp sơ thẩm đểgiải quyết theo thủ tục chung quy định tại Bộluật này.

**Điều 359. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉvụ án**

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơthẩm, tuyên bị cáo không có tội và đình chỉ vụán.

2. Khi có một trong các căn cứ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơthẩm và đình chỉ vụ án.

about:blank 450/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 360. Điều tra lại hoặc xét xử lại vụ án hình sự**

1. Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bảnán sơ thẩm để điều tra lại thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tiến hành điều tra, truy tố, xét xử lại vụán theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

2. Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bảnán sơ thẩm để xét xử lại thì Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tiến hành xét xử lại vụ án theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

**Điều 361. Thẩm quyền của Hội đồng phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm**

1. Hội đồng phúc thẩm có quyền:

a) Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm khi xét thấy các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ vàđúng pháp luật;

b) Sửa quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm;

about:blank 451/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Hủy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm vàchuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm đểtiếp tục giải quyết vụ án.

2. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

**Điều 362. Thủ tục phúc thẩm đối với quyếtđịnh sơ thẩm**

1. Khi phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm bịkháng cáo, kháng nghị thì Hội đồng xét xửphúc thẩm phải triệu tập người kháng cáo,   
người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghịtham gia phiên họp. Trường hợp họ vắng mặt thì Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành phiên họp.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồsơ vụ án, Tòa án phải mở phiên họp để xem xét quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh mở phiên họp, Hội đồng xét xử phúc thẩm

about:blank 452/627

16:18 9/8/24 about:blank

phải mở phiên họp. Trong thời hạn 02 ngày kểtừ ngày ra quyết định thì Tòa án phải chuyển hồ sơ vụ án kèm theo quyết định mở phiên họp cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải trả hồ sơ vụ án cho Tòa án.

3. Tại phiên họp, một thành viên của Hội đồng xét xử phúc thẩm trình bày tóm tắt nội dung quyết định sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có).

Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải cómặt tại phiên họp và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định.

**PHẦN THỨ NĂM**

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ THI HÀNH BẢNÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Chương XXIII**

about:blank 453/627

16:18 9/8/24 about:blank

**BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC THI HÀNH NGAY VÀ THẨM QUYỀN RA QUYẾT ĐỊNH THI HÀNH ÁN**

**Điều 363. Bản án, quyết định của Tòa ánđược thi hành ngay**

Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, tuyên bịcáo không có tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là hình phạt tù hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án hoặc quyết định của Tòa án được thi hành   
ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Hình phạt cảnh cáo được thi hành ngay tại phiên tòa.

**Điều 364. Thẩm quyền vàthủ tụcraquyếtđịnh thi hành án**

1. Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm có thẩm quyền ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác

about:blank 454/627

16:18 9/8/24 about:blank

cho Chánh án Tòa án khác cùng cấp ra quyếtđịnh thi hành án.

2. Thời hạn ra quyết định thi hành án là 07 ngày kể từ ngày bản án, quyết định sơ thẩm cóhiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giámđốc thẩm, quyết định tái thẩm.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác thi hành của Chánh án Tòaán đã xét xử sơ thẩm thì Chánh án Tòa án đượcủy thác phải ra quyết định thi hành án.

3. Trường hợp người bị kết án phạt tù đang tại ngoại thì quyết định thi hành án phạt tù phải ghi rõ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhậnđược quyết định, người đó phải có mặt tại cơquan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đểthi hành án.

Trường hợp người bị kết án phạt tù đang tại ngoại mà bỏ trốn thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi người bị

about:blank 455/627

16:18 9/8/24 about:blank

kết án phạt tù đang tại ngoại ra quyết định truy nã.

**Điều 365. Giải thích, sửa chữa bản án, quyếtđịnh của Tòa án**

1. Cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự, Viện kiểm sát, người bị kết án, bị hại, đương sự liên quan đến việc thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án đã ra bản án, quyếtđịnh giải thích, sửa chữa những điểm chưa rõtrong bản án, quyết định để thi hành.

2. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã ra bản án, quyết định có trách nhiệm giải thích, sửa chữa những điểm chưa rõ trong bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không thể thực hiện được thì việc giải thích, sửa chữa do Chánh án Tòa án đã ra bản án, quyết định đó thực hiện.

**Điều 366. Giải quyết kiến nghị đối với bảnán, quyết định của Tòa án**

Trường hợp cơ quan thi hành án hình sự, cơquan thi hành án dân sự kiến nghị về việc xem

about:blank 456/627

16:18 9/8/24 about:blank

xét lại bản án, quyết định của Tòa án theo thủtục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn trả lời có thể kéo dài nhưng không quá 120 ngày kể từngày nhận được văn bản kiến nghị.

**Chương XXIV**

**MỘT SỐ THỦ TỤC VỀ THI HÀNH ÁN TỬHÌNH, XÉT THA TÙ TRƯỚC THỜI HẠN CÓ ĐIỀU KIỆN, XÓA ÁN TÍCH**

**Điều 367. Thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành**

1. Thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành được thực hiện:

a) Sau khi bản án tử hình có hiệu lực pháp luật, hồ sơ vụ án phải được gửi ngay cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và bản án phải được gửi ngay cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

about:blank 457/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Sau khi đã xem xét hồ sơ vụ án để quyếtđịnh kháng nghị hoặc quyết định không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, Tòa án nhân dân tối cao phải chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải trả lại hồ sơ vụán cho Tòa án nhân dân tối cao;

c) Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nhậnđược hồ sơ vụ án, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải quyết định kháng nghị hoặc quyếtđịnh không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm;

d) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án cóhiệu lực pháp luật, người bị kết án được gửiđơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước;

đ) Bản án tử hình được thi hành nếu Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao không kháng nghịtheo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vàngười bị kết án không có đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

about:blank 458/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp bản án tử hình bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm mà Hộiđồng giám đốc thẩm, Hội đồng tái thẩm Tòa án nhân dân tối cao quyết định không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình thìTòa án nhân dân tối cao phải thông báo ngay cho người bị kết án biết để họ làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình;

e) Trường hợp người bị kết án có đơn xin ân giảm hình phạt tử hình thì bản án tử hình được thi hành sau khi Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm.

2. Khi có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật hình sự thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm không ra quyết định thi hành án tửhình và báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xem xét chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân cho người bị kết án.

**Điều 368. Thủ tục xét tha tù trước thời hạn có điều kiện**

1. Trại giam; Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng, cơ quan

about:blank 459/627

16:18 9/8/24 about:blank

thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách   
nhiệm lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn và chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án phạt tù.

Hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn gồm:

a) Đơn xin tha tù trước thời hạn của phạm nhân kèm theo cam kết không vi phạm pháp luật, các nghĩa vụ phải chấp hành khi được tha tù trước thời hạn;

b) Bản sao bản án có hiệu lực pháp luật; quyếtđịnh thi hành án;

c) Bản sao quyết định giảm thời hạn chấp hànhán phạt tù đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng trở lên;

d) Văn bản, tài liệu thể hiện việc chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, án phí, các nghĩa vụ dân sự;

about:blank 460/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Tài liệu về cá nhân, hoàn cảnh gia đình của phạm nhân;

e) Kết quả xếp loại chấp hành án phạt tù quý, 06 tháng, năm; quyết định khen thưởng hoặc giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền vềviệc phạm nhân lập công (nếu có);

g) Văn bản đề nghị tha tù trước thời hạn của cơquan lập hồ sơ.

2. Văn bản đề nghị tha tù trước thời hạn của cơquan lập hồ sơ gồm các nội dung chính:

a) Số, ngày, tháng, năm của văn bản;

b) Họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền đề nghị;

c) Họ tên, giới tính, năm sinh, nơi cư trú của phạm nhân; nơi phạm nhân chấp hành thời gian thử thách;

d) Thời gian đã chấp hành án phạt tù; thời gian chấp hành án phạt tù còn lại;

đ) Nhận xét và đề nghị của cơ quan lập hồ sơ.

about:blank 461/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhậnđược hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu phải ra văn bản thể hiện quanđiểm về việc đề nghị tha tù trước thời hạn cóđiều kiện của cơ quan đề nghị.

Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan lập hồ sơ bổ sung tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung tài liệu và gửi cho Viện kiểm sát, Tòa án.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận  
được hồ sơ của cơ quan đề nghị, Chánh án Tòaán nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sựcấp quân khu phải mở phiên họp xét tha tùtrước thời hạn có điều kiện; đồng thời thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấpđể cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

Trường hợp Tòa án yêu cầu cơ quan lập hồ sơbổ sung tài liệu thì trong thời hạn 03 ngày kể từngày nhận được yêu cầu, cơ quan lập hồ sơphải bổ sung tài liệu và gửi cho Tòa án, Viện kiểm sát.

about:blank 462/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Hội đồng xét tha tù trước thời hạn có điều kiện gồm Chánh án và 02 Thẩm phán, do Chánh án làm Chủ tịch Hội đồng.

6. Tại phiên họp, một thành viên của Hội đồng trình bày tóm tắt hồ sơ đề nghị. Kiểm sát viên trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việcđề nghị xét tha tù trước thời hạn có điều kiện của cơ quan đề nghị và việc tuân thủ pháp luật trong việc xét, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Đại diện cơ quan đã lập hồ sơ đềnghị có thể trình bày bổ sung để làm rõ việc đềnghị tha tù trước thời hạn.

7. Phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện được lập biên bản. Biên bản ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; thành   
phần tham gia phiên họp; nội dung, diễn biến phiên họp và quyết định của Hội đồng về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị tha tùtrước thời hạn có điều kiện đối với từng phạm nhân.

Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên xem biên bản phiên họp, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung (nếu có) vào biên bản phiên họp; Chủ

about:blank 463/627

16:18 9/8/24 about:blank

tịch Hội đồng phải kiểm tra biên bản, cùng với thư ký phiên họp ký vào biên bản.

8. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh tha tù trước thời hạn có điều kiện, Tòa án phải gửi quyết định cho phạm nhân, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan đã lập hồ sơ đề nghị, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cấp quân khu, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi ngườiđược tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vịquân đội được giao quản lý người đó, Sở Tưpháp nơi Tòa án đã ra quyết định có trụ sở.

9. Ngay sau khi nhận được quyết định tha tùtrước thời hạn có điều kiện, cơ sở giam giữphải tổ chức công bố quyết định này và thực hiện các thủ tục thi hành quyết định tha tù  
trước thời hạn có điều kiện. Trong thời gian thửthách mà người được tha tù trước thời hạn cóđiều kiện không vi phạm các quy định tại   
khoản 4 Điều 66 của Bộ luật hình sự thì khi hết thời gian thử thách, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu nơi đã quản lý họ có

about:blank 464/627

16:18 9/8/24 about:blank

trách nhiệm cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù.

10. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 66 của Bộ luật hình sự thì cơ quan thi hành án hình sựCông an cấp huyện nơi người được tha tù trước thời hạn về cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý người đó phải lập hồ sơ chuyển đến Viện kiểm sát và Tòa án đã ra quyết định tha tùtrước thời hạn có điều kiện để xem xét, hủy quyết định đã ban hành và buộc người đó phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Tòa án phải mở phiên họp đểxem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn cóđiều kiện, Tòa án phải gửi quyết định cho cơquan, cá nhân quy định tại khoản 8 Điều này.

11. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị, phạm nhân có quyền khiếu nại đối với quyết định về

about:blank 465/627

16:18 9/8/24 about:blank

việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghịtha tù trước thời hạn có điều kiện, quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết kháng nghị, khiếu nại các quyết định quy định tại khoản này được hiện theo quy định tại Chương XXII và Chương XXXIII của Bộ luật này.

**Điều 369. Thủ tục xóa án tích**

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhậnđược yêu cầu của người được đương nhiên xóaán tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tạiĐiều 70 của Bộ luật hình sự thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp phiếu lýlịch tư pháp là họ không có án tích.

2. Những trường hợp quy định tại Điều 71 vàĐiều 72 của Bộ luật hình sự thì việc xóa án tích do Tòa án quyết định. Người bị kết án phải cóđơn gửi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có  
nhận xét của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, học tập.

about:blank 466/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đượcđơn của người bị kết án, Tòa án đã xét xử sơthẩm chuyển tài liệu về việc xin xoá án tích cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05   
ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Tòa án chuyểnđến, Viện kiểm sát cùng cấp có ý kiến bằng văn bản và chuyển lại tài liệu cho Tòa án.

Nếu xét thấy đủ điều kiện thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận tài liệu do Viện kiểm sát chuyển đến, Chánh án Tòa án đã xét xử sơthẩm phải ra quyết định xóa án tích; trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh xóa án tích hoặc quyết định bác đơn xin xóa án tích, Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định này cho người bị kết án, Viện kiểm sát cùng cấp, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc, học tập.

**PHẦN THỨ SÁU**

about:blank 467/627

16:18 9/8/24 about:blank

**XÉT LẠI BẢN ÁN VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐÃCÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT**

**Chương XXV**

**THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM**

**Điều 370. Tính chất của giám đốc thẩm**

Giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bịkháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án.

**Điều 371. Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm**

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có một trong các căn cứ:

1. Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án;

2. Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm

about:blank 468/627

16:18 9/8/24 about:blank

nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án;

3. Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

**Điều 372. Phát hiện bản án, quyết định đã cóhiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm**

1. Người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi cánhân có quyền phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị.

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc   
kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện để phát hiện vi phạm pháp luật và kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị.

Tòa án quân sự cấp quân khu thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự khu vực để phát hiện

about:blank 469/627

16:18 9/8/24 about:blank

vi phạm pháp luật và kiến nghị Chánh án Tòaán quân sự trung ương xem xét kháng nghị.

3. Khi thực hiện công tác giám đốc việc xét xử, kiểm sát việc xét xử hoặc qua các nguồn thông tin khác mà Tòa án, Viện kiểm sát phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì thông báo ngay bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị.

**Điều 373. Những người có quyền kháng nghịtheo thủ tục giám đốc thẩm**

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện   
trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có  
quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao; bản án, quyết định đãcó hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương cóquyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

about:blank 470/627

16:18 9/8/24 about:blank

bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sựkhu vực.

3. Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có  
quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

**Điều 374. Thủ tục thông báo bản án, quyếtđịnh của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm**

1. Khi phát hiện vi phạm pháp luật trong bảnán, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì người bị kết án, cơ quan, tổ chức, cánhân thông báo bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp với người có thẩm quyền kháng nghịhoặc với Tòa án, Viện kiểm sát nơi gần nhất kèm theo chứng cứ, tài liệu, đồ vật (nếu có).

2. Văn bản thông báo có các nội dung chính:

a) Ngày, tháng, năm;

about:blank 471/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo;

c) Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị phát hiện có vi phạm pháp luật;

d) Nội dung vi phạm pháp luật được phát hiện;

đ) Kiến nghị người có thẩm quyền xem xét kháng nghị.

3. Người thông báo là cá nhân phải ký tên hoặcđiểm chỉ; trường hợp cơ quan, tổ chức thông báo thì người đại diện theo pháp luật của cơquan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu.

**Điều 375. Thủ tục tiếp nhận thông báo bảnán, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm**

1. Khi nhận được thông báo bằng văn bản thìTòa án, Viện kiểm sát phải vào sổ nhận thông báo.

2. Khi người bị kết án, cơ quan, tổ chức, cánhân trình bày trực tiếp về vi phạm pháp luật

about:blank 472/627

16:18 9/8/24 about:blank

trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì Tòa án, Viện kiểm sát phải lập biên bản; nếu người thông báo cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật thì Tòa án, Viện kiểm sát phải lập biên bản thu giữ. Biên bản được lập theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này.

3. Tòa án, Viện kiểm sát đã nhận thông báo, lập biên bản phải gửi ngay thông báo, biên bản kèm theo chứng cứ, tài liệu, đồ vật (nếu có) cho người có thẩm quyền kháng nghị và thông báo bằng văn bản cho người bị kết án, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị, đề nghị biết.

**Điều 376. Chuyển hồ sơ vụ án để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm**

1. Trường hợp cần thiết phải nghiên cứu hồ sơvụ án để xem xét kháng nghị theo thủ tục giámđốc thẩm thì Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản để Tòa án đang quản lý hồ sơ chuyển hồ sơ vụ án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, Tòa án đang quản lý hồ sơ vụ

about:blank 473/627

16:18 9/8/24 about:blank

án phải chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án, Viện kiểm sát đã yêu cầu.

2. Trường hợp Tòa án và Viện kiểm sát cùng cóvăn bản yêu cầu thì Tòa án đang quản lý hồ sơvụ án chuyển hồ sơ cho cơ quan yêu cầu trước và thông báo cho cơ quan yêu cầu sau biết.

**Điều 377. Tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm**

Người ra quyết định kháng nghị giám đốc thẩmđối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó.

Quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyếtđịnh bị kháng nghị giám đốc thẩm phải gửi cho Tòa án, Viện kiểm sát nơi đã xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và cơ quan thi hành án có thẩm   
quyền.

**Điều 378. Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm**

about:blank 474/627

16:18 9/8/24 about:blank

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm có các nội dung chính:   
1. Số, ngày, tháng, năm của quyết định;   
2. Người có thẩm quyền ra quyết định;   
3. Số, ngày, tháng, năm của bản án, quyết định bị kháng nghị;   
4. Nhận xét, phân tích những vi phạm pháp luật, sai lầm của bản án, quyết định bị kháng nghị;   
5. Căn cứ pháp luật để quyết định kháng nghị; 6. Quyết định kháng nghị toàn bộ hay một phần bản án, quyết định;   
7. Tên của Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm vụ án;   
8. Yêu cầu của người kháng nghị.

**Điều 379. Thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm**

about:blank 475/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Việc kháng nghị theo hướng không có lợi cho người bị kết án chỉ được tiến hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Việc kháng nghị theo hướng có lợi cho   
người bị kết án có thể được tiến hành bất cứ lúc nào, cả trong trường hợp người bị kết án đãchết mà cần minh oan cho họ.

3. Việc kháng nghị về dân sự trong vụ án hình sự đối với đương sự được thực hiện theo quyđịnh của pháp luật về tố tụng dân sự.

4. Nếu không có căn cứ để kháng nghị theo thủtục giám đốc thẩm thì người có quyền kháng nghị phải trả lời bằng văn bản cho cơ quan, tổchức, cá nhân đã kiến nghị biết rõ lý do của việc không kháng nghị.

**Điều 380. Gửi quyết định kháng nghị giámđốc thẩm**

1. Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm phải gửi ngay cho Tòa án đã ra bản án, quyết địnhđã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị, người

about:blank 476/627

16:18 9/8/24 about:blank

bị kết án, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanđến nội dung kháng nghị.

2. Trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải gửi ngay cho Tòa án cóthẩm quyền giám đốc thẩm.

Trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương   
kháng nghị thì quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải được gửi ngay cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải gửi quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát phải gửi lại hồ sơ vụ án cho Tòa án.

3. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương kháng nghị thì quyết định kháng

about:blank 477/627

16:18 9/8/24 about:blank

nghị kèm theo hồ sơ vụ án phải gửi ngay cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm.

**Điều 381. Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị**

1. Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa giám đốc thẩm, người kháng nghị có quyền bổsung, thay đổi kháng nghị nếu chưa hết thời hạn kháng nghị. Việc bổ sung, thay đổi kháng nghị trước khi mở phiên tòa phải bằng quyếtđịnh và được gửi theo quy định tại khoản 1Điều 380 của Bộ luật này. Việc bổ sung, thayđổi kháng nghị tại phiên tòa được ghi vào biên bản phiên tòa.

2. Trước khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa giámđốc thẩm, người kháng nghị có quyền rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị. Việc rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa phải bằng quyếtđịnh; việc rút kháng nghị tại phiên tòa được ghi vào biên bản phiên tòa.

3. Trường hợp rút toàn bộ kháng nghị trước khi mở phiên tòa thì Chánh án Tòa án có thẩm   
quyền giám đốc thẩm ra quyết định đình chỉxét xử giám đốc thẩm. Trường hợp rút toàn bộ

about:blank 478/627

16:18 9/8/24 about:blank

kháng nghị tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử ra quyết định đình chỉ xét xử giám đốc thẩm.

Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh, Tòa án gửi quyết định đình chỉ xét xửgiám đốc thẩm cho những người quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật này và Viện kiểm sát cùng cấp.

**Điều 382. Thẩm quyền giám đốc thẩm**

1. Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán đối với bản án, quyết định đã cóhiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị.

2. Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm đối với bảnán, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòaán nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyếtđịnh đã được Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán nhưng không thống nhất

about:blank 479/627

16:18 9/8/24 about:blank

khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

Khi xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số  
thành viên tham gia, do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán phảiđược quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; nếu không được quá nửa số thành viên của Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.

3. Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trungương giám đốc thẩm đối với bản án, quyết địnhđã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sựcấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực bị  
kháng nghị. Khi xét xử giám đốc thẩm thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên củaỦy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương tham gia, do Chánh án Tòa án quân sự trungương làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Ủy

about:blank 480/627

16:18 9/8/24 about:blank

ban Thẩm phán phải được quá nửa tổng sốthành viên biểu quyết tán thành; nếu khôngđược quá nửa số thành viên của Ủy ban Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Ủy ban Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.

4. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán đối với bản án, quyết định đãcó hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương bị kháng nghị.

5. Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm đối với bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật quy định tại khoản 4 Điều này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Hội đồng   
Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

Khi xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phải

about:blank 481/627

16:18 9/8/24 about:blank

có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia, do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm chủ tọa phiên tòa. Quyết định của Hội đồng toàn thể Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; nếu không được quá nửa sốthành viên của Hội đồng toàn thể Thẩm phán tán thành thì phải hoãn phiên tòa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa thì Hội đồng toàn thể Thẩm phán phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án.

6. Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc thẩm quyền giám đốc   
thẩm của các cấp khác nhau thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm toàn bộ vụ án.

**Điều 383. Những người tham gia phiên tòa giám đốc thẩm**

1. Phiên tòa giám đốc thẩm phải có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp.

2. Trường hợp xét thấy cần thiết hoặc có căn cứsửa một phần bản án, quyết định đã có hiệu lực

about:blank 482/627

16:18 9/8/24 about:blank

pháp luật, Tòa án phải triệu tập người bị kết án, người bào chữa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa giám đốc thẩm; nếu họ vắng mặt thì phiên tòa giám đốc thẩm vẫn được tiến   
hành.

**Điều 384. Chuẩn bị phiên tòa giám đốc thẩm**

Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán làthành viên Hội đồng giám đốc thẩm làm bản thuyết trình về vụ án. Bản thuyết trình tóm tắt nội dung vụ án và các bản án, quyết định của các cấp Tòa án, nội dung của kháng nghị.

Bản thuyết trình và các tài liệu có liên quan phải gửi cho các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm chậm nhất là 07 ngày trước ngày mở  
phiên tòa giám đốc thẩm.

**Điều 385. Thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm**

Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày nhận được quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án,

about:blank 483/627

16:18 9/8/24 about:blank

Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải mởphiên tòa.

**Điều 386. Thủ tục phiên tòa giám đốc thẩm**

1. Sau khi chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa, một thành viên Hội đồng giám đốc thẩm trình bày bản thuyết trình về vụ án. Các thành viên khác của Hội đồng giám đốc thẩm hỏi thêm Thẩm phán thuyết trình về những điểm chưa rõ trước khi thảo luận và phát biểu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị thì Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng nghị.

2. Trường hợp người bị kết án, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng nghị có mặt tại phiên tòa thì những   
người này được trình bày ý kiến về những vấnđề mà Hội đồng giám đốc thẩm yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án.

about:blank 484/627

16:18 9/8/24 about:blank

Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng tại phiên tòa giám đốc thẩm tranh tụng về những vấn đềliên quan đến việc giải quyết vụ án. Chủ tọa phiên tòa phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng trình bày hết ý kiến, tranh luận dân chủ, bình đẳng trước Tòa án.

3. Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm phát biểu ý kiến của mình và thảo luận. Hộiđồng giám đốc thẩm biểu quyết về việc giải quyết vụ án và công bố quyết định về việc giải quyết vụ án.

**Điều 387. Phạm vi giám đốc thẩm**

Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộvụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị.

**Điều 388. Thẩm quyền của Hội đồng giámđốc thẩm**

1. Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bịkháng nghị.

about:blank 485/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm bị hủy, sửa không đúng pháp luật.

3. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại.

4. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

5. Sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

6. Đình chỉ xét xử giám đốc thẩm.

**Điều 389. Không chấp nhận kháng nghị vàgiữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị**

Hội đồng giám đốc thẩm không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết địnhđã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị khi xét thấy bản án, quyết định đó có căn cứ và đúng pháp luật.

about:blank 486/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 390. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyếtđịnh đúng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm bị hủy, sửa**   
**không đúng pháp luật**

Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định hủy bảnán, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữnguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm nhưng bị hủy, sửa không đúng pháp luật.

**Điều 391. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại**

Hội đồng giám đốc thẩm hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 371 của Bộluật này. Nếu hủy để xét xử lại thì tùy trường hợp, Hội đồng giám đốc thẩm có thể quyếtđịnh xét xử lại từ cấp sơ thẩm hoặc cấp phúc thẩm.

Trường hợp xét thấy cần tiếp tục tạm giam bịcáo thì Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định

about:blank 487/627

16:18 9/8/24 about:blank

tạm giam cho đến khi Viện kiểm sát hoặc Tòaán thụ lý lại vụ án.

**Điều 392. Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án**

Hội đồng giám đốc thẩm hủy bản án, quyếtđịnh đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án nếu có một trong các căn cứ quy định tại Điều 157 của Bộ luật này.

**Điều 393. Sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật**

Hội đồng giám đốc thẩm sửa bản án, quyếtđịnh đã có hiệu lực pháp luật khi có đủ cácđiều kiện:

1. Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đãrõ ràng, đầy đủ;

2. Việc sửa bản án, quyết định không làm thayđổi bản chất của vụ án, không làm xấu đi tình trạng của người bị kết án, không gây bất lợi cho bị hại, đương sự.

**Điều 394. Quyết định giám đốc thẩm**

about:blank 488/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định giámđốc thẩm nhân danh nước Cộng hoà xã hội chủnghĩa Việt Nam.

2. Quyết định giám đốc thẩm có các nội dung: a) Ngày, tháng, năm và địa điểm mở phiên tòa; b) Họ tên các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm;   
c) Họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử phiên tòa;   
d) Tên vụ án mà Hội đồng đưa ra xét xử giámđốc thẩm;  
đ) Tên, tuổi, địa chỉ của người bị kết án và  
những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quyết định giám đốc thẩm;   
e) Tóm tắt nội dung vụ án, phần quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bịkháng nghị;   
g) Quyết định kháng nghị, căn cứ kháng nghị;

about:blank 489/627

16:18 9/8/24 about:blank

h) Nhận định của Hội đồng giám đốc thẩm, trong đó phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng nghị;

i) Điểm, khoản, điều của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật hình sự mà Hội đồng giám đốc thẩm căn cứ để ra quyết định;

k) Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm.

**Điều 395. Hiệu lực của quyết định giám đốc thẩm và việc gửi quyết định giám đốc thẩm**

1. Quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm cóhiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh, Hội đồng giám đốc thẩm phải gửi quyếtđịnh giám đốc thẩm cho người bị kết án, ngườiđã kháng nghị; Viện kiểm sát cùng cấp; Viện kiểm sát, Tòa án nơi đã xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghịhoặc người đại diện của họ; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn

about:blank 490/627

16:18 9/8/24 about:blank

nơi người bị kết án cư trú hoặc cơ quan, tổchức nơi người bị kết án làm việc, học tập.

**Điều 396. Thời hạn chuyển hồ sơ vụ án đểđiều tra lại hoặc xét xử lại**

Nếu Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật đểđiều tra lại thì trong thời hạn 15 ngày kể từngày ra quyết định, hồ sơ vụ án phải được   
chuyển cho Viện kiểm sát cùng cấp để điều tra lại theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

Nếu Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật đểxét xử lại vụ án ở cấp sơ thẩm hoặc ở cấp phúc thẩm thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định, hồ sơ vụ án phải được chuyển cho Tòa án có thẩm quyền để xét xử lại theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

**Chương XXVI**

**THỦ TỤC TÁI THẨM**

**Điều 397. Tính chất của tái thẩm**

about:blank 491/627

16:18 9/8/24 about:blank

Tái thẩm là xét lại bản án, quyết định đã cóhiệu lực pháp luật của Tòa án nhưng bị kháng nghị vì có tình tiết mới được phát hiện có thểlàm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyếtđịnh mà Tòa án không biết được khi ra bản án, quyết định đó.

**Điều 398. Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm**

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có một trong các căn cứ:

1. Có căn cứ chứng minh lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời dịch của người phiên dịch, bản dịch thuật có những điểm quan trọng khôngđúng sự thật;

2. Có tình tiết mà Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm do không biết được màkết luận không đúng làm cho bản án, quyếtđịnh của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật khôngđúng sự thật khách quan của vụ án;

about:blank 492/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Vật chứng, biên bản về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, biên bản hoạt động tố tụng khác hoặc những chứng cứ, tài liệu, đồ vật khác   
trong vụ án bị giả mạo hoặc không đúng sựthật;

4. Những tình tiết khác làm cho bản án, quyếtđịnh của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật khôngđúng sự thật khách quan của vụ án.

**Điều 399. Thông báo và xác minh những tình tiết mới được phát hiện**

1. Người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi cánhân có quyền phát hiện tình tiết mới của vụ án và thông báo kèm theo các tài liệu liên quan cho Viện kiểm sát hoặc Tòa án. Trường hợp Tòa án nhận được thông báo hoặc tự mình phát hiện tình tiết mới của vụ án thì phải thông báo ngay bằng văn bản kèm theo các tài liệu liên quan cho Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm. Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm ra quyết định xác minh những tình tiết đó.

about:blank 493/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Viện kiểm sát phải xác minh những tình tiết mới; khi xét thấy cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm yêu cầu Cơ quan điều tra có thẩm quyền xác minh tình tiết mới của vụ án và chuyển kết quảxác minh cho Viện kiểm sát.

3. Khi tiến hành xác minh tình tiết mới của vụán, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra có quyềnáp dụng các biện pháp điều tra tố tụng theo quyđịnh của Bộ luật này.

**Điều 400. Những người có quyền kháng nghịtheo thủ tục tái thẩm**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án các cấp, trừ quyết định của Hộiđồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trungương có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực.

about:blank 494/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

**Điều 401. Thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm**

1. Tái thẩm theo hướng không có lợi cho người bị kết án chỉ được thực hiện trong thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 27 của Bộ luật hình sự và thời hạn kháng nghịkhông được quá 01 năm kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được tin báo về tình tiết mới được phát hiện.

2. Tái thẩm theo hướng có lợi cho người bị kếtán thì không hạn chế về thời gian và được thực hiện cả trong trường hợp người bị kết án đãchết mà cần minh oan cho họ.

3. Việc kháng nghị về dân sự trong vụ án hình sự đối với đương sự được thực hiện theo quyđịnh của pháp luật về tố tụng dân sự.

about:blank 495/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 402. Thẩm quyền của Hội đồng tái thẩm**   
1. Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bịkháng nghị.

2. Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã cóhiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xửlại.

3. Hủy bản án, quyết định của Tòa án đã cóhiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

4. Đình chỉ việc xét xử tái thẩm.

**Điều 403. Các thủ tục khác về tái thẩm** Các thủ tục khác về tái thẩm được thực hiện theo các quy định về thủ tục giám đốc thẩm quy định tại Bộ luật này.

**Chương XXVII**   
 **THỦ TỤC XEM XÉT LẠI QUYẾT ĐỊNH**  **CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN**  **NHÂN DÂN TỐI CAO**   
about:blank 496/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 404. Yêu cầu, kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**

1. Khi có căn cứ xác định quyết định của Hộiđồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc phát hiện tình tiết quan trọng mới có thể làm thay đổi cơbản nội dung quyết định mà Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không biết được khi ra quyết định đó, nếu Ủy ban thường vụQuốc hội yêu cầu, Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiến nghị, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối phải mở phiên họp để xem xét lại quyết định đó.

2. Trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cótrách nhiệm báo cáo Hội đồng Thẩm phán Tòaán nhân dân tối cao để xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

about:blank 497/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trường hợp Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiến nghị thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mở phiên họp xem xét kiến nghịđó.

Trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân tối caođề nghị thì báo cáo Hội đồng Thẩm phán Tòaán nhân dân tối cao mở phiên họp xem xét đềnghị đó.

**Điều 405. Thành phần tham dự phiên họp của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét kiến nghị, đề nghị**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải tham dự phiên họp của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét kiến nghị của Ủy ban tư pháp của Quốc hội, kiến nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Đại diện Ủy ban tư pháp của Quốc hội được mời tham dự phiên họp của Hội đồng Thẩm

about:blank 498/627

16:18 9/8/24 about:blank

phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét kiến nghị của Ủy ban tư pháp của Quốc hội.

3. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tòa án nhân dân tối cao có thể mời cơ quan, tổ chức, cánhân có liên quan tham dự phiên họp.

**Điều 406. Chuẩn bị mở phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị**

1. Sau khi nhận được kiến nghị của Ủy ban tưpháp của Quốc hội, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc sau khi Chánh án Tòaán nhân dân tối cao có văn bản đề nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao bản sao văn bản kiến nghị hoặc đề nghị đó kèm theo hồ sơvụ án để Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuẩn bị ý kiến phát biểu tại phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức thẩmđịnh hồ sơ để báo cáo Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định tại phiên họp.

about:blank 499/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận  
được kiến nghị của Ủy ban tư pháp của Quốc hội, kiến nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc kể từ ngày Chánh án Tòaán nhân dân tối cao có văn bản đề nghị thì Hộiđồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải mở phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị đó vàthông báo bằng văn bản cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về thời gian, địa  
điểm mở phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị.

**Điều 407. Thủ tục mở phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị**

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tự mình hoặc phân công một thành viên Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trình bày tóm tắt nội dung vụ án và quá trình giải quyết vụ án.

2. Đại diện Ủy ban tư pháp của Quốc hội,   
Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có kiến nghị, đềnghị xem xét lại quyết định của Hội đồng   
Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trình bày về các vấn đề sau:

about:blank 500/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Nội dung kiến nghị, đề nghị;

b) Căn cứ kiến nghị, đề nghị;

c) Phân tích chứng cứ cũ và chứng cứ mới bổsung (nếu có) để làm rõ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hoặc   
những tình tiết quan trọng mới có thể làm thayđổi cơ bản nội dung quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3. Trường hợp xem xét kiến nghị của Ủy ban tưpháp của Quốc hội hoặc xem xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì Viện   
trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp của kiến nghị, đề nghị; nêu rõ quan điểm và lý do nhất trí hoặc không nhất trí với kiến nghị, đềnghị đó.

4. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thảo luận và biểu quyết theo đa số về việc nhất trí hoặc không nhất trí với kiến nghị, đềnghị xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

about:blank 501/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Trường hợp nhất trí với kiến nghị của Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định về việc mở phiên họp để xem xét lại quyết định của mình.

6. Mọi diễn biến tại phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị và các quyết định được thông qua tại phiên họp được ghi vào biên bản phiên họp và lưu hồ sơ xem xét kiến nghị, đề nghị.

**Điều 408. Thông báo kết quả phiên họp xem xét kiến nghị, đề nghị**

Sau khi kết thúc phiên họp, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gửi văn bản thông báo kết quả phiên họp về việc nhất tríhoặc không nhất trí kiến nghị, đề nghị cho Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do của việc nhất trí hoặc không nhất trí với kiến nghị, đề nghị đó.

about:blank 502/627

16:18 9/8/24 about:blank

Trường hợp không nhất trí kết quả xem xét kiến nghị, đề nghị của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cóquyền báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

**Điều 409. Thẩm định hồ sơ vụ án; xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật**

1. Trường hợp có yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc có quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhất tríxem xét lại quyết định của mình thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức việc thẩm định hồ sơ vụ án và tổ chức việc xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật trong trường hợp cần thiết.

2. Việc thẩm định hồ sơ vụ án, xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật phải làm rõ cóhay không có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có hay không có tình tiết quan trọng mới làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

about:blank 503/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 410. Thời hạn mở phiên họp xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòaán nhân dân tối cao**

1. Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày nhậnđược yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc kể từ ngày có quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhất tríxem xét lại quyết định của mình, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải mởphiên họp.

2. Tòa án nhân dân tối cao gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao văn bản thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp xem xét lại quyếtđịnh của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao kèm theo hồ sơ vụ án trong trường hợp có yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Điều 411. Thủ tục và thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải tham dự phiên họp xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

about:blank 504/627

16:18 9/8/24 about:blank

cao và phát biểu quan điểm về việc có hay   
không có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có hay không có tình tiết mới quan trọng làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định của Hộiđồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vàquan điểm về việc giải quyết vụ án.

2. Sau khi nghe Chánh án Tòa án nhân dân tối cao báo cáo, nghe ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, của cơ quan, tổ  
chức, cá nhân có liên quan tham dự (nếu có), Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

a) Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban   
thường vụ Quốc hội, kiến nghị của Ủy ban tưpháp của Quốc hội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và giữ nguyên quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

b) Hủy quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hủy bản án, quyếtđịnh đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật và quyết định về nội dung vụ án;

about:blank 505/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Hủy quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hủy bản án, quyếtđịnh đã có hiệu lực pháp luật và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

d) Hủy quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hủy bản án, quyếtđịnh đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại.

3. Quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải được ít nhất ba phần tưtổng số thành viên của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao biểu quyết tán thành.

**Điều 412. Gửi quyết định của Hội đồng**   
**Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao**

Sau khi Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ra một trong các quyết định quy định tạiĐiều 411 của Bộ luật này, Tòa án nhân dân tối cao gửi quyết định cho Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Viện kiểm

about:blank 506/627

16:18 9/8/24 about:blank

sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án đã giải quyết vụ án vànhững người có liên quan.

**PHẦN THỨ BẢY**

**THỦ TỤC ĐẶC BIỆT**

**Chương XXVIII**

**THỦ TỤC TỐ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI**

**Ðiều 413. Phạm vi áp dụng**

Thủ tục tố tụng đối với người bị buộc tội,   
người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi được áp dụng theo quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với quy định của   
Chương này.

**Điều 414. Nguyên tắc tiến hành tố tụng**

1. Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khảnăng nhận thức của người dưới 18 tuổi; bảo

about:blank 507/627

16:18 9/8/24 about:blank

đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi; bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi.

2. Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi.

3. Bảo đảm quyền tham gia tố tụng của ngườiđại diện của người dưới 18 tuổi, nhà trường,Ðoàn thanh niên, người có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý, xã hội, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt.

4. Tôn trọng quyền được tham gia, trình bày ýkiến của người dưới 18 tuổi.

5. Bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợgiúp pháp lý của người dưới 18 tuổi.

6. Bảo đảm các nguyên tắc xử lý của Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

7. Bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi.

**Điều 415. Người tiến hành tố tụng**

about:blank 508/627

16:18 9/8/24 about:blank

Người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo   
hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụán liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dụcđối với người dưới 18 tuổi.

**Ðiều 416. Những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội làngười dưới 18 tuổi**

1. Tuổi, mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi.

2. Ðiều kiện sinh sống và giáo dục.

3. Có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi giục.

4. Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội.

**Điều 417. Xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi**

about:blank 509/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Việc xác định tuổi của người bị buộc tội, người bị hại là người dưới 18 tuổi do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng, năm sinh của họ được xácđịnh:

a) Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh.

b) Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh.

c) Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh.

d) Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày

about:blank 510/627

16:18 9/8/24 about:blank

cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đólàm ngày, tháng sinh.

3. Trường hợp không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

**Ðiều 418. Giám sát đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi**

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể ra quyết định giao   
người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi cho người đại diện của họ giám sát để bảo đảm sựcó mặt của họ khi có giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ người dưới 18 tuổi, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó.

Trường hợp người dưới 18 tuổi có dấu hiệu bỏtrốn hoặc có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan

about:blank 511/627

16:18 9/8/24 about:blank

đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này hoặc tiếp tục phạm tội thì người được giao nhiệm vụgiám sát phải kịp thời thông báo và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đểcó biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

**Ðiều 419. Áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế**

1. Chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện phápáp giải đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong trường hợp thật cần thiết.

Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp   
giám sát và các biện pháp ngăn chặn khác   
không hiệu quả. Thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi bằng hai phần ba thời hạn tạm giam đối với người đủ18 tuổi trở lên quy định tại Bộ luật này. Khi không còn căn cứ để tạm giữ, tạm giam thì cơquan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

about:blank 512/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thểbị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội phạm quy định tại khoản 2Điều 12 của Bộ luật hình sự nếu có căn cứ quyđịnh tại các điều 110, 111 và 112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật này.

3. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thểbị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ, tạm giam về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu có căn cứ quy định tại các điều 110, 111 và112, các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật này.

4. Đối với bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng màBộ luật hình sự quy định hình phạt tù đến 02 năm thì có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu họtiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyếtđịnh truy nã.

5. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định

about:blank 513/627

16:18 9/8/24 about:blank

bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phải thông báo cho người đại diện của họ biết.

**Ðiều 420. Việc tham gia tố tụng của ngườiđại diện, nhà trường, tổ chức**

1. Người đại diện của người dưới 18 tuổi, thầy giáo, cô giáo, đại diện của nhà trường, Ðoàn thanh niên, tổ chức khác nơi người dưới 18 tuổi học tập, lao động và sinh hoạt có quyền và  
nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Người đại diện của người dưới 18 tuổi được tham gia việc lấy lời khai, hỏi cung người dưới 18 tuổi; đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, khiếu nại, tố cáo; đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội người dưới 18 tuổi trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra.

3. Những người quy định tại khoản 1 Điều này khi tham gia phiên tòa có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng; phát biểu ý kiến, tranh luận; khiếu nại các hành vi tố tụng của những

about:blank 514/627

16:18 9/8/24 about:blank

người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án.

**Điều 421. Lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bịtạm giữ, người bị hại, người làm chứng; hỏi cung bị can; đối chất**

1. Khi lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng, hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung cho người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

2. Việc lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ, hỏi cung bị can phải có mặt người bào chữa hoặc người đại diện của họ.

Việc lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng phải có người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ tham dự.

about:blank 515/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Người bào chữa, người đại diện có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can là người dưới 18 tuổi nếu được Điều tra viên, Kiểm sát viên đồng ý. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa, người đại diện có thể hỏi người bịgiữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can.

4. Thời gian lấy lời khai người dưới 18 tuổi không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp vụ án cónhiều tình tiết phức tạp.

5. Thời gian hỏi cung bị can là người dưới 18 tuổi không quá hai lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Để truy bắt người phạm tội khác đang bỏtrốn;

c) Ngăn chặn người khác phạm tội;

about:blank 516/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Để truy tìm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc vật chứng khác của vụ án;

đ) Vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

6. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉtiến hành đối chất giữa bị hại là người dưới 18 tuổi với bị can, bị cáo để làm sáng tỏ tình tiết của vụ án trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án.

**Ðiều 422. Bào chữa**

1. Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi cóquyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa.

2. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bịbuộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội.

3. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc ngườiđại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án

about:blank 517/627

16:18 9/8/24 about:blank

phải chỉ định người bào chữa theo quy định tạiĐiều 76 của Bộ luật này.

**Ðiều 423. Xét xử**

1. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộĐoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi.

2. Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị cáo, bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyếtđịnh xét xử kín.

3. Phiên tòa xét xử bị cáo là người dưới 18 tuổi phải có mặt người đại diện của bị cáo, đại diện của nhà trường, tổ chức nơi bị cáo học tập, sinh hoạt, trừ trường hợp những người này vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc   
không do trở ngại khách quan.

4. Việc xét hỏi, tranh luận với bị cáo, bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại   
phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ. Phòng xử án được bốtrí thân thiện, phù hợp với người dưới 18 tuổi.

about:blank 518/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Đối với vụ án có bị hại, người làm chứng làngười dưới 18 tuổi, Hội đồng xét xử phải hạn chế việc tiếp xúc giữa bị hại, người làm chứng với bị cáo khi bị hại, người làm chứng trình bày lời khai tại phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hỏi bị hại, người làm chứng.

6. Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt đối với bị cáo thì Hộiđồng xét xử áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

7. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết việc xét xử vụ án có người dưới 18 tuổi của Tòa gia đình và người chưa thành niên.

**Ðiều 424. Chấm dứt việc chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt**

Người dưới 18 tuổi bị kết án có thể được chấm dứt việc chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp giáo dục tại trường

about:blank 519/627

16:18 9/8/24 about:blank

giáo dưỡng, giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 95 hoặc Điều 96 hoặc Ðiều 105 của Bộ luật hình sự.

**Ðiều 425. Xóa án tích**

Việc xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi có đủ điều kiện quy định tại Ðiều 107 của Bộ luật hình sự được thực hiện theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

**Điều 426. Thẩm quyền áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự**

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cóthẩm quyền quyết định áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục sau đây đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự:

1. Khiển trách;

2. Hòa giải tại cộng đồng;

about:blank 520/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Điều 427. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp khiển trách**

1. Khi miễn trách nhiệm hình sự cho người dưới 18 tuổi phạm tội mà xét thấy có đủ điều kiện áp dụng biện pháp khiển trách theo quyđịnh của Bộ luật hình sự thì Thủ trưởng, PhóThủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, PhóViện trưởng Viện kiểm sát, Hội đồng xét xửquyết định áp dụng biện pháp khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong vụ án do cơ quan mình thụ lý, giải quyết.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khiển trách cócác nội dung chính:

a) Số, ngày, tháng, năm; địa điểm ra quyếtđịnh;

b) Họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định;

c) Lý do, căn cứ ra quyết định;

about:blank 521/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của bị can, bị cáo;

đ) Tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự đã áp dụng;

e) Thời gian thực hiện nghĩa vụ của người bịkhiển trách.

3. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải giao ngay quyết định áp dụng biện pháp khiển trách cho người bị khiển trách, cha mẹ hoặc người đại diện của họ.

**Điều 428. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng**

1. Khi xét thấy có đủ điều kiện áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng theo quy định của Bộ luật hình sự thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng.

2. Quyết định áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng có các nội dung chính:

about:blank 522/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Số, ngày, tháng, năm; địa điểm ra quyết  
định;   
b) Họ tên, chức vụ, chữ ký của người ra quyếtđịnh và đóng dấu của cơ quan ra quyết định; c) Lý do, căn cứ ra quyết định;   
d) Tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự đã áp dụng;  
đ) Họ tên Điều tra viên hoặc Kiểm sát viên hoặc Thẩm phán được phân công tiến hành hòa giải;   
e) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của bị can, bị cáo;   
g) Họ tên người bị hại;   
h) Họ tên những người khác tham gia hòa giải; i) Thời gian, địa điểm, tiến hành hòa giải.

3. Quyết định áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải giao cho người dưới 18 tuổi phạm tội, cha mẹ hoặc người đại diện của họ; about:blank 523/627

16:18 9/8/24 about:blank

người bị hại, người đại diện của người bị hại vàỦy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tổchức việc hòa giải tại cộng đồng chậm nhất là03 ngày trước ngày tiến hành hòa giải.

4. Khi tiến hành hòa giải, Điều tra viên hoặc Kiểm sát viên hoặc Thẩm phán được phân công tiến hành hòa giải phải phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tổ chức việc hòa giải và phải lập biên bản hòa giải.

5. Biên bản hòa giải có các nội dung chính:

a) Địa điểm, giờ, ngày, tháng, năm tiến hành hòa giải, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc;

b) Họ tên Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được phân công tiến hành hòa giải;

c) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của bị can, bị cáo;

d) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị hại;

about:blank 524/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của những người khác tham gia hòa giải;

e) Các câu hỏi, câu trả lời, lời trình bày của những người tham gia hòa giải;

g) Kết quả hòa giải; người dưới 18 tuổi, cha mẹhoặc người đại diện của người dưới 18 tuổi xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại (nếu có); người bị hại, người đại diện của người bịhại đã tự nguyện hòa giải, đề nghị miễn trách nhiệm hình sự (nếu có);

h) Chữ ký của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán hòa giải.

6. Ngay sau khi kết thúc hòa giải, Điều tra   
viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành hòa giải phải đọc lại biên bản cho những người tham gia hòa giải nghe. Nếu có người yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung thì Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đã lập biên bản phải ghi những sửa đổi, bổ sung đó vào biên bản vàký xác nhận. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu thì phải ghi rõ lý do vào biên bản. Biên bản

about:blank 525/627

16:18 9/8/24 about:blank

hòa giải được giao ngay cho những người tham gia hòa giải.

**Điều 429. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn**

1. Khi miễn trách nhiệm hình sự cho người dưới 18 tuổi phạm tội mà xét thấy có đủ điều kiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,   
phường, thị trấn theo quy định của Bộ luật hình sự thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quanđiều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong vụ án do cơ quan mình thụ lý, giải quyết.

2. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có các nội dung chính:

a) Số, ngày, tháng, năm; địa điểm ra quyếtđịnh;

b) Họ tên, chức vụ, chữ ký của người ra quyếtđịnh và đóng dấu của cơ quan ra quyết định;

about:blank 526/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Lý do, căn cứ ra quyết định;

d) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của bị can, bị cáo;

đ) Tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự đã áp dụng;

e) Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

g) Trách nhiệm của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị áp dụng biện pháp này cưtrú.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,   
phường, thị trấn, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải giao quyết định cho người bịáp dụng biện pháp này, cha mẹ hoặc người đại diện của họ và chính quyền xã, phường, thị trấn nơi họ cư trú.

**Điều 430. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng**

about:blank 527/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Khi xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt thì Hội đồng xét xử quyết định trong bản án việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

2. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có các nội dung chính:   
a) Số, ngày, tháng, năm; địa điểm ra quyết  
định;   
b) Họ tên, chữ ký các thành viên Hội đồng xét xử đã ra quyết định;   
c) Lý do, căn cứ ra quyết định;   
d) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của bị cáo;  
đ) Tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật   
hình sự đã áp dụng;   
e) Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại   
trường giáo dưỡng;

about:blank 528/627

16:18 9/8/24 about:blank

g) Trách nhiệm của trường giáo dưỡng nơi giáo dục người bị áp dụng biện pháp này.

3. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được giao ngay cho người dưới 18 tuổi phạm tội, cha mẹ hoặc người đại diện của họ và trường giáo dưỡng nơi giáo dục họ.

**Chương XXIX**

**THỦ TỤC TỐ TỤNG TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ PHÁP NHÂN**

**Điều 431. Phạm vi áp dụng**

Thủ tục tố tụng đối với pháp nhân bị tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bị điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được tiến hành theo quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này.

**Điều 432. Khởi tố vụ án, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự**

about:blank 529/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Khi xác định có dấu hiệu tội phạm do pháp nhân thực hiện thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại các điều 143, 153 và 154 của Bộ luật này.

2. Căn cứ, trình tự, thủ tục thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự được thực hiện theo quy định tại Điều 156 của Bộ luật này.

**Điều 433. Khởi tố bị can, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân**

1. Khi có đủ căn cứ xác định pháp nhân đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân.

2. Quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân ghi rõ thời gian, địa điểm ra quyết định; họ tên, chức vụ người ra quyết định; tên và địa chỉ của pháp nhân theo quyết định thành lập của cơquan có thẩm quyền; tội danh, điều khoản của Bộ luật hình sự đã áp dụng; thời gian, địa điểm phạm tội và những tình tiết khác của tội phạm.

about:blank 530/627

16:18 9/8/24 about:blank

Nếu pháp nhân bị khởi tố về nhiều tội khác nhau thì trong quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân phải ghi rõ từng tội danh và điều, khoản của Bộ luật hình sự đã áp dụng.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục khởi tố bị can, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân được thực hiện theo quy định tạiĐiều 179 và 180 của Bộ luật này.

**Điều 434. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tham gia tố tụng**

1. Mọi hoạt động tố tụng của pháp nhân bị truy cứu trách nhiệm hình sự được thông qua ngườiđại diện theo pháp luật của pháp nhân. Pháp nhân phải cử và bảo đảm cho người đại diện theo pháp luật của mình tham gia đầy đủ các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo yêu cầu của cơ quan, người cóthẩm quyền.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xửhoặc không thể tham gia tố tụng được thì pháp nhân phải cử người khác làm người đại diện

about:blank 531/627

16:18 9/8/24 about:blank

theo pháp luật của mình tham gia tố tụng.

Trường hợp pháp nhân thay đổi người đại diện thì pháp nhân phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại thời điểm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xửmà pháp nhân không có người đại diện theo pháp luật hoặc có nhiều người cùng là đại diện theo pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định một người đại diện cho pháp nhân tham gia tố tụng.

2. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tham gia tố tụng phải thông báo cho cơ quan cóthẩm quyền tiến hành tố tụng họ tên, ngày,   
tháng, năm sinh, quốc tịch, dân tộc, tôn giáo, giới tính, nghề nghiệp, chức vụ của mình. Nếu có sự thay đổi những thông tin này thì ngườiđại diện theo pháp luật phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Điều 435. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân**

1. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có quyền:

about:blank 532/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Được thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm;

b) Được biết lý do pháp nhân mà mình đại diện bị khởi tố;

c) Được thông báo, được giải thích về quyền vànghĩa vụ quy định tại Điều này;

d) Được nhận quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân; quyết định thay đổi, bổ sung quyếtđịnh khởi tố bị can đối với pháp nhân; quyếtđịnh phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với pháp nhân; quyết định phê chuẩn quyếtđịnh thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bịcan đối với pháp nhân; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp cưỡng chế; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉđiều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụán; bản cáo trạng; quyết định đưa vụ án ra xét xử; bản án, quyết định của Tòa án và quyếtđịnh tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này;

đ) Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại pháp nhân

about:blank 533/627

16:18 9/8/24 about:blank

mà mình đại diện hoặc buộc phải thừa nhận pháp nhân mà mình đại diện có tội;

e) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

g) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giátài sản, người phiên dịch, người dịch thuật theo quy định của Bộ luật này;

h) Tự bào chữa, nhờ người bào chữa cho pháp nhân;

i) Được đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu đã được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa cho pháp nhân kể từ khi kết thúcđiều tra khi có yêu cầu;

k) Tham gia phiên tòa, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi những người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa;

l) Phát biểu ý kiến sau cùng trước khi nghị án;

about:blank 534/627

16:18 9/8/24 about:blank

m) Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa;

n) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;

o) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơquan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập của người có  
thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp   
vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải;

b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Điều 436. Biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân**

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế sau đây đối với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử:

about:blank 535/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Kê biên tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân;

b) Phong tỏa tài khoản của pháp nhân liên quanđến hành vi phạm tội của pháp nhân;

c) Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân;

d) Buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án.

2. Thời hạn áp dụng các biện pháp cưỡng chếquy định tại khoản 1 Điều này không được quáthời hạn điều tra, truy tố, xét xử.

**Điều 437. Kê biên tài sản**

1. Kê biên tài sản áp dụng đối với pháp nhân bịkhởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà Bộluật hình sự quy định hình phạt tiền hoặc đểbảo đảm bồi thường thiệt hại.

2. Chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại. Tài sản bị kê biên được giao cho

about:blank 536/627

16:18 9/8/24 about:blank

người đứng đầu pháp nhân có trách nhiệm bảo quản; nếu để xảy ra việc tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại tài sản bị kê biên thì người này phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Khi kê biên tài sản của pháp nhân phải cómặt những người sau:   
a) Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân;   
b) Đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi pháp nhân có tài sản bị kê biên;   
c) Người chứng kiến.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kê biên tài sảnđược thực hiện theo quy định tại Điều 128 của Bộ luật này.

**Điều 438. Phong tỏa tài khoản**   
 1. Phong tỏa tài khoản áp dụng đối với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tiền   
 hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại và có căn about:blank 537/627

16:18 9/8/24 about:blank

cứ xác định pháp nhân đó có tài khoản tại tổchức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước.

2. Phong tỏa tài khoản cũng được áp dụng đối với tài khoản của cá nhân, tổ chức khác nếu cócăn cứ xác định số tiền trong tài khoản đó liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân.

3. Chỉ phong tỏa số tiền trong tài khoản tươngứng với mức có thể phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại.

4. Cơ quan có thẩm quyền phong tỏa tài khoản phải giao quyết định phong tỏa tài khoản chođại diện tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhànước đang quản lý tài khoản của pháp nhân hoặc tài khoản của cá nhân, tổ chức khác liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân.

5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phong tỏa tài khoản được thực hiện theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật này.

**Điều 439. Tạm đình chỉ có thời hạn hoạtđộng của pháp nhân liên quan đến hành vi**

about:blank 538/627

16:18 9/8/24 about:blank

**phạm tội của pháp nhân; buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án**

1. Tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân chỉ áp dụng khi có căn cứ xác định hành vi phạm tội của pháp nhân gây thiệt hại hoặc cókhả năng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của con người, môi trường hoặc trật tự, an toàn xã hội.

Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra quyếtđịnh tạm đình chỉ có thời hạn hoạt động của pháp nhân. Quyết định tạm đình chỉ hoạt động của pháp nhân của những người quy định tạiđiểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phảiđược Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

Thời hạn tạm đình chỉ hoạt động của pháp   
nhân không được quá thời hạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Bộ luật này. Thời hạn tạm đình chỉ đối với pháp nhân bị kết án không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thờiđiểm pháp nhân chấp hành án.

about:blank 539/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án áp dụng đối với pháp nhân bị khởi tố,điều tra, truy tố, xét xử về tội mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại.

Chỉ buộc nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án tương ứng với mức có thể bị phạt tiền hoặc để bồi thường thiệt hại.

Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra quyếtđịnh buộc pháp nhân phải nộp một khoản tiềnđể bảo đảm thi hành án. Quyết định buộc pháp nhân phải nộp một khoản tiền để bảo đảm thi hành án của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền phải nộp để bảo đảm thi hành án; việc tạm giữ, hoàn trả, nộp ngân sách nhà nước sốtiền đã nộp.

about:blank 540/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 440. Triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân**

1. Khi triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải gửi giấy triệu tập. Giấy triệu tập ghi rõ họ tên, chỗ ở hoặc làm việc của ngườiđại diện theo pháp luật của pháp nhân; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm có mặt, gặp ai vàtrách nhiệm về việc vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

2. Giấy triệu tập được gửi cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hoặc pháp nhân nơi người đó làm việc hoặc chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân cư trú. Cơ quan, tổ chức nhận được giấy triệu tập có trách nhiệm chuyển ngay giấy triệu tập cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân.

Khi nhận giấy triệu tập, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phải ký nhận và ghi rõngày, giờ nhận. Người chuyển giấy triệu tập phải chuyển phần giấy triệu tập có ký nhận của

about:blank 541/627

16:18 9/8/24 about:blank

người đại diện cho cơ quan đã triệu tập; nếu người đại diện không ký nhận thì phải lập biên bản về việc đó và gửi cho cơ quan triệu tập; nếu người đại diện vắng mặt thì có thể giao giấy triệu tập cho một người đủ 18 tuổi trở lên trong gia đình để ký xác nhận và chuyển cho người đại diện.

3. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phải có mặt theo giấy triệu tập. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì người có  
thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể ra quyếtđịnh dẫn giải.

**Điều 441. Những vấn đề cần phải chứng minh khi tiến hành tố tụng đối với pháp nhân bị buộc tội**

1. Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội thuộc trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo quy định của Bộ luật hình sự.

2. Lỗi của pháp nhân, lỗi của cá nhân là thành viên của pháp nhân.

about:blank 542/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra.

4. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết khác liên quan đến miễn hình phạt.

5. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

**Điều 442. Lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân**

1. Việc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân phải do Điều tra viên, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện tại nơi tiến hành điều tra, tại trụ sở Cơ quanđiều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc tại trụ sở của pháp nhân. Trước khi lấy lời khai, Điều tra viên, cán bộ điều tra phải thông báo cho Kiểm sát viên và người bào chữa thời gian, địa điểm lấy lời khai. Khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên tham gia việc lấy lời khai.

about:blank 543/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Trước khi tiến hành lấy lời khai lần đầu,Điều tra viên, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải giải thích cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân biết rõ quyền và nghĩa vụquy định tại Điều 435 của Bộ luật này và phải ghi vào biên bản. Có thể cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tự viết lời khai của mình.

3. Không được lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân vào ban đêm.

4. Kiểm sát viên lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân trong trường hợp người này không thừa nhận hành vi phạm tội của pháp nhân, khiếu nại hoạt động điều tra hoặc có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.

Việc Kiểm sát viên lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân cũng được tiến hành theo quy định tại Điều này.

about:blank 544/627

16:18 9/8/24 about:blank

5. Việc lấy lời khai của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tại trụ sở Cơ quanđiều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

Việc lấy lời khai của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tại các địa điểm khác được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh theo yêu cầu của người đại diện, của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

6. Biên bản lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân được lập theo quyđịnh tại Điều 178 của Bộ luật này.

**Điều 443. Tạm đình chỉ điều tra, đình chỉđiều tra, đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can, bịcáo**

1. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyếtđịnh tạm đình chỉ điều tra khi trưng cầu giámđịnh, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quảmà đã hết thời hạn điều tra. Trường hợp này

about:blank 545/627

16:18 9/8/24 about:blank

việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tưpháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.

2. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyếtđịnh đình chỉ điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can, bịcáo là pháp nhân khi thuộc một trong các   
trường hợp:

a) Không có sự việc phạm tội;

b) Hành vi của pháp nhân không cấu thành tội phạm;

c) Hành vi phạm tội của pháp nhân đã có bảnán hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật;

d) Hết thời hạn điều tra mà không chứng minhđược pháp nhân thực hiện tội phạm;

đ) Hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 444. Thẩm quyền và thủ tục xét xử đối với pháp nhân**

about:blank 546/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án hình sựvề các tội phạm do pháp nhân thực hiện là Tòaán nơi pháp nhân thực hiện tội phạm. Trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nơi pháp nhân đó có trụ sở chính hoặc nơi cóchi nhánh của pháp nhân đó thực hiện tội   
phạm.

2. Việc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với pháp nhân phạm tội  
được thực hiện theo thủ tục chung quy định tại Phần thứ tư và Phần thứ sáu của Bộ luật này. Phiên tòa xét xử đối với pháp nhân phải có mặt người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp; có mặt bị hại hoặc người đại diện của bị hại.

**Điều 445. Thẩm quyền, thủ tục thi hành ánđối với pháp nhân**

1. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cóthẩm quyền ra quyết định thi hành hình phạt tiền đối với pháp nhân. Trình tự, thủ tục thi hành hình phạt tiền được thực hiện theo quyđịnh của Luật thi hành án dân sự.

about:blank 547/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thi hành các hình phạt khác và các biện pháp tư pháp quy định tại Bộ luật hình sự đối với pháp nhân theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp pháp nhân bị kết án thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập thì pháp nhân kếthừa các quyền và nghĩa vụ của pháp nhân bịkết án có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thi hành án phạt tiền, bồi thường thiệt hại.

**Điều 446. Thủ tục đương nhiên xóa án tíchđối với pháp nhân**

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của pháp nhân được đương nhiên xóa án tích và xét thấy có đủ điều kiện quy định tạiĐiều 89 của Bộ luật hình sự thì Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án cấp giấy chứng nhận pháp nhân đã được xóa án tích.

**Chương XXX**

**THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT BUỘC CHỮA BỆNH**

about:blank 548/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 447. Điều kiện và thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh**

1. Khi có căn cứ cho rằng người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật hình sự thì tuỳ từng giai đoạn tốtụng, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải trưng cầu giám định pháp y tâm thần.

2. Căn cứ kết luận giám định pháp y tâm thần, Viện kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra, truy tố; Tòa án quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

**Điều 448. Điều tra đối với người bị nghi vềnăng lực trách nhiệm hình sự**

1. Đối với vụ án mà có căn cứ cho rằng người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra phải làm sáng tỏ:

a) Hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xảy ra;

about:blank 549/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Tình trạng tâm thần và bệnh tâm thần của người có hành vi nguy hiểm cho xã hội;

c) Người có hành vi nguy hiểm cho xã hội cómất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình hay không.

2. Khi tiến hành tố tụng, Cơ quan điều tra phải bảo đảm có người bào chữa tham gia tố tụng từkhi xác định được người có hành vi nguy hiểm cho xã hội mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năngđiều khiển hành vi. Người đại diện của ngườiđó có thể tham gia tố tụng trong trường hợp cần thiết.

**Điều 449. Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra**

1. Khi Cơ quan điều tra trưng cầu giám định pháp y tâm thần mà kết quả giám định xác định bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì Cơ quan điều tra gửi văn bảnđề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh

about:blank 550/627

16:18 9/8/24 about:blank

cùng kết luận giám định cho Viện kiểm sát cùng cấp để xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan điều tra cùng kết luận giám định, Viện kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp chữa bệnh đối với bị can hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại nếu thấy chưa đủ căn cứđể quyết định.

2. Trường hợp Viện kiểm sát ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì Cơquan điều tra phải ra quyết định tạm đình chỉhoặc đình chỉ điều tra đối với bị can.

**Điều 450. Quyết định của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố**

1. Sau khi nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, nếu có căn cứ cho rằng bị can không có năng lực trách nhiệm hình sự thì Viện kiểm sát trưng cầu giám định pháp y tâm thần.

2. Căn cứ vào kết luận giám định, Viện kiểm sát có thể ra một trong các quyết định:

about:blank 551/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Tạm đình chỉ vụ án và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;   
b) Đình chỉ vụ án và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;   
c) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung;   
d) Truy tố bị can trước Tòa án.

3. Ngoài quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, Viện kiểm sát có thể giải quyết vấn đề khác liên quan đến vụ án.

**Điều 451. Quyết định của Tòa án trong giaiđoạn xét xử**  
1. Sau khi thụ lý vụ án, nếu có căn cứ cho rằng bị can, bị cáo không có năng lực trách nhiệm hình sự thì Tòa án trưng cầu giám định pháp y tâm thần.

2. Căn cứ vào kết luận giám định, Tòa án có thể ra một trong những quyết định:   
 a) Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;   
about:blank 552/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Trả hồ sơ để điều tra lại hoặc điều tra bổsung;

c) Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;

d) Đưa vụ án ra xét xử.

3. Ngoài quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, Tòa án có thể giải quyết vấnđề bồi thường thiệt hại hoặc vấn đề khác liên quan đến vụ án.

**Điều 452. Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với người đang chấp hành án phạt tù**

1. Trường hợp có căn cứ cho rằng người đang chấp hành án phạt tù mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì Trại   
giam, Trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người bị kết án chấp hành án phạt tù trưng cầu giám định pháp y tâm thần.

about:blank 553/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Căn cứ kết luận giám định pháp y tâm thần, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc   
Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người bị kết án đang chấp hành án phạt tù ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tùvà áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Sau khi khỏi bệnh, người đó phải tiếp tục chấp hành án phạt tù nếu không có lý do để miễn chấp hành hình phạt tù.

**Điều 453. Khiếu nại, kháng cáo, kháng nghị**

1. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyếtđịnh của Viện kiểm sát về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh được thực hiện theo quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật này.

2. Việc kháng cáo, kháng nghị quyết định của Tòa án về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh được thực hiện như đối với quyếtđịnh sơ thẩm quy định tại Bộ luật này.

3. Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết

about:blank 554/627

16:18 9/8/24 about:blank

định khác thay thế hoặc hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

**Điều 454. Đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh**

1. Biện pháp bắt buộc chữa bệnh được thực hiện ở cơ sở bắt buộc chữa bệnh tâm thần do Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ định theo quyđịnh của pháp luật.

2. Khi có thông báo của thủ trưởng cơ sở bắt buộc chữa bệnh tâm thần về việc người bị bắt buộc chữa bệnh đã khỏi bệnh thì cơ quan đã đềnghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh hoặc Viện kiểm sát, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trưng cầu giám định pháp y tâm thần về tình trạng bệnh của người bị bắt buộc chữa bệnh.

Căn cứ kết luận giám định về việc người bị bắt buộc chữa bệnh đã khỏi bệnh, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

about:blank 555/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh phải được cơ quan đã đề nghịáp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh hoặc Viện kiểm sát, Tòa án gửi ngay cho cơ sở bắt buộc chữa bệnh và người đại diện của người bịbắt buộc chữa bệnh.

4. Các hoạt động tố tụng, việc chấp hành hình phạt đã bị tạm đình chỉ có thể được phục hồi theo quy định của Bộ luật này.

**Chương XXXI**

**THỦ TỤC RÚT GỌN**

**Điều 455. Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn**

Thủ tục rút gọn đối với việc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm được thực hiện theo quy định của Chương này và những quy định khác của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này.

**Điều 456. Điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn**

1. Thủ tục rút gọn được áp dụng trong giaiđoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm khi có đủ

about:blank 556/627

16:18 9/8/24 about:blank

các điều kiện:

a) Người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quảtang hoặc người đó tự thú;

b) Sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõràng;

c) Tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng;

d) Người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõràng.

2. Thủ tục rút gọn được áp dụng trong xét xửphúc thẩm khi có một trong các điều kiện:

a) Vụ án đã được áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử sơ thẩm và chỉ có kháng cáo, kháng nghịgiảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được   
hưởng án treo;

b) Vụ án chưa được áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử sơ thẩm nhưng có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

about:blank 557/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 457. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn**

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi vụ án có đủđiều kiện quy định tại Điều 456 của Bộ luật này, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn.

Thủ tục rút gọn được áp dụng kể từ khi ra quyết định cho đến khi kết thúc việc xét xửphúc thẩm, trừ trường hợp bị hủy bỏ theo quyđịnh tại Điều 458 của Bộ luật này.

2. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn được giao cho bị can, bị cáo hoặc người đại diện của họ, gửi cho người bào chữa trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Cơquan điều tra, Tòa án được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

3. Trường hợp xét thấy quyết định áp dụng thủtục rút gọn của Cơ quan điều tra không đúng pháp luật thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi

about:blank 558/627

16:18 9/8/24 about:blank

nhận được quyết định, Viện kiểm sát phải ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và gửi cho Cơ quan điều tra.

4. Trường hợp xét thấy quyết định áp dụng thủtục rút gọn của Tòa án không đúng pháp luật thì Viện kiểm sát kiến nghị với Chánh án Tòaán đã ra quyết định. Chánh án Tòa án phải xem xét, trả lời trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhậnđược kiến nghị của Viện kiểm sát.

5. Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn có thể bịkhiếu nại. Bị can, bị cáo hoặc người đại diện của họ có quyền khiếu nại quyết định áp dụng thủ tục rút gọn; thời hiệu khiếu nại là 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Khiếu nạiđược gửi đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án đã ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và phải được giải quyết trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

**Điều 458. Hủy bỏ quyết định áp dụng thủtục rút gọn**

Trong quá trình áp dụng thủ tục rút gọn, nếu một trong các điều kiện quy định tại các điểm

about:blank 559/627

16:18 9/8/24 about:blank

b, c và d khoản 1 Điều 456 của Bộ luật này không còn hoặc vụ án thuộc trường hợp tạmđình chỉ điều tra, tạm đình chỉ vụ án hoặc trảhồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định của Bộluật này thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

Thời hạn tố tụng của vụ án được tính tiếp theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này kể từkhi có quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn.

**Điều 459. Tạm giữ, tạm giam để điều tra, truy tố, xét xử**

1. Căn cứ, thẩm quyền và thủ tục tạm giữ, tạm giam được thực hiện theo quy định của Bộ luật này.

2. Thời hạn tạm giữ không được quá 03 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra nhận người bị bắt.

3. Thời hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra không quá 20 ngày, trong giai đoạn truy tố

about:blank 560/627

16:18 9/8/24 about:blank

không quá 05 ngày, trong giai đoạn xét xử sơthẩm không quá 17 ngày, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm không quá 22 ngày.

**Điều 460. Điều tra**

1. Thời hạn điều tra theo thủ tục rút gọn là 20 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

2. Khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra ra quyết định đề nghị truy tố.

Quyết định đề nghị truy tố ghi tóm tắt hành vi phạm tội, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng;đặc điểm nhân thân của bị can, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lý do và căn cứ đề nghị truy tố; tội danh, điểm,   
khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng; ghi rõ thời gian, địa điểm, họ tên và chữ ký của người ra quyết định.

about:blank 561/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết địnhđề nghị truy tố, Cơ quan điều tra phải giao   
quyết định đề nghị truy tố cho bị can hoặc   
người đại diện của bị can, gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ và chuyển quyết định đề nghị truy tố cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.

**Điều 461. Quyết định truy tố**

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận  
được quyết định đề nghị truy tố và hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát ra một trong các quyết định:

a) Truy tố bị can trước Tòa án bằng quyết định truy tố;

b) Không truy tố bị can và ra quyết định đình chỉ vụ án;

c) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

d) Tạm đình chỉ vụ án;

đ) Đình chỉ vụ án.

about:blank 562/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Quyết định truy tố ghi tóm tắt hành vi phạm tội, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng;đặc điểm nhân thân của bị can, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nêu rõ lý do và căn cứ truy tố; tội danh, điểm,   
khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng; ghi rõ thời gian, địa điểm, họ tên và chữ ký của người ra quyết định.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định truy tố, Viện kiểm sát phải giao quyết định cho bị can hoặc người đại diện của họ; gửi cho Cơquan điều tra, người bào chữa, bị hại, đương sựhoặc người đại diện của họ và chuyển quyếtđịnh truy tố cùng hồ sơ vụ án cho Tòa án.

**Điều 462. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụán, Thẩm phán được phân công xét xử ra một trong các quyết định:

about:blank 563/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Đưa vụ án ra xét xử;

b) Trả hồ sơ để điều tra bổ sung;

c) Tạm đình chỉ vụ án;

d) Đình chỉ vụ án.

2. Trường hợp quyết định đưa vụ án ra xét xửthì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết địnhđưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát cùng cấp; giao cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo; gửi cho người bào chữa, bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ.

**Điều 463. Phiên tòa xét xử sơ thẩm**

1. Phiên tòa xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn do một Thẩm phán tiến hành.

2. Sau phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Kiểm sát viên công bố quyết định truy tố.

about:blank 564/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Các trình tự, thủ tục khác tại phiên tòa xét xử sơ thẩm được thực hiện theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này nhưng không tiến hành nghị án.

**Điều 464. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm**

1. Việc nhận và thụ lý hồ sơ vụ án được Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phải chuyển ngay hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 05 ngày Viện kiểm sát phải trả hồ sơvụ án cho Tòa án.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý vụán, Thẩm phán được phân công xét xử ra một trong các quyết định:

a) Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm;

b) Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án.

3. Trường hợp quyết định đưa vụ án ra xét xửphúc thẩm thì trong thời hạn 07 ngày kể từ

about:blank 565/627

16:18 9/8/24 about:blank

ngày ra quyết định, Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án.

4. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết địnhđưa vụ án ra xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi quyết định đó cho Viện kiểm sát cùng cấp, người bào chữa; giao cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, bị hại, đương sự hoặc ngườiđại diện của họ.

**Điều 465. Phiên tòa xét xử phúc thẩm**

1. Việc xét xử phúc thẩm theo thủ tục rút gọn do một Thẩm phán tiến hành.

2. Các trình tự, thủ tục khác tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo thủ tục chung quyđịnh tại Bộ luật này nhưng không tiến hành nghị án.

**Chương XXXII**

**XỬ LÝ CÁC HÀNH VI CẢN TRỞ HOẠTĐỘNG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**Điều 466. Xử lý người có hành vi cản trởhoạt động tố tụng của cơ quan có thẩm**

about:blank 566/627

16:18 9/8/24 about:blank

**quyền tiến hành tố tụng**

Người bị buộc tội, người tham gia tố tụng khác có một trong các hành vi sau đây thì tuỳ mứcđộ vi phạm có thể bị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng quyết định áp giải, dẫn giải, phạt cảnh cáo, phạt tiền, tạm giữ hành chính, buộc khắc phục hậu quả hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật:

1. Làm giả, hủy hoại chứng cứ gây trở ngại cho việc giải quyết vụ việc, vụ án;

2. Khai báo gian dối hoặc cung cấp tài liệu sai sự thật;

3. Từ chối khai báo hoặc từ chối cung cấp tài liệu, đồ vật;

4. Người giám định, người định giá tài sản kết luận gian dối hoặc từ chối kết luận giám định,định giá tài sản mà không vì lý do bất khảkháng hoặc không do trở ngại khách quan;

5. Lừa dối, đe doạ, mua chuộc, sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người làm chứng ra làm chứng

about:blank 567/627

16:18 9/8/24 about:blank

hoặc buộc người khác ra làm chứng gian dối;

6. Lừa dối, đe doạ, mua chuộc, sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người bị hại tham gia tố tụng hoặc buộc người bị hại khai báo gian dối;

7. Lừa dối, đe doạ, mua chuộc, sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người giám định, người định giá tài sản thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người giám định, người định giá tài sản kết luận sai với sự thật khách quan;

8. Lừa dối, đe doạ, mua chuộc, sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản người phiên dịch, người dịch thuật thực hiện nhiệm vụ hoặc buộc người phiên dịch, người dịch thuật dịch gian dối;

9. Lừa dối, đe doạ, mua chuộc, sử dụng vũ lực nhằm ngăn cản đại diện cơ quan, tổ chức, cánhân khác tham gia tố tụng;

10. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; đe doạ, sử dụng vũ lực hoặc có hành vi khác cản trởhoạt động tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

about:blank 568/627

16:18 9/8/24 about:blank

11. Đã được triệu tập mà vắng mặt không vì lýdo bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho hoạt động tố tụng;

12. Ngăn cản việc cấp, giao, nhận hoặc thông báo văn bản tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**Điều 467. Xử lý người vi phạm nội quy phiên tòa**

1. Người vi phạm nội quy phiên tòa thì tùy tính chất, mức độ vi phạm có thể bị Thẩm phán chủtọa phiên tòa quyết định xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định buộc người vi phạm rời khỏi phòng xử án hoặc tạm giữ hành chính. Cơ quan công an có nhiệm vụ bảo vệ trật tự phiên tòa hoặc người có  
nhiệm vụ bảo vệ trật tự phiên tòa thi hành   
quyết định của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa vềviệc buộc rời khỏi phòng xử án hoặc tạm giữhành chính người gây rối trật tự phiên tòa.

about:blank 569/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Trường hợp hành vi của người vi phạm nội quy phiên tòa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Hội đồng xét xử có quyền khởi tốvụ án hình sự.

4. Quy định tại Điều này cũng được áp dụngđối với người có hành vi vi phạm tại phiên họp của Tòa án.

**Điều 468. Hình thức xử phạt, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử phạt**

Hình thức xử phạt, thẩm quyền, trình tự, thủtục xử phạt đối với các hành vi cản trở hoạtđộng tố tụng hình sự được thực hiện theo quyđịnh của Luật xử lý vi phạm hành chính vàpháp luật khác có liên quan.

**Chương XXXIII**

**KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

**Điều 469. Người có quyền khiếu nại**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan,

about:blank 570/627

16:18 9/8/24 about:blank

người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi cócăn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa cóhiệu lực pháp luật, bản án, quyết định đã cóhiệu lực pháp luật của Tòa án, cáo trạng hoặc quyết định truy tố, quyết định áp dụng thủ tục rút gọn, quyết định của Hội đồng xét xử sơthẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Hội đồng giám đốc thẩm, Hội đồng tái thẩm, Hội đồng xét giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện nếu cókhiếu nại, kháng cáo, kháng nghị thì giải quyết theo quy định tại các chương XXI, XXII,   
XXIV, XXV, XXVI và XXXI của Bộ luật này.

**Điều 470. Các quyết định, hành vi tố tụng cóthể bị khiếu nại**

1. Quyết định tố tụng có thể bị khiếu nại là các quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơquan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, PhóViện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên,   
Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán,

about:blank 571/627

16:18 9/8/24 about:blank

người có thẩm quyền tiến hành một số hoạtđộng điều tra được ban hành theo quy định của Bộ luật này.

2. Hành vi tố tụng có thể bị khiếu nại là hành viđược thực hiện trong hoạt động tố tụng của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra,Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòaán, Thẩm phán, Thẩm tra viên, người được   
giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được thực hiện theo quy định của Bộ luật này.

**Điều 471. Thời hiệu khiếu nại**

1. Thời hiệu khiếu nại là 15 ngày kể từ ngày người khiếu nại nhận được hoặc biết được quyết định, hành vi tố tụng mà người đó cho rằng có vi phạm pháp luật.

2. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu thì thời gian có lý do bất khả kháng hoặc

about:blank 572/627

16:18 9/8/24 about:blank

trở ngại khách quan đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

**Điều 472. Quyền và nghĩa vụ của người**   
**khiếu nại**   
1. Người khiếu nại có quyền:   
a) Tự mình khiếu nại hoặc thông qua người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc người đại diện để khiếu nại; b) Khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quátrình giải quyết vụ án hình sự;   
c) Rút khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình giải quyết khiếu nại;   
d) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại;đ) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đãbị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Người khiếu nại có nghĩa vụ:

about:blank 573/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp các thông tin, tài liệu đó;

b) Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nạiđã có hiệu lực pháp luật.

**Điều 473. Quyền và nghĩa vụ của người bịkhiếu nại**

1. Người bị khiếu nại có quyền:

a) Được thông báo về nội dung khiếu nại;

b) Đưa ra bằng chứng về tính hợp pháp của quyết định, hành vi tố tụng bị khiếu nại;

c) Được nhận quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của mình.

2. Người bị khiếu nại có nghĩa vụ:

a) Giải trình về quyết định, hành vi tố tụng bịkhiếu nại; cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu;

about:blank 574/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại;

c) Bồi thường thiệt hại, bồi hoàn, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi tố tụng trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

**Điều 474. Thẩm quyền và thời hạn giải**   
**quyết khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam**

1. Khiếu nại đối với lệnh giữ người trong   
trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt, quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam, quyết định tạm giam, quyếtđịnh phê chuẩn việc bắt, quyết định gia hạn tạm giữ, quyết định gia hạn tạm giam và khiếu nại các hành vi thực hiện các lệnh và quyếtđịnh đó phải được giải quyết ngay trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại.

Trường hợp cần phải có thời gian để xác minh thêm thì thời hạn giải quyết không được quá 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát có trách nhiệm giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng

about:blank 575/627

16:18 9/8/24 about:blank

trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạnđiều tra, truy tố. Cơ quan, người có thẩm quyền trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam phải chuyển ngay cho Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vàkiểm sát điều tra vụ án, vụ việc khiếu nại của người bị giữ, người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong thời hạn 24 giờ kể từkhi nhận được khiếu nại.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, người được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát giải quyết.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát giải quyết.

about:blank 576/627

16:18 9/8/24 about:blank

Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Viện trưởng Viện kiểm sát thìtrong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết nếu quyết định, hành vi tốtụng bị khiếu nại là của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng

about:blank 577/627

16:18 9/8/24 about:blank

Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyếtđịnh có hiệu lực pháp luật.

3. Tòa án có trách nhiệm giải quyết khiếu nại quyết định bắt, tạm giam trong giai đoạn xét xử.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Chánh án trong việc bắt, tạm giam do Chánh án Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu   
không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh án thì trong thời hạn 03 ngày kểtừ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án trên một cấp. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại,   
Chánh án Tòa án trên một cấp phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án trên một cấp là quyết định có hiệu lực pháp luật.

about:blank 578/627

16:18 9/8/24 about:blank

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án trong việc bắt, tạm giam do Chánh án Tòa án trên một cấp xem xét, giải quyết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhậnđược khiếu nại, Chánh án Tòa án trên một cấp phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án trên một cấp là quyếtđịnh có hiệu lực pháp luật.

**Điều 475. Thẩm quyền và thời hạn giải**   
**quyết khiếu nại đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủ trưởng và Thủ trưởng Cơ quan điều tra, người được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra**

1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Phó Thủtrưởng Cơ quan điều tra trừ khiếu nại về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam do Thủ trưởng Cơ quan điều tra xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kểtừ ngày nhận được khiếu nại. Nếu không đồngý với quyết định giải quyết của Thủ trưởng Cơquan điều tra thì trong thời hạn 03 ngày kể từngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến

about:blank 579/627

16:18 9/8/24 about:blank

Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp là quyết định cóhiệu lực pháp luật.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra và các quyếtđịnh tố tụng của Cơ quan điều tra đã được Viện kiểm sát phê chuẩn do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu khôngđồng ý với quyết định giải quyết của Viện   
trưởng Viện kiểm sát cùng cấp thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu việc giải quyết khiếu nại lần đầu do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Trong thời hạn 15 ngày kểtừ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng

about:blank 580/627

16:18 9/8/24 about:blank

Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định cóhiệu lực pháp luật.

2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của cấp phó, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trừ việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ do cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu khôngđồng ý với quyết định giải quyết của cấp   
trưởng thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sátđiều tra. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát là quyếtđịnh có hiệu lực pháp luật.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụtiến hành một số hoạt động điều tra do Viện

about:blank 581/627

16:18 9/8/24 about:blank

trưởng Viện kiểm sát thực hành quyền công tốvà kiểm sát điều tra xem xét, giải quyết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát là quyết định có hiệu lực pháp luật.

**Điều 476. Thẩm quyền và thời hạn giải**   
**quyết khiếu nại đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Phó Viện trưởng và Viện trưởng Viện kiểm sát**

1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát do Viện trưởng Viện kiểm sát xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Nếu khôngđồng ý với quyết định giải quyết của Viện   
trưởng Viện kiểm sát thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nạiđến Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Viện

about:blank 582/627

16:18 9/8/24 about:blank

trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là quyếtđịnh có hiệu lực pháp luật.

2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát do Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện trưởng   
Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là quyết định có hiệu lực pháp luật.

3. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu là khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thì được giải quyết:

a) Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong thực hành quyền công tố, kiểm sátđiều tra, truy tố do Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định có hiệu lực pháp luật;

about:blank 583/627

16:18 9/8/24 about:blank

b) Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tốtụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kểtừ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao làquyết định có hiệu lực pháp luật.

4. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên công tác tại Viện kiểm sát quân sự trung ương, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhậnđược khiếu nại. Quyết định giải quyết của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương làquyết định có hiệu lực pháp luật.

**Điều 477. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với Thẩm phán, Thẩm**

about:blank 584/627

16:18 9/8/24 about:blank

**tra viên, Phó Chánh án và Chánh án Tòa án**

1. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sựkhu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sự khu vực giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện,   
Chánh án Tòa án quân sự khu vực thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyếtđịnh giải quyết khiếu nại, người khiếu nại cóquyền khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhậnđược khiếu nại, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phải xem xét, giải quyết. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánhán Tòa án quân sự cấp quân khu là quyết định có hiệu lực pháp luật.

about:blank 585/627

16:18 9/8/24 about:blank

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện,   
Chánh án Tòa án quân sự khu vực trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kểtừ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu là  
quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánhán Tòa án quân sự cấp quân khu xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhậnđược khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyếtđịnh giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhậnđược quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánh án Tòaán nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sựtrung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn

about:blank 586/627

16:18 9/8/24 about:blank

15 ngày. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao trước khi mở phiên tòa do Chánh án Tòa án cấp cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhậnđược khiếu nại. Nếu không đồng ý với quyếtđịnh giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao thì trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại có quyền khiếu nại đến Chánhán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là quyếtđịnh có hiệu lực pháp luật.

Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánhán Tòa án quân sự cấp quân khu do Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu

about:blank 587/627

16:18 9/8/24 about:blank

nại. Quyết định giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sựtrung ương là quyết định có hiệu lực pháp luật.

3. Khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm tra viên công tác tại Tòa án nhân dân tối cao, Phó  
Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán và Thẩm tra viên công tác tại Tòa án quân sựtrung ương, Phó Chánh án Tòa án quân sự  
trung ương do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương xem xét, giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải   
quyết của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương là quyếtđịnh có hiệu lực pháp luật.

**Điều 478. Người có quyền tố cáo**

Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan, người cóthẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi

about:blank 588/627

16:18 9/8/24 about:blank

ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Điều 479. Quyền và nghĩa vụ của người tốcáo**   
1. Người tố cáo có quyền:   
a) Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền;   
b) Yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của mình;   
c) Được nhận quyết định giải quyết tố cáo; d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tốtụng bảo vệ khi bị đe doạ, trù dập, trả thù.

2. Người tố cáo có nghĩa vụ:   
a) Trình bày trung thực về nội dung tố cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc tố cáo;   
b) Nêu rõ họ tên, địa chỉ của mình;

about:blank 589/627

16:18 9/8/24 about:blank

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu cố ý tốcáo sai sự thật.

**Điều 480. Quyền và nghĩa vụ của người bị tốcáo**   
1. Người bị tố cáo có quyền:   
a) Được thông báo về nội dung tố cáo;   
b) Đưa ra bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật;   
c) Được nhận quyết định giải quyết tố cáo; d) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bịxâm phạm, được phục hồi danh dự, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo không đúng gây ra;  
đ) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tố cáo sai sự thật.

2. Người bị tố cáo có nghĩa vụ:   
 a) Giải trình về hành vi bị tố cáo; cung cấp   
 thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, người about:blank 590/627

16:18 9/8/24 about:blank

có thẩm quyền yêu cầu;

b) Chấp hành quyết định giải quyết tố cáo;

c) Bồi thường thiệt hại, bồi hoàn, khắc phục hậu quả do hành vi tố tụng trái pháp luật của mình gây ra.

**Điều 481. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết tố cáo**

1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thuộc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào thì ngườiđứng đầu cơ quan đó có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng Cơquan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát thìThủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án quân sựkhu vực thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp

about:blank 591/627

16:18 9/8/24 about:blank

tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu cóthẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sựcấp quân khu thì Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo là Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án quân sựtrung ương thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền giải quyết.

Tố cáo hành vi tố tụng của người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra do Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm thì được giải quyết theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật này.

3. Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo; đối với vụ

about:blank 592/627

16:18 9/8/24 about:blank

việc phức tạp thì thời hạn giải quyết tố cáo cóthể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

4. Tố cáo liên quan đến hành vi giữ người   
trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố phải được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, giải quyết trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhậnđược tố cáo. Trường hợp phải xác minh thêm thì thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày   
nhận được tố cáo.

**Điều 482. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi nhiệm vụ,   
quyền hạn của mình có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật khiếu nại, tốcáo và gửi văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo cho người đã khiếu nại, tố cáo; xử lý nghiêm minh người vi phạm pháp luật; áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo khi có yêu cầu, ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; bảo đảm kết quảgiải quyết khiếu nại, tố cáo được thi hành

about:blank 593/627

16:18 9/8/24 about:blank

nghiêm chỉnh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết của mình.

2. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo mà không giải quyết, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết, giải quyết trái pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lýkỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại, bồi hoàn theo quy định của luật.

3. Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án có trách nhiệm thông báo việc tiếp nhận và gửi văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền.

**Điều 483. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1. Viện kiểm sát kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án cùng cấp và cấp dưới.

about:blank 594/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tốcáo, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Yêu cầu Cơ quan điều tra, Tòa án, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra ra quyết định giải quyết khiếu nại, ra văn bản giải quyết tố cáo theo quy định tại   
Chương này;

b) Yêu cầu Cơ quan điều tra, Tòa án, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra tự kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tốcáo của cấp mình và cấp dưới; thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát;

c) Yêu cầu Cơ quan điều tra, Tòa án, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Viện kiểm sát;

d) Trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án cùng cấp và cấp dưới;

about:blank 595/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Ban hành kết luận kiểm sát; thực hiện quyền kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra, Tòa án, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Viện kiểm sát cấp trên có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện kiểm sát cấp dưới. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thanh tra, kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện kiểm sát các cấp.

**Chương XXXIV**   
 **BẢO VỆ NGƯỜI TỐ GIÁC TỘI PHẠM,**  **NGƯỜI LÀM CHỨNG, BỊ HẠI VÀ** **NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG KHÁC** **Điều 484. Người được bảo vệ**  
 1. Những người được bảo vệ gồm:   
 a) Người tố giác tội phạm;   
 b) Người làm chứng;   
 c) Bị hại;   
about:blank 596/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Người thân thích của người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại.

2. Người được bảo vệ có quyền:

a) Đề nghị được bảo vệ;

b) Được thông báo, giải thích về quyền vànghĩa vụ;

c) Được biết về việc áp dụng biện pháp bảo vệ;đề nghị thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp bảo vệ;

d) Được bồi thường thiệt hại, khôi phục danh dự, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp trong thời gian bảo vệ.

3. Người được bảo vệ có nghĩa vụ:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của cơquan bảo vệ liên quan đến việc bảo vệ;

b) Giữ bí mật thông tin bảo vệ;

c) Thông báo kịp thời đến cơ quan có trách nhiệm bảo vệ về những vấn đề nghi vấn trong

about:blank 597/627

16:18 9/8/24 about:blank

thời gian được bảo vệ.

**Điều 485. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ**

1. Cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ gồm:

a) Cơ quan điều tra của Công an nhân dân;

b) Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ gồm:

a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra của Công an nhân dân có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người được bảo vệ trong các vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý, giải quyết,điều tra hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp; đề nghịcủa Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với

about:blank 598/627

16:18 9/8/24 about:blank

người được bảo vệ trong các vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý, giải quyết,điều tra hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát quân sự, Tòa án quân sự cùng cấp; đề nghị của Viện kiểm sát quân sự trung ương.

3. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp nếu xét thấy cần áp dụng biện pháp bảo vệđối với người được bảo vệ thì đề nghị Cơ quanđiều tra trực tiếp thụ lý vụ án hình sự ra quyếtđịnh áp dụng biện pháp bảo vệ đối với ngườiđược bảo vệ. Đề nghị phải được thể hiện bằng văn bản.

Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sựtrung ương nếu xét thấy cần áp dụng biện pháp bảo vệ đối với người được bảo vệ trong vụ  
việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý, giải quyết, điều tra thì báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có văn bản đềnghị với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra hình sự, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

about:blank 599/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 486. Các biện pháp bảo vệ**

1. Khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại do việc cung cấp chứng cứ, tài liệu, thông tin liên quan đến tội phạm thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng quyết định áp dụng những biện pháp sau đây để bảo vệ họ:

a) Bố trí lực lượng, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ vàcác phương tiện khác để canh gác, bảo vệ;

b) Hạn chế việc đi lại, tiếp xúc của người được bảo vệ để bảo đảm an toàn cho họ;

c) Giữ bí mật và yêu cầu người khác giữ bí mật các thông tin liên quan đến người được bảo vệ;

d) Di chuyển, giữ bí mật chỗ ở, nơi làm việc, học tập; thay đổi tung tích, lý lịch, đặc điểm nhân dạng của người được bảo vệ, nếu được họđồng ý;

about:blank 600/627

16:18 9/8/24 about:blank

đ) Răn đe, cảnh cáo, vô hiệu hóa các hành vi xâm hại người được bảo vệ; ngăn chặn, xử lýkịp thời các hành vi xâm hại theo quy định của pháp luật;

e) Các biện pháp bảo vệ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc áp dụng, thay đổi các biện pháp bảo vệquy định tại khoản 1 Điều này không được làmảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ.

**Điều 487. Đề nghị, yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ**

1. Người được bảo vệ có quyền làm văn bản đềnghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ. Văn bản đề nghị, yêu cầu cócác nội dung chính:

a) Ngày, tháng, năm;

b) Tên, địa chỉ của người đề nghị;

c) Lý do và nội dung đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ;

about:blank 601/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Chữ ký hoặc điểm chỉ của người đề nghị. Trường hợp đề nghị của cơ quan, tổ chức thìngười đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổchức đó ký tên và đóng dấu.

2. Trường hợp khẩn cấp, người được bảo vệtrực tiếp đề nghị cơ quan, người có thẩm quyềnáp dụng biện pháp bảo vệ hoặc thông qua   
phương tiện thông tin liên lạc nhưng sau đóphải thể hiện bằng văn bản đề nghị. Cơ quan, người có thẩm quyền nhận được đề nghị, yêu cầu phải lập biên bản và đưa vào hồ sơ bảo vệ.

3. Khi tiến hành tố tụng đối với vụ án, cơ quanđược giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt độngđiều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhận được đềnghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ có  
trách nhiệm xem xét, đề nghị Cơ quan điều tra cùng cấp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao nhậnđược đề nghị, yêu cầu bảo vệ thì đề nghị Cơquan điều tra Bộ Công an xem xét, quyết địnháp dụng biện pháp bảo vệ.

about:blank 602/627

16:18 9/8/24 about:blank

4. Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cứ, tính xác thực của đề nghị, yêu cầu bảo vệ. Trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ thì phải giải thích rõ lý do cho người đãyêu cầu, đề nghị biết.

**Điều 488. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ**  
1. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ gồm các nội dung chính:   
a) Số, ngày, tháng, năm; địa điểm ra quyết  
định;   
b) Chức vụ của người ra quyết định;   
c) Căn cứ ra quyết định;   
d) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được bảo vệ;  
đ) Biện pháp bảo vệ và thời gian bắt đầu thực hiện biện pháp bảo vệ.

2. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ được gửi cho người yêu cầu bảo vệ, người được bảo about:blank 603/627

16:18 9/8/24 about:blank

vệ, Viện kiểm sát, Tòa án đã đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ và cơ quan, tổ chức, đơn vịliên quan đến việc bảo vệ.

3. Sau khi ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, Cơ quan điều tra có thẩm quyền áp dụng phải tổ chức thực hiện ngay biện pháp bảo vệ. Trường hợp cần thiết có thể phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân, Quânđội nhân dân để thực hiện việc bảo vệ.

4. Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng cóthể thay đổi, bổ sung biện pháp bảo vệ trong quá trình bảo vệ nếu xét thấy cần thiết.

5. Thời gian bảo vệ được tính từ khi áp dụng biện pháp bảo vệ cho đến khi có quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ.

**Điều 489. Chấm dứt việc bảo vệ**

1. Khi xét thấy căn cứ xâm hại hoặc đe dọa xâm hại tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ không còn, Thủ trưởng Cơ quan điều tra đã quyết định áp

about:blank 604/627

16:18 9/8/24 about:blank

dụng biện pháp bảo vệ phải ra quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ.

2. Quyết định chấm dứt áp dụng các biện pháp bảo vệ phải được gửi cho người được bảo vệ, cơ quan đã đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệvà cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc bảo vệ.

**Điều 490. Hồ sơ bảo vệ**

1. Cơ quan điều tra đã ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ phải lập hồ sơ bảo vệ.

2. Hồ sơ bảo vệ gồm:

a) Văn bản đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ; biên bản về việc đề nghị, yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ;

b) Kết quả xác minh về hành vi xâm hại hoặcđe dọa xâm hại tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ;

c) Tài liệu về hậu quả thiệt hại đã xảy ra (nếu có) và việc xử lý của cơ quan có thẩm quyền;

about:blank 605/627

16:18 9/8/24 about:blank

d) Văn bản yêu cầu, đề nghị thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp bảo vệ;  
đ) Quyết định áp dụng, thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp bảo vệ;   
e) Tài liệu phản ánh diễn biến quá trình áp dụng biện pháp bảo vệ;   
g) Văn bản yêu cầu, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp bảo vệ;   
h) Báo cáo kết quả thực hiện biện pháp bảo vệ; i) Quyết định chấm dứt biện pháp bảo vệ;   
k) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến việc bảo vệ.

**PHẦN THỨ TÁM**   
 **HỢP TÁC QUỐC TẾ**  
**Chương XXXV**   
 **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

about:blank 606/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 491. Phạm vi hợp tác quốc tế trong tốtụng hình sự**

1. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự là việc các cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các cơ quan cóthẩm quyền của nước ngoài phối hợp, hỗ trợnhau để thực hiện hoạt động phục vụ yêu cầuđiều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

2. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự gồm tương trợ tư pháp về hình sự; dẫn độ; tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tùvà các hoạt động hợp tác quốc tế khác được quy định tại Bộ luật này, pháp luật về tương trợtư pháp và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xãhội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thực hiện theo quy định của điềuước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại, theo quy định của Bộ luật này, pháp luật về tương trợ tư pháp và quy định khác của   
pháp luật Việt Nam có liên quan.

about:blank 607/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 492. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự**

1. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bìnhđẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế màCộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp Việt Nam chưa ký kết hoặc chưa gia nhập điều ước quốc tế có liên quan thì việc hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

**Điều 493. Cơ quan trung ương trong hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự**

1. Bộ Công an là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hoạt động dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

about:blank 608/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủnghĩa Việt Nam trong hoạt động tương trợ tưpháp về hình sự và những hoạt động hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 494. Giá trị pháp lý của tài liệu, đồ vật thu thập được qua hợp tác quốc tế trong tốtụng hình sự**

Tài liệu, đồ vật do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thu thập theo ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc tài liệu, đồ vật do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài gửi đến Việt Nam để ủy thác truy cứu trách nhiệm hình sự có thể được coi làchứng cứ. Trường hợp tài liệu, đồ vật này cóđặc điểm quy định tại Điều 89 của Bộ luật này thì có thể được coi là vật chứng.

**Điều 495. Việc tiến hành tố tụng của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ởViệt Nam**

about:blank 609/627

16:18 9/8/24 about:blank

Việc tiến hành tố tụng của người có thẩm   
quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người cóthẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tếmà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làthành viên hoặc thực hiện theo nguyên tắc cóđi có lại.

**Điều 496. Sự có mặt của người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ở nước ngoài; người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại nước ngoài ở Việt Nam**

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thểđề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho người làm chứng, người giám định, ngườiđang chấp hành án phạt tù tại nước được đềnghị có mặt ở Việt Nam để phục vụ việc giải quyết vụ án hình sự.

2. Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể cho phép người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại

about:blank 610/627

16:18 9/8/24 about:blank

Việt Nam có mặt ở nước đã đề nghị để phục vụviệc giải quyết vụ án hình sự.

**Chương XXXVI**

**MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ**

**Điều 497. Việc tiếp nhận, chuyển giao tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án**

Việc tiếp nhận, chuyển giao tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủnghĩa Việt Nam là thành viên, quy định của Bộluật này, pháp luật về tương trợ tư pháp và quyđịnh khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**Điều 498. Xử lý trường hợp từ chối dẫn độcông dân Việt Nam**

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm xem xét để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc cho thi hành bản án, quyết

about:blank 611/627

16:18 9/8/24 about:blank

định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ.

**Điều 499. Trình tự, thủ tục xem xét, xử lýyêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh từ chối dẫn độ công dân Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Tòa án đã ra quyết định từ chối dẫn độchuyển hồ sơ và các tài liệu kèm theo của nước ngoài đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao đểxem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, xửlý yêu cầu của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ theo quy định của luật.

3. Việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sựđược tiến hành theo quy định của Bộ luật này.

4. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thểyêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

about:blank 612/627

16:18 9/8/24 about:blank

cung cấp, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật đểbảo đảm việc điều tra, truy tố, xét xử có căn cứ,đúng pháp luật.

**Điều 500. Điều kiện cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoàiđối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ**

Bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫnđộ có thể được thi hành tại Việt Nam khi có đủcác điều kiện:

1. Có văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ;

2. Hành vi phạm tội mà công dân Việt Nam bịkết án ở nước ngoài cũng cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

3. Bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam đã có hiệu

about:blank 613/627

16:18 9/8/24 about:blank

lực pháp luật và không còn thủ tục tố tụng nàođối với người đó.

**Điều 501. Trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòaán nước ngoài đối với công dân Việt Nam bịtừ chối dẫn độ**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhậnđược yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định từ chối dẫn độxem xét yêu cầu của nước ngoài.

2. Tòa án có thẩm quyền mở phiên họp bằng Hội đồng gồm ba Thẩm phán để xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ. Phiên họp phải có mặt của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp, người bịyêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, luật sư hoặc người đại diện của họ (nếu có).

about:blank 614/627

16:18 9/8/24 about:blank

3. Sau khi khai mạc phiên họp, một thành viên của Hội đồng trình bày những vấn đề liên quanđến yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam và nêu ý kiến về cơ sở pháp lý của việc cho thi hành bản án, quyết định hình sựcủa Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc cho thi hành bản án, quyếtđịnh hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam.

Người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, luật sư, ngườiđại diện của người này trình bày ý kiến (nếu có).

Hội đồng thảo luận và quyết định theo đa sốviệc cho thi hành hoặc không cho thi hành bảnán, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoàiđối với người bị yêu cầu.

4. Quyết định cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công

about:blank 615/627

16:18 9/8/24 about:blank

dân Việt Nam tại Việt Nam phải ghi rõ thời hạn mà người đó phải thi hành án phạt tù tại Việt Nam trên cơ sở xem xét, quyết định:

a) Trường hợp thời hạn của hình phạt do nước ngoài đã tuyên phù hợp với pháp luật Việt Nam thì thời hạn phải thi hành án tại Việt Nam được quyết định tương ứng với thời hạn đó;

b) Trường hợp tính chất hoặc thời hạn của hình phạt do Tòa án nước ngoài đã tuyên không phùhợp pháp luật Việt Nam thì quyết định chuyểnđổi hình phạt cho phù hợp với pháp luật Việt Nam nhưng không được dài hơn hình phạt đãtuyên của Tòa án nước ngoài.

5. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ra quyếtđịnh cho thi hành hoặc không cho thi hành bảnán, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, Tòa án nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định cho người bị yêu cầu thi hành, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an để thực hiện.

Người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền

about:blank 616/627

16:18 9/8/24 about:blank

kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghịtrong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp tỉnh ra quyết định.

Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải gửi hồ sơ vàkháng cáo, kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp cao trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhậnđược hồ sơ xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài cókháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp cao mở phiên họp xem xét quyết định của Tòaán nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị.

Thủ tục xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều này.

7. Quyết định thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam có hiệu lực pháp luật gồm:

about:blank 617/627

16:18 9/8/24 about:blank

a) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh không bị kháng cáo, kháng nghị;

b) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao.

8. Trình tự, thủ tục thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam được thực hiện theo quy định Bộ luật này và Luật thi   
hành án hình sự.

9. Khi nhận được thông báo về quyết định đặc xá, đại xá hoặc miễn, giảm hình phạt của nước ngoài đối với công dân Việt Nam phạm tội ởnước ngoài bị Việt Nam từ chối dẫn độ và  
người đó đang thi hành án tại Việt Nam thì BộCông an gửi ngay thông báo đó cho Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, quyếtđịnh.

**Điều 502. Các biện pháp ngăn chặn, căn cứvà thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn**

1. Các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm cho việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành

about:blank 618/627

16:18 9/8/24 about:blank

quyết định dẫn độ gồm bắt, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh.

2. Biện pháp ngăn chặn chỉ được áp dụng đối với người bị xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc bịdẫn độ khi có đủ các điều kiện:

a) Tòa án đã có quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người đó hoặc quyết định dẫnđộ đối với người đó đã có hiệu lực pháp luật;

b) Có căn cứ cho rằng người bị yêu cầu dẫn độbỏ trốn hoặc gây khó khăn, cản trở việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành quyết định dẫn độ.

3. Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn quy định tại khoản 1 Điều này. Thẩm phán chủ tọa phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ có quyền quyết định việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp đặt tiềnđể bảo đảm sự có mặt của người bị yêu cầu dẫnđộ tại phiên họp.

about:blank 619/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 503. Bắt tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ**

1. Việc bắt người bị yêu cầu dẫn độ để tạm giam hoặc thi hành quyết định dẫn độ được thực hiện theo quy định tại Điều 113 của Bộluật này.

2. Thời hạn tạm giam để xem xét yêu cầu dẫnđộ không quá thời hạn trong lệnh bắt giam của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫnđộ hoặc thời hạn phải thi hành hoặc còn phải thi hành hình phạt tù trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước yêu cầu dẫn độ.

Trường hợp cần thiết, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao có thể gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ ra lệnh, quyết định tạm giam hoặc gia hạn tạm giam người bị yêu cầu dẫn độđể bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ; văn bản yêu cầu được gửi thông qua Bộ Công an.

**Điều 504. Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh**

about:blank 620/627

16:18 9/8/24 about:blank

1. Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ có nơi cư trú rõ ràng nhằm bảo đảm sựcó mặt của họ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trúđược thực hiện theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật này.

Thời hạn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cưtrú không được quá thời hạn bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ và thời hạn xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

2. Tạm hoãn xuất cảnh là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độnhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Việc áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnhđược thực hiện theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật này.

about:blank 621/627

16:18 9/8/24 about:blank

Thời hạn áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh không được quá thời hạn bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ và thời hạn xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định dẫnđộ hoặc quyết định từ chối dẫn độ theo quyđịnh của pháp luật về tương trợ tư pháp.

**Điều 505. Đặt tiền để bảo đảm**

1. Đặt tiền để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độcăn cứ vào tình trạng tài sản của người đó  
nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Tòa án.

2. Việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm thực hiện theo quy định tại Điều 122 của Bộluật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp đặt tiền để bảođảm không được quá thời hạn bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ và thời hạn xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định dẫnđộ hoặc quyết định từ chối dẫn độ theo quyđịnh của pháp luật về tương trợ tư pháp.

about:blank 622/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 506. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn**

1. Khi Tòa án có thẩm quyền quyết định từchối dẫn độ hoặc hết thời hạn 15 ngày kể từngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ cóhiệu lực mà nước yêu cầu dẫn độ không tiếp nhận người bị dẫn độ thì mọi biện pháp ngăn chặn đã áp dụng đều phải được hủy bỏ.

2. Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn quy định tại Điều 502 của Bộ luật này phải kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn do mình quyết định nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết.

**Điều 507. Xử lý tài sản do phạm tội mà có**

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có đểphục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

about:blank 623/627

16:18 9/8/24 about:blank

2. Việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có tại Việt Namđược thực hiện theo quy định của Bộ luật này và quy định khác của pháp luật Việt Nam cóliên quan.

3. Việc xử lý tài sản do phạm tội mà có tại Việt Nam thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo thoả thuận trong từng vụ việc cụ thể giữa cơ quan có thẩm   
quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có liên quan.

**Điều 508. Phối hợp điều tra, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt**

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thểhợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc phối hợp điều tra hoặc áp   
dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Việc hợp tác phối hợp điều tra hoặc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo thoả thuận trong từng vụ việc cụ thể

about:blank 624/627

16:18 9/8/24 about:blank

giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam vàcơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có liên quan.

2. Các hoạt động phối hợp điều tra thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thực hiện theo quy định của Bộluật này và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**PHẦN THỨ CHÍN**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 509. Hiệu lực thi hành**

1. Bộ luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Bộ luật tố tụng hình sự số 19/2003/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Bộ luật này có hiệu lực.

3. Bãi bỏ quy định về việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa tại khoản 3 và khoản 4 Điều 27 của Luật luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửađổi, bổ sung một số điều theo Luật số  
20/2012/QH13.

about:blank 625/627

16:18 9/8/24 about:blank

**Điều 510. Quy định chi tiết**

Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòaán nhân dân tối cao quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Bộ luật này.

*Bộ luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Sinh Hùng**

 [Tải Văn bản tiếng Việt](https://lawnet.vn/vb/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-487B4.html) Tải Văn bản tiếng Việt

 [Tải bản PDF](https://lawnet.vn/vb/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-487B4.html) Tải bản PDF

 [Tải Văn bản tiếng Anh](https://lawnet.vn/vb/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-487B4.html) Tải Văn bản tiếng Anh

about:blank 626/627

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 16:18 9/8/24 |  | about:blank | 627/627 |
| Tải Văn bản gốc Tải Văn bản gốc |
| about:blank |  | [Phần 1](https://lawnet.vn/vb/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-487B4.html) Phần 1 |
|  | [Phần 2](https://lawnet.vn/vb/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-487B4.html) Phần 2 |
|  | [Phần 3](https://lawnet.vn/vb/Bo-luat-to-tung-hinh-su-2015-487B4.html) Phần 3 |